

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ETEP

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỐT CÁN**
(Bồi dưỡng trực tiếp)

MÔ ĐUN 2
SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC
PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ
MÔN NGỮ VĂN

Thành phố Hồ Chí Minh - năm 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ETEP

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỐT CÁN
(Bồi dưỡng trực tiếp)**

**MÔ ĐUN 2
SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN
PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ
MÔN NGỮ VĂN**

Đại diện Ban biên soạn

Chủ biên



PGS.TS. Dương Thị Hồng Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh - năm 2020

MỤC LỤC

KÝ HIỆU VIẾT TẮT	1
CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ.....	2
NỘI DUNG CHI TIẾT MÔ ĐUN	3
1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MÔ ĐUN	3
2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔ ĐUN.....	4
3. NỘI DUNG CHÍNH	4
4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG	4
4.1. Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng qua mạng (5 ngày).....	4
4.2. Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng trực tiếp (3 ngày)	14
4.3. Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng qua mạng (7 ngày).....	32
5. TÀI LIỆU ĐỌC	34
NỘI DUNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC	34
1.1. Khái quát về dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực.....	34
1.1.1. Phẩm chất và năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	34
1.1.1.1. Phẩm chất trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	34
1.1.1.2. Năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	34
1.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực	35
1.1.3. Dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực	35
1.1.3.1. So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển phẩm chất, năng lực	35
1.1.3.2. Các nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực	37
1.1.3.3. Yêu cầu đối với giáo viên trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực	40

1.2. Xu hướng hiện đại về phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực	42
<i>1.2.1. Phương pháp dạy học và giáo dục</i>	<i>42</i>
<i>1.2.2. Xu hướng hiện đại về phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực.....</i>	<i>43</i>
<i>1.2.3. Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực theo xu hướng hiện đại.....</i>	<i>44</i>
1.2.3.1. Dạy học hợp tác.....	44
1.2.3.2. Dạy học khám phá.....	46
1.2.3.3. Dạy học giải quyết vấn đề.....	48
1.2.3.4. Dạy học dựa trên dự án	50
1.2.3.5. Kĩ thuật dạy học	52
CÂU HỎI, BÀI TẬP.....	52

NỘI DUNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN NGỮ VĂN 54

2.1. Môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	54
<i>2.1.1. Đặc điểm của môn Ngữ văn</i>	<i>54</i>
<i>2.1.2. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Ngữ văn</i>	<i>55</i>
2.1.2.1. Mục tiêu của môn Ngữ văn.....	55
2.1.2.2. Yêu cầu cần đạt của môn Ngữ văn	55
<i>2.1.3. Định hướng về phương pháp và kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh trong môn Ngữ văn</i>	<i>57</i>
2.1.3.1. Định hướng chung.....	57
2.1.3.2. Định hướng về phương pháp dạy đọc	58
2.1.3.3. Định hướng về phương pháp dạy viết.....	62
2.1.3.4. Định hướng về phương pháp dạy nói và nghe	62
<i>2.1.4. Quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung dạy học, phương pháp và kĩ thuật dạy học trong môn Ngữ văn</i>	<i>64</i>

2.2. Một số phương pháp kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Ngữ văn	68
2.2.1. Dạy học dựa trên dự án	68
2.2.1.1. Định hướng sử dụng	68
2.2.1.2. Ví dụ minh họa.....	69
2.2.2. Dạy học hợp tác	71
2.2.2.1. Định hướng sử dụng	71
2.2.2.2. Ví dụ minh họa.....	73
2.2.3. Dạy học giải quyết vấn đề.....	74
2.2.3.1. Định hướng sử dụng	74
2.2.3.2. Ví dụ minh họa.....	75
2.2.4. Phương pháp đàm thoại gợi mở.....	77
2.2.4.1. Khái niệm	77
2.2.4.2. Cách tiến hành.....	78
2.2.4.3. Định hướng sử dụng	78
2.2.4.4. Điều kiện sử dụng	80
2.2.4.5. Ví dụ minh họa.....	80
2.2.5. Phương pháp đóng vai.....	82
2.2.5.1. Khái niệm	82
2.2.5.2. Cách tiến hành.....	82
2.2.5.3. Định hướng sử dụng	83
2.2.5.4. Điều kiện sử dụng	83
2.2.5.5. Ví dụ minh họa.....	84
2.2.6. Phương pháp dạy viết dựa trên tiến trình.....	85
2.2.6.1. Khái niệm	85
2.2.6.2. Cách tiến hành.....	85
2.2.6.3. Định hướng sử dụng	86
2.2.6.4. Điều kiện sử dụng	86
2.2.6.5. Ví dụ minh họa.....	86
2.2.7. Phương pháp dạy học theo mẫu	88

2.2.7.1. Khái niệm	88
2.2.7.2. Cách tiến hành.....	89
2.2.7.3. Định hướng sử dụng.....	89
2.2.7.4. Điều kiện sử dụng	90
2.2.7.5. Ví dụ minh họa.....	90
2.2.8. Kỹ thuật khăn trải bàn	94
2.2.8.1. Cách tiến hành.....	95
2.2.8.2. Ưu điểm và hạn chế	95
2.2.8.3. Ví dụ minh họa.....	96
2.2.9. Kỹ thuật sơ đồ tư duy.....	97
2.2.9.1. Cách tiến hành.....	97
2.2.9.2. Ưu điểm và hạn chế	98
2.2.9.3. Ví dụ minh họa.....	98
2.2.10. Kỹ thuật phòng tranh	99
2.2.10.1. Cách tiến hành.....	100
2.2.10.2. Ưu điểm và hạn chế	100
2.2.10.3. Ví dụ minh họa.....	100
2.2.11. Kỹ thuật KWL	101
2.2.11.1. Cách tiến hành.....	102
2.2.11.2. Ưu điểm và hạn chế	102
2.2.11.3. Ví dụ minh họa.....	103
2.2.12. Kỹ thuật bảng bốn ô vuông	104
2.2.12.1. Cách tiến hành.....	104
2.2.12.2. Ưu điểm và hạn chế	105
2.2.12.3. Ví dụ minh họa.....	105
CÂU HỎI, BÀI TẬP.....	106
NỘI DUNG 3. LỰA CHỌN, SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TRONG MÔN NGỮ VĂN.....	107
3.1. Chiến lược dạy học/ giáo dục bài học.....	107

3.2. Cơ sở lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Ngữ văn.....	109
3.3. Quy trình lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học bài học...	112
3.3.1. <i>Xác định mục tiêu dạy học</i>	112
3.3.2. <i>Lựa chọn và xây dựng nội dung dạy học</i>	112
3.3.3. <i>Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật và phương tiện dạy học</i>	113
3.3.4. <i>Thiết kế chuỗi hoạt động học</i>	114
3.4. Đánh giá việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học cho một bài học trong môn Ngữ văn.....	119
CÂU HỎI, BÀI TẬP	124
PHỤ LỤC	125
Phụ lục 1. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ	125
Phụ lục 2. KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP	132
Phụ lục 3. KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	139
ĐÁNH GIÁ KHOÁ HỌC	141
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	142

BAN BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

1. PGS.TS. Dương Thị Hồng Hiếu - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2. TS. Nguyễn Thị Ngọc Thuý - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3. ThS. Nguyễn Thành Ngọc Bảo - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4. ThS. Nguyễn Phước Bảo Khôi - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5. ThS. Lê Thị Ngọc Chi - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6. ThS. Phan Duy Khôi - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7. PGS.TS. Bùi Thanh Truyền - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
8. PGS. TS. Trịnh Thị Lan - Đại học Sư phạm Hà Nội
9. PGS.TS. Phùng Gia Thế - Đại học Sư phạm Hà Nội 2

CỘNG TÁC VIÊN

ThS. Ngô Thị Tuyết Nhung - Trường THPT Lương Thế Vinh, TP. Hồ Chí Minh

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Kí hiệu viết tắt	Viết đầy đủ
BCV	Báo cáo viên
CT	Chương trình
GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
GVPT	Giáo viên phổ thông
GVPTĐT	Giáo viên phổ thông đại trà
GVSPCC	Giảng viên sư phạm chủ chốt
HĐGD	Hoạt động giáo dục
HS	Học sinh
HV	Học viên
KHBD	Kế hoạch bài dạy
KTDH	Kĩ thuật dạy học
NL	Năng lực
PC	Phẩm chất
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
VB	Văn bản
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM	GIẢI THÍCH
Kiểu văn bản	Các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...
Loại văn bản	Các văn bản có cùng mục đích giao tiếp chủ yếu, bao gồm: văn bản văn học (bộc lộ, giải bày tình cảm), văn bản nghị luận (thuyết phục), văn bản thông tin (thông báo, giao dịch,...).
Năng lực ngôn ngữ	Khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...) để đọc, viết, nói và nghe
Năng lực văn học	Một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ, là khả năng nhận biết, phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mỹ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học.
Ngữ liệu	Từ âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học
Thể loại văn học	Mỗi loại văn bản văn học bao gồm nhiều thể loại như: thần thoại, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết, ca dao, ngâm khúc, bi kịch, hài kịch,...
Chiến lược dạy học	Trong giáo dục, có thể hiểu chiến lược dạy học, giáo dục của giáo viên là quan điểm về dạy học, giáo dục và kế hoạch tổng quát về sự phối hợp, vận dụng phù hợp các biện pháp, phương tiện, điều kiện... nhằm định hướng thực hiện và hoàn thành hiệu quả các mục tiêu dạy học, giáo dục cụ thể phù hợp với bối cảnh giáo dục trong sự chủ động của người giáo viên.

NỘI DUNG CHI TIẾT MÔ ĐUN

1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MÔ ĐUN

Mô đun 2 “Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở môn Ngữ văn” được triển khai nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực lựa chọn và sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh cho giáo viên môn Ngữ văn ở trung học cơ sở. Hoàn thành mô đun này, không những thầy cô tổ chức được hoạt động dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 mà còn đáp ứng được các tiêu chí của tiêu chuẩn phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đối với giáo viên theo *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT*, ngày 22/8/2018 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Mô đun này bao gồm các nội dung chính:

- Tìm hiểu các xu hướng hiện đại về phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở;
- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Lựa chọn, xây dựng các chiến lược dạy học, giáo dục hiệu quả phù hợp với học sinh trung học cơ sở.

Số tiết mô đun: 40 tiết (gồm 16 tiết lý thuyết và 24 tiết thực hành)

Tài liệu đọc trong mô đun được xây dựng theo định hướng tổ chức hoạt động bồi dưỡng kết hợp (trực tuyến và trực tiếp), cụ thể:

- Giai đoạn trực tuyến 1: 5 ngày
- Giai đoạn trực tiếp: 3 ngày;
- Giai đoạn trực tuyến 2: 7 ngày.

Để đạt được hiệu quả bồi dưỡng, người học cần phải tham gia đầy đủ các hoạt động dạy học trực tuyến và trực tiếp. Đồng thời, phải tự tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự trao đổi thảo luận với đồng nghiệp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tự đánh giá được sự phát triển của năng lực bản thân về nghiệp vụ trước và sau khi tham gia bồi dưỡng theo nội dung mô đun.

Mô đun 2 “Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở môn Ngữ văn” được tiến hành bồi dưỡng bằng hình thức hiện đại. Hi vọng thầy cô sẽ được trải nghiệm một mô đun thật lý thú với nhiều cảm xúc và ấn tượng tích cực.

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔ ĐUN

- Phân tích được những vấn đề chung về phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở;
- Lựa chọn, sử dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng học sinh trung học cơ sở;
- Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở.

3. NỘI DUNG CHÍNH

- Tìm hiểu các xu hướng hiện đại về phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở;
- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở trong môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Lựa chọn, xây dựng các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng học sinh trung học cơ sở.

4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG

4.1. Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng qua mạng (5 ngày)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG QUA MẠNG

(Căn cứ theo Phụ lục 1-TL1, Công văn số 214/CV-Etep ngày 23 tháng 06 năm 2020)

**Mô đun 2: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN
PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019)

Hình thức và thời lượng: **5 ngày, từ xa qua mạng**

Môn học: **Ngữ văn**

A. GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ

I. Phần giới thiệu

Xem video giới thiệu về mô đun 2.

II. Nhiệm vụ học tập của học viên

HV thực hiện các nhiệm vụ học tập chính trong khoá bồi dưỡng như sau:

Nhiệm vụ 1. Xem video, nghiên cứu thêm tài liệu đọc và Infographic.

Nhiệm vụ 2. Thực hiện bài kiểm tra cuối mỗi nội dung.

Nhiệm vụ 3. Phản hồi, đánh giá về nội dung và hình thức học tập.

III. Yêu cầu cần đạt của mô đun

HV sau khi hoàn thành khoá bồi dưỡng cần đạt những yêu cầu sau:

Yêu cầu 1: Phân tích được những vấn đề chung về PP, KTDH phát triển PC, NL HS THCS.

Yêu cầu 2: Lựa chọn, sử dụng được các PP, KTDH phù hợp ở cấp học THCS nhằm phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn trong CT GDPT 2018.

Yêu cầu 3: Lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong môn Ngữ văn.

Yêu cầu 4: Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm vận dụng PP, KTDH phát triển PC, NL HS ở trường THCS.

IV. Ôn bài trước (Mô đun 1)

Nghiên cứu lại nội dung mô đun 1, tập trung vào các nội dung: đặc điểm, mục tiêu, YCCĐ về PC, NL, nội dung giáo dục, định hướng về phương pháp giáo dục trong CT môn Ngữ văn.

B. GIAI ĐOẠN 2: HỌC TẬP, THỰC HÀNH

Nội dung 1: Những vấn đề chung về phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

1. Tiến trình học tập nội dung 1:

Hoạt động 1:

a) Tên hoạt động: Khởi động

Mô tả: *Tìm hiểu về PC, NL trong CT GDPT 2018.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được các PC chủ yếu và NL cốt lõi trong CT GDPT 2018.
- Chỉ ra được PC chủ yếu và NL cốt lõi trong những tình huống cụ thể.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem tài liệu đọc về PC, NL trong CT GDPT 2018.
- Đọc 6 tình huống và trả lời câu hỏi: *Tình huống đề cập đến PC hay NL nào được quy định trong CT GDPT 2018?*

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 1.
- Đánh giá: đạt 6/6 tình huống (điều kiện).

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 1

- Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.1.
- Bài tập tình huống.

Hoạt động 2:

a) Tên hoạt động: Thử tài

Mô tả: *Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL.
- Phân tích được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Nghiên cứu tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.2, về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL.
- Xác định yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển PC, NL thông qua các hình ảnh và phân tích được vai trò của từng yếu tố thể hiện qua việc trả lời câu hỏi.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 2.
- Đánh giá: đạt 3/4 câu hỏi (điều kiện).

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 2

- Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.2.
- Hình ảnh phục vụ 4 câu hỏi

Hoạt động 3:

a) Tên hoạt động: Khám phá

Mô tả: *Tìm hiểu về các nguyên tắc dạy học phát triển PC, NL.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Xác định được các nguyên tắc dạy học phát triển PC, NL.

- Phân tích được yêu cầu của các nguyên tắc dạy học phát triển PC, NL.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem Infographic về các nguyên tắc dạy học phát triển PC, NL.
- Đọc tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3 về các nguyên tắc dạy học phát triển PC, NL.

d) Giám sát/Phản hồi/ Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 3.
- Đánh giá: hoàn thành nhiệm vụ xem tài liệu đọc và Infographic.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 3

- Infographic.
- Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3.

Hoạt động 4:

a) Tên hoạt động: Tìm hiểu

Mô tả: *Tìm hiểu xu hướng hiện đại về PPDH phát triển PC, NL.*

b) Yêu cầu cần đạt

Phân tích được xu hướng hiện đại về PPDH phát triển PC, NL.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.2, về xu hướng hiện đại về PPDH phát triển PC, NL.

d) Giám sát/Phản hồi/ Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 4.
- Đánh giá: hoàn thành nhiệm vụ xem tài liệu đọc.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 4

- Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.2.

Hoạt động 5:

a) Tên hoạt động: Nghiên cứu

Mô tả: *Tìm hiểu một số PPDH phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại.*

b) Yêu cầu cần đạt

Xác định được một số PPDH phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.3, về một số PP, KTDH phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại.

- Xem infographic.
- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 5.
- Đánh giá: đạt 4/5 câu hỏi trắc nghiệm (điều kiện).

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 5

- Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.3.

2. Đánh giá /phản hồi nội dung 1

- Hoàn thành các hoạt động: 1, 2, 3, 4, 5.
- Thực hiện kiểm tra cuối nội dung 1: 10 câu hỏi trắc nghiệm

Nội dung 2: Các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông

1. Tiến trình học tập nội dung 2:

Hoạt động 6:

a) Tên hoạt động: Nhận diện

Mô tả: *Tìm hiểu định hướng chung về PP, KTDH phát triển PC, NL cho HS trong môn Ngữ văn ở THCS.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Phân tích được định hướng chung về PP, KTDH phát triển PC, NL cho HS trong môn Ngữ văn ở THCS.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem video chuyên gia.
- Xem infographic và đọc tài liệu đọc, *nội dung 2, mục 2.1* về đặc điểm – mục tiêu – YCCĐ và các định hướng chung về PP, KTDH phát triển PC, NL cho HS trong môn Ngữ văn.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 6.
- Đánh giá: hoàn thành việc xem video, infographic và tài liệu đọc.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 6

- Video chuyên gia.
- Infographic.
- Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1. (2.1.1; 2.1.2 và 2.1.3).

Hoạt động 7:

a) Tên hoạt động: Ghép đôi

Mô tả: *Tìm hiểu một số PP, KTDH phát triển PC, NL cho HS trong môn Ngữ văn ở THCS.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Xác định được bản chất, định hướng sử dụng một số PP, KTDH phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.
- Xác định được quy trình thực hiện một số PP, KTDH phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem infographic và tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2, về một số PP, KTDH phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 7.
- Đánh giá: Hoàn thành việc xem infographic và tài liệu đọc.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 7

- Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.2.
- Infographics.

2. Đánh giá /phản hồi nội dung 2

- Hoàn thành các hoạt động: 6, 7
- Thực hiện kiểm tra cuối nội dung 2: 10 câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Nội dung 3: Lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông

1. Tiến trình học tập nội dung 3:

Hoạt động 8: Kết nối

a) Tên hoạt động:

Mô tả: *Tìm hiểu yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong môn Ngữ văn.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Xác định được các yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong môn Ngữ văn.

- Xác định được một số yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong môn Ngữ văn.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem video chuyên gia trao đổi về chuyên môn.

- Xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.1, về chiến lược dạy học một bài học trong môn Ngữ văn.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 8.

- Đánh giá: hoàn thành yêu cầu xem video và đọc tài liệu.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 8

- Video chuyên gia trao đổi về chuyên môn.

- Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.1.

- *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

Hoạt động 9:

a) Tên hoạt động: Trải nghiệm

Mô tả: *Tìm hiểu cơ sở và quy trình lựa chọn, sử dụng PP, KTDH một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.*

b) Yêu cầu cần đạt

- Xác định được cơ sở lựa chọn, sử dụng PP, KTDH của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.

- Phân tích được một số cơ sở lựa chọn, sử dụng PP, KTDH trong môn Ngữ văn ở THCS.

- Xác định được quy trình lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học.

- Phân tích được các bước trong quy trình lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem video sinh hoạt chuyên môn 1, video chuyên gia trao đổi về chuyên môn; xem kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học minh họa; xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.2 về cơ sở lựa chọn, sử dụng PP, KTDH một bài học trong môn Ngữ văn.

- Xem Infographic và tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 9.

- Đánh giá: hoàn thành yêu cầu xem video, kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học minh họa, tài liệu đọc và infographic.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 9

- Video sinh hoạt chuyên môn 1, video chuyên gia trao đổi về chuyên môn.

- Infographics

- Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.2.

- Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3.

- *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

Hoạt động 10:

a) Tên hoạt động: Suy ngẫm

Mô tả: *Tìm hiểu về cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.*

b) Yêu cầu cần đạt

Xác định các tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Xem tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4 về cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 10.

- Đánh giá: hoàn thành nhiệm vụ xem tài liệu đọc.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 10

- Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc *hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.*

- Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4.

Hoạt động 11:

a) Tên hoạt động: Đánh giá

Mô tả: *Thực hành đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.*

b) Yêu cầu cần đạt

Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Nghiên cứu *chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS* được minh họa

- Xem video một hoạt động dạy học trong môn Ngữ văn ở THCS có sử dụng PP, KTDH (*dựa trên chuỗi hoạt động học trên*).

- Trả lời các câu hỏi sau để đánh giá việc lựa chọn và sử dụng các PP, KTDH của GV trong video minh họa, chuẩn bị cho việc thảo luận khi học trực tiếp:

Câu 1. GV sử dụng PP, KTDH trong video minh họa có phù hợp không? Vì sao?

Câu 2. Phân tích ưu điểm và hạn chế của việc lựa chọn và sử dụng PP, KTDH trong hoạt động dạy học GV thực hiện trong video minh họa.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 11.

- Đánh giá: hoàn thành nhiệm vụ xem video, nghiên cứu kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 11

- Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc *hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.*

- Kế hoạch bài dạy minh họa.

- Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4.

2. Đánh giá /phản hồi nội dung 3

- Hoàn thành các hoạt động: 8, 9, 10, 11

- Thực hiện kiểm tra cuối nội dung 3: 10 câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Nội dung 4: Xây dựng kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp

1. Tiến trình học tập nội dung 4:

Hoạt động 12:

a) Tên hoạt động: Hỗ trợ

Mô tả: *Xây dựng dự thảo kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp tại trường và địa phương.*

b) Yêu cầu cần đạt:

- Phân tích được thuận lợi, khó khăn của đồng nghiệp tại trường và địa phương.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp tại trường và địa phương.

c) Nhiệm vụ của học viên

- Chuẩn bị những nội dung sau để thảo luận khi dự học trực tiếp.

1. Những thuận lợi và khó khăn khi hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương.

2. Các đề xuất để hoạt động hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương đạt hiệu quả.

- Xem gợi ý khung kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp (Phụ lục 2).

- Xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp dựa trên tình hình thực tiễn ở địa phương.

d) Giám sát/Phản hồi/Đánh giá

- Giám sát: mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phản hồi: mức độ hoàn thành theo yêu cầu của hoạt động 12.
- Đánh giá: hoàn thành xem khung kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp.

e) Tài liệu/học liệu phục vụ hoạt động 12

Khung kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp.

2. Đánh giá /phản hồi nội dung 4

Hoàn thành xem khung kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp.

C. GIAI ĐOẠN 3. PHẢN HỒI, ĐÁNH GIÁ

Bài tập cuối khóa:

Bài tập 1: Lựa chọn, sử dụng PP và KTDH của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.

- Hướng dẫn làm bài tập:

+ Lựa chọn một bài học trong CT môn Ngữ văn 2018.

- + Lựa chọn, sử dụng PP, KTDH theo quy trình đã tìm hiểu.
- + Thể hiện việc lựa chọn, sử dụng, PP, KTDH thông qua chuỗi hoạt động học.
- + Tự đánh giá và đánh giá chéo cho đồng nghiệp bằng cách nhận xét và sử dụng tiêu chí trong Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH.

- *Hướng dẫn chấm bài tập:*

+ Sử dụng tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS dựa trên Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH.

- *Công cụ nộp bài tập:* Chức năng nộp file lên hệ thống (HV có thể nộp nhiều lần và không xoá phiên bản cũ). Cho phép GVSPCC đánh giá, nhận xét.

Bài tập 2: Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về việc vận dụng các PP, KTDH theo hướng phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.

- *Hướng dẫn làm bài tập:*

+ Phân tích thuận lợi, khó khăn của đồng nghiệp tại trường và địa phương về việc vận dụng các PP, KTDH theo hướng phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.

+ Phân tích những thuận lợi, khó khăn với vai trò là GVPT khi hỗ trợ đồng nghiệp.

+ Xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp dựa trên kết quả đã phân tích.

- *Hướng dẫn chấm bài tập:* Đạt nếu hoàn thành sản phẩm và nộp lên hệ thống.

- *Công cụ nộp bài tập:* Chức năng nộp file lên hệ thống (HV có thể nộp nhiều lần và không xoá phiên bản cũ). Cho phép GVSPCC đánh giá, nhận xét.

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc *hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.*

- *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4.2. Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng trực tiếp (3 ngày)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP

(*Căn cứ theo Phụ lục 5, Công văn số 87/CV-ETEP ngày 21 tháng 04 năm 2020*)

Mô đun 2: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ MÔN NGỮ VĂN (theo *Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019*)

Hình thức và thời lượng: 3 ngày, trực tiếp trên lớp học

Môn học: Ngữ văn

Thời gian	Nội dung chính	Điều kiện giảng dạy/học tập
Ngày 1		
Buổi sáng (1)	Khai mạc khoá bồi dưỡng.	Hội trường, backdrop, máy chiếu, âm thanh, bàn ghế được bố trí theo yêu cầu hoạt động chủ động.
	Làm quen với GVSPCC, kết nối hệ thống học trực tuyến và các kênh liên lạc.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông.
	Giới thiệu chung về khoá học, làm rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra và các nội dung chính của khoá học.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS.
	Nội dung 1: - So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL - Tìm hiểu nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển PC, NL; yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển PC, NL. - Tìm hiểu xu hướng hiện đại về PP, KTDH phát triển PC, NL. Nội dung 2: Phân tích mối quan hệ giữa YCCĐ với nội dung dạy học và PP, KTDH trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. Kế hoạch học tập của HV. Tài liệu học tập. Văn phòng phẩm hỗ trợ các hoạt động học tập.
Buổi chiều (2)	Tiếp tục nội dung 2– tập trung ở vấn đề sau: Phân tích mối quan hệ giữa YCCĐ với nội dung dạy học và PP, KTDH trong môn Ngữ văn ở THCS. Nội dung 3: - Tìm hiểu việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. Kế hoạch học tập của HV Tài liệu học tập. Văn phòng phẩm hỗ trợ các hoạt động học tập.

	- Thực hành phân tích chuỗi hoạt động học của một bài học minh họa	
Ngày 2		
Buổi sáng (3)	Tiếp tục Nội dung 3: <i>Thực hành phân tích chuỗi hoạt động học của một bài học minh họa</i> Phân tích video dạy học minh họa, video sinh hoạt chuyên môn của một KHBD minh họa của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS Kế hoạch học tập của HV Tài liệu học tập. Văn phòng phẩm hỗ trợ.
Buổi chiều (4)	Thực hành lựa chọn PP, KTDH dựa trên chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS: - Xác định YCCĐ của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. - Lựa chọn PP, KTDH đáp ứng YCCĐ, nội dung của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. - Thiết kế chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS Kế hoạch học tập của HV Tài liệu học tập. Văn phòng phẩm hỗ trợ.
Ngày 3		
Buổi sáng (5)	Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về việc lựa chọn PP, KTDH đáp ứng YCCĐ, nội dung của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS.
	Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về việc định hướng lựa chọn chiến lược dạy học giả định trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm. Internet/Wi-fi, LMS/LCMS.
Buổi chiều (6)	Xây dựng và báo cáo KH hướng dẫn đồng nghiệp về việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH phát triển PC, NL HS THCS trong môn Ngữ văn.	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm Internet/Wi-fi, LMS/LCMS.
	Định hướng tổ chức hoạt động bồi dưỡng đồng nghiệp tại địa phương (GV đại trà).	Lớp học, máy chiếu, bảng trắng sử dụng bút lông, âm thanh, bàn ghế kê theo nhóm.

		Internet/Wi-fi, LMS/LCMS.
	Phản hồi và đánh giá khoá bồi dưỡng.	Internet/Wi-fi, LMS/LCMS. Phản hồi và đánh giá khoá bồi dưỡng tự động trên hệ thống.
	Tổng kết khoá bồi dưỡng.	Hội trường, backdrop, máy chiếu, âm thanh, bàn ghế được bố trí theo yêu cầu hoạt động chủ động.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP

(Căn cứ theo Phụ lục 4, Công văn số 87/CV-ETEP ngày 21 tháng 04 năm 2020)

**Mô đun 2: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN
PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ MÔN NGỮ VĂN** (tên
gọi theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019)

Hình thức và thời lượng: **3 ngày, trực tiếp trên lớp học**

Môn học: **Ngữ văn**

NỘI DUNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

Mục tiêu

Sau khi hoàn thành nội dung 1, học viên:

- **Phân tích** được những vấn đề khái quát của dạy học và giáo dục phát triển PC, NL HS THCS;
- **Phân tích** được xu hướng hiện đại về PP, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL HS THCS.

Bảng 1. Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 1

	Phân tích được những vấn đề khái quát của dạy học và giáo dục phát triển PC, NL HS THCS	Phân tích được xu hướng hiện đại về PP, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL HS THCS
Hoạt động 1. Xác định các yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục phát triển PC, NL.	x	
Hoạt động 2. Phân tích các nguyên tắc dạy học, giáo dục phát triển PC, NL.	x	
Hoạt động 3. Phân tích được xu hướng hiện đại về PPDH phát triển PC, NL và một số PPDH theo xu hướng hiện đại.		x

Hoạt động	Thời gian
Hoạt động 1. Xác định các yêu cầu đối với giáo viên trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực Tên hoạt động: Phòng tranh	90 phút
a) Kết quả cần đạt So sánh được dạy học, giáo dục tiếp cận nội dung và dạy học, giáo dục phát triển PC, NL dựa trên một số tiêu chí. Xác định được các yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển PC, NL.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. 3 nhóm: HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online). Mỗi nhóm chọn 2 tiêu chí để phân tích (mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, PPDH, môi trường học tập, đánh giá, sản phẩm giáo dục) và trình bày trên giấy A0. Các nhóm còn lại: Mỗi nhóm phân tích một yêu cầu trong các yêu cầu đối với GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển PC, NL và trình bày sản phẩm dưới dạng hình ảnh, sơ đồ trực quan trên giấy A0. Nhiệm vụ 2. HV trưng bày sản phẩm dưới dạng hình ảnh, sơ đồ trực quan xung quanh lớp. HV đại diện trong mỗi nhóm thuyết trình về sản phẩm và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi phát sinh. Nhiệm vụ 3. HV lắng nghe BCV phân tích các nội dung chưa đạt, bổ sung và hoàn thiện nội dung chưa đạt, hệ thống hóa lại nội dung.	
c) Tài liệu, học liệu - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3.1. và mục 1.1.3.3.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày/việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
Hoạt động 2. Phân tích các nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực Tên hoạt động: Thử thách	30 phút
a) Kết quả cần đạt Phân tích được các nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển PC, NL.	
b) Nhiệm vụ của học viên	

Nhiệm vụ 1. HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) để trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm. Nhiệm vụ 2. HV lắng nghe BCV phân tích các nội dung chưa đạt ở từng câu hỏi trắc nghiệm và hệ thống hóa lại nội dung. Nhiệm vụ 3. HV trao đổi ý tưởng, cách thức khai thác kinh nghiệm khi định hướng bồi dưỡng về nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển PC, NL cho đồng nghiệp.	
c) Tài liệu, học liệu - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.1.3.2. - Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua câu trả lời trắc nghiệm/việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh câu trả lời trắc nghiệm giữa các nhóm với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
Hoạt động 3. Phân tích xu hướng hiện đại về phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực và một số phương pháp dạy học theo xu hướng hiện đại Tên hoạt động: Đoán ý đồng đội	30 phút
a) Kết quả cần đạt Phân tích được các xu hướng hiện đại về PPDH phát triển PC, NL và một số PPDH phát triển PC, NL theo xu hướng hiện đại.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. Mỗi nhóm chọn 2 HV tham gia hoạt động. 1 HV gợi ý và 1 HV đoán từ khóa. Sau khi kết thúc các từ khóa, HV xác định yêu cầu của xu hướng hiện đại về PPDH phát triển PC, NL dựa vào các từ khóa. Nhiệm vụ 2. HV lắng nghe BCV phân tích từng yêu cầu của xu hướng, một số PPDH thuộc các xu hướng hiện đại. Thảo luận thêm các câu hỏi nếu có. Nhiệm vụ 3. HV chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi ý tưởng, cách thức khai thác kinh nghiệm khi định hướng bồi dưỡng về một số PPDH thuộc các xu hướng hiện đại cho đồng nghiệp.	
c) Tài liệu, học liệu - Tài liệu đọc, nội dung 1, mục 1.2.2 và 1.2.3.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày/việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm trên giấy và sản phẩm trình bày với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	

NỘI DUNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRONG MÔN NGỮ VĂN Ở THCS

Mục tiêu

Sau khi hoàn thành việc học nội dung 2, học viên:

- **Phân tích được yêu cầu về PPDH** phát triển PC, NL đáp ứng YCCĐ của CT môn Ngữ văn ở THCS.

- **Phân tích được điều kiện sử dụng và định hướng sử dụng** một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trong môn Ngữ văn ở THCS.

Bảng 2. Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 2

	Phân tích được yêu cầu về PPDH phát triển PC, NL đáp ứng YCCĐ của CT môn Ngữ văn ở THCS.	Phân tích được điều kiện sử dụng và định hướng sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trong môn Ngữ văn ở THCS.
Hoạt động 4 Tìm hiểu mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung dạy học, phương pháp, kĩ thuật dạy học trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở	x	x

Hoạt động	Thời gian
Hoạt động 4. Tìm hiểu mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung dạy học, phương pháp, kĩ thuật dạy học trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở Tên hoạt động: Kết nối	150 phút
a) Kết quả cần đạt - Phân tích được mối quan hệ giữa YCCĐ với nội dung dạy học và PP, KTDH trong môn Ngữ văn ở THCS.	

- Phân tích được điều kiện sử dụng và định hướng sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trong môn Ngữ văn ở THCS.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện <i>phiếu giao nhiệm vụ số 1</i> và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word). (60') Nhiệm vụ 2. HV đại diện trong mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm. Nhiệm vụ 3. HV lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	
c) Tài liệu, học liệu - <i>Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i> - Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.3, 2.1.4 và 2.2 - Infographic. - KHBD minh họa.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 01 Mô tả nhiệm vụ: <i>Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:</i> 1. Phân tích mối quan hệ giữa YCCĐ với nội dung dạy học, PP, KTDH trong KHBD minh họa. 2. Nêu các điều kiện cần có để sử dụng được các PP và KTDH như trong KHBD minh họa. 3. Đề xuất những thay đổi về lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cụ thể để có thể triển khai dạy học bài dạy minh họa này tại trường của anh/chị. 4. Nêu ít nhất 01 câu hỏi về những điều chưa rõ liên quan đến các PP và KTDH được giới thiệu qua hệ thống học trực tuyến. Các bước thực hiện:	

- Cá nhân tự nghiên cứu và tham gia thảo luận nhóm.
- Trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 hoặc powerpoint.

Tài liệu, học liệu:

- *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Tài liệu đọc, nội dung 2, mục 2.1.3, 2.1.4 và 2.2
- KHBD minh họa.

NỘI DUNG 3. LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC TRONG MÔN NGỮ VĂN Ở THCS

Mục tiêu

Sau khi hoàn thành học nội dung 3, học viên sẽ:

- **Phân tích** được cơ sở, quy trình lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.
- **Vận dụng quy trình để lựa chọn, sử dụng PP, KTDH** cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.
- **Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH** cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.
- **Lựa chọn, sử dụng chiến lược dạy học** phù hợp khi dạy học cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.

Bảng 3. Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 3

	Phân tích được cơ sở, quy trình, lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Vận dụng quy trình để lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	Lựa chọn, sử dụng chiến lược dạy học phù hợp khi dạy học cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.
Hoạt động 5. Tìm hiểu việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	X			
Hoạt động 6.			X	

Thực hành phân tích chuỗi hoạt động học của một bài học minh họa				
Hoạt động 7. Thực hành lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS		x		
Hoạt động 8. Chia sẻ kinh nghiệm việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH trong chuỗi hoạt động học thiết kế			x	
Hoạt động 9. Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về định hướng lựa chọn chiến lược dạy học giả định trong môn Ngữ văn ở THCS				x

Hoạt động	Thời gian
Hoạt động 5. Tìm hiểu việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học một bài học trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở. Tên hoạt động: Phòng tranh	90 phút
a) Kết quả cần đạt - Phân tích được một số yêu cầu chung của việc lựa chọn, xây dựng các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong môn Ngữ văn ở THCS. - Phân tích được cơ sở lựa chọn, sử dụng PP, KTDH một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. - Phân tích được các bước trong quy trình lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. - Phân tích được các tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	
b) Nhiệm vụ của học viên - HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word): + Nhóm HV 1 thực hiện nhiệm vụ 1 :	

<i>Để xây dựng, triển khai chiến lược dạy học phù hợp, GV cần căn cứ trên các quan điểm và cơ sở nào?</i> <i>Phân tích mối quan hệ giữa việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH với việc xây dựng chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS trong môn Ngữ văn.</i> + Nhóm HV 2 thực hiện nhiệm vụ 2: <i>Phân tích cơ sở của việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.</i> + Nhóm HV 3 thực hiện nhiệm vụ 3: <i>Mô hình hóa quy trình lựa chọn sử dụng PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn.</i> + Nhóm HV 4 thực hiện nhiệm vụ 4: <i>Phân tích các cơ sở đánh giá việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học cho một bài học trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở.</i> - HV đại diện trong mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm. - HV lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	
c) Tài liệu, học liệu - Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018). - Tài liệu đọc, nội dung 3.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
Hoạt động 6. Thực hành phân tích chuỗi hoạt động học của một bài học minh họa Tên hoạt động: Trải nghiệm	240 phút
a) Kết quả cần đạt - Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH trong việc thiết kế chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. - Đánh giá được sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH trong việc tổ chức thực hiện chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện <i>phiếu giao nhiệm vụ số 2</i> và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word).	

Nhiệm vụ 2. HV đại diện trong mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm và lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Nhiệm vụ 3. HV chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi ý tưởng, cách thức khai thác kinh nghiệm khi định hướng bồi dưỡng về phân tích việc thiết kế chuỗi hoạt động học của một bài học minh họa trong môn Ngữ văn ở THCS cho đồng nghiệp.	
c) Tài liệu, học liệu - Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc <i>hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng</i>. - KHBD minh họa. - Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 02 Mô tả nhiệm vụ: <i>Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:</i> 1. Nghiên cứu chuỗi hoạt động học được thể hiện trong KHBD minh họa và trả lời các câu hỏi sau: (90’) - Việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH đáp ứng YCCĐ, nội dung của bài học như thế nào? - Nhận xét về mức độ phù hợp của PP, KTDH đã được lựa chọn với việc <i>phân bổ thời lượng, nội dung dạy học</i>. - Đánh giá việc thiết kế chuỗi hoạt động học trong KHBD dựa trên tiêu chí của Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH. 2. Nghiên cứu video dạy học minh họa, video sinh hoạt chuyên môn ứng với chuỗi hoạt động học trong KHBD minh họa và thực hiện các yêu cầu sau: (150’) - Phân tích ưu điểm và hạn chế của việc lựa chọn và sử dụng PP, KTDH trong hoạt động dạy học GV thực hiện trong video minh họa. - Đánh giá việc tổ chức thực hiện chuỗi hoạt động học dựa trên tiêu chí của Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH. - Đề xuất những biện pháp cải thiện việc sử dụng PP và KTDH trong hoạt động dạy học này. - PP và KTDH có phù hợp với Thầy (Cô) khi tổ chức dạy học ở đơn vị hiện tại không? Vì sao? Đề xuất những thay đổi về PP, KTDH khi thầy (cô) tổ chức dạy học nội dung này tại nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.	

Các bước thực hiện: - Cá nhân tự nghiên cứu và tham gia thảo luận nhóm. - Trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word). Tài liệu, học liệu: - Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc <i>hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng</i>. - KHBD minh họa. - Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4. - Video dạy học minh họa, video clip sinh hoạt chuyên môn.	
Hoạt động 7. Thực hành lựa chọn, sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học cho chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở. Tên hoạt động: Vận dụng	210 phút
a) Kết quả cần đạt Lựa chọn, sử dụng được PP, KTDH cho chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS theo quy trình.	
b) Nhiệm vụ của học viên HV làm việc theo nhóm (sau khi đọc tài liệu và học tập online) thực hiện <i>phiếu giao nhiệm vụ số 3</i> .	
c) Tài liệu, học liệu - Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3. - Khung KHBD minh họa.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 03 Mô tả nhiệm vụ: Làm việc theo nhóm, dựa trên các cơ sở và quy trình đã phân tích: 1. Xác định YCCĐ của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. 2. Lựa chọn PP, KTDH đáp ứng YCCĐ, nội dung của bài học. 3. Thiết kế chuỗi hoạt động học cho một bài học. Các bước thực hiện: - Cá nhân tự nghiên cứu và tham gia thảo luận nhóm.	

- Trình bày kết quả làm việc trên khung gợi ý. Tài liệu, học liệu: - Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.3. - Các gợi ý hướng dẫn, ví dụ minh họa. - Khung gợi ý. Biểu mẫu liên quan: Khung gợi ý. Sản phẩm cần đạt: Chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	
Hoạt động 8. Chia sẻ kinh nghiệm việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học trong chuỗi hoạt động học thiết kế Tên hoạt động: Phản hồi và chia sẻ	180 phút
a) Kết quả cần đạt - Đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH đáp ứng YCCĐ, nội dung của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1: HV làm việc nhóm, sử dụng <i>phiếu giao nhiệm vụ số 4</i> để đánh giá lẫn nhau dựa trên kế hoạch đã xây dựng. Nhiệm vụ 2. HV đại diện trong mỗi nhóm báo cáo <i>kết quả xây dựng chuỗi hoạt động học</i>, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về việc lựa chọn PP, KTDH đáp ứng YCCĐ, nội dung của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. Nhiệm vụ 3: HV lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	
c) Tài liệu, học liệu - Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc <i>hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng</i>. - Tài liệu đọc, nội dung 3. - Rubric đánh giá.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động (phiếu tự đánh giá và đánh giá).	
PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 04 Mô tả nhiệm vụ: <i>Cá nhân tự nghiên cứu và thảo luận nhóm:</i>	

1. Nghiên cứu chuỗi hoạt động học của một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS mà một nhóm khác đã xây dựng. 2. Trả lời câu hỏi để đánh giá việc lựa chọn và sử dụng các PP, KTDH trong bài học: - Việc phân bổ các nội dung dạy học trong KHBD thực hành của nhóm bạn đã phù hợp với YCCĐ chưa? - Việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH đã đáp ứng YCCĐ, nội dung của bài học như thế nào? - Thời lượng phân bổ cho từng nội dung của bài học đã hợp lí chưa? Phù hợp để sử dụng PP, KTDH đã lựa chọn không? - Việc thiết kế chuỗi hoạt động học trong kế hoạch đã đáp ứng các yêu cầu của các tiêu chí của Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH như thế nào? Các bước thực hiện: - Cá nhân tự nghiên cứu và tham gia thảo luận nhóm. - Trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 (hoặc Powerpoint/Word). Tài liệu, học liệu: - Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014, về việc <i>hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng</i>. - Tài liệu đọc, nội dung 3, mục 3.4.	
Hoạt động 9. Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về định hướng lựa chọn chiến lược dạy học giả định trong môn Ngữ văn ở THCS Tên hoạt động: Sẻ chia	30 phút
a) Kết quả cần đạt Lên kế hoạch lựa chọn, sử dụng chiến lược dạy học phù hợp khi dạy học một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. HV làm theo nhóm chia sẻ các kịch bản (chiến lược dạy học) khác nhau cho <i>chuỗi hoạt động học đã thiết kế</i> nhằm đáp ứng <i>ít nhất hai giả định khác nhau</i> về bối cảnh giáo dục tại trường và địa phương. Ví dụ: * Tình huống giả định 1: - <i>Lớp 6:</i> Bài học Truyền thuyết Thánh Gióng - <i>Cơ sở vật chất:</i> dạy học trong phòng học với máy tính, máy chiếu đầy đủ, có Internet, bàn ghế dễ dàng tổ chức các hoạt động nhóm, không gian lớp học rộng rãi thuận tiện cho HS di chuyển, có hệ thống bảng phụ/ giá treo để HS trưng bày các sản phẩm học tập. - <i>HS:</i> ở trung tâm TP, sĩ số lớp ít (khoảng 35 HS), phần lớn HS thường xuyên tiếp xúc với các PP, KTDH tích cực, hiện đại. Tuy nhiên, trong lớp có 5 em HS chưa	

có cơ hội tiếp xúc nhiều với các PP, KTDH tích cực, trình độ đọc hiểu văn bản chỉ ở mức thấp. * Tình huống giả định 2: (HV tự xây dựng) Nhiệm vụ 2. HV đại diện trong mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm. Nhiệm vụ 3. HV lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	
c) Tài liệu, học liệu Tài liệu đọc, <i>nội dung 3, mục 3.1.</i>	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	

NỘI DUNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Mục tiêu

Sau khi hoàn thành nội dung 4, học viên sẽ:

Xây dựng được kế hoạch để hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng các PP, KTDH theo hướng phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.

Bảng 4. Ma trận kết nối mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động trong nội dung 4

	Xây dựng được kế hoạch để hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng các PP, KTDH theo hướng phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn ở THCS.
Hoạt động 10 Định hướng các hoạt động hỗ trợ đồng nghiệp (giáo viên đại trà) tại trường và địa phương.	x
Hoạt động 11 Xây dựng và báo cáo kế hoạch hỗ trợ cho đồng nghiệp (giáo viên đại trà) tại trường và địa phương.	x

Hoạt động	Thời gian
Hoạt động 10. Định hướng các hoạt động hỗ trợ đồng nghiệp (giáo viên đại trà) tại trường và địa phương Tên hoạt động: Định hướng	30 phút
a) Kết quả cần đạt - Xác định những thuận lợi và khó khăn trong vai trò GVPTCC. - Phân tích được thuận lợi, khó khăn của đồng nghiệp tại trường và địa phương trong việc vận dụng các PP, KTDH phát triển PC, NL HS.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. HV thảo luận theo nhóm thực hiện phân tích SWOT về: <i>những thuận lợi và khó khăn khi hỗ trợ đồng nghiệp, từ đó đề xuất định hướng để hoạt động hỗ trợ đồng nghiệp tại trường và địa phương đạt hiệu quả.</i> Nhiệm vụ 2. HV đại diện trong mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm. Nhiệm vụ 3. HV lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	
c) Tài liệu, học liệu	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	
Hoạt động 11. Xây dựng và báo cáo kế hoạch hỗ trợ cho đồng nghiệp (giáo viên đại trà) tại trường và địa phương Tên hoạt động: Về đích	150 phút
a) Kết quả cần đạt Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về việc sử dụng PP, KTDH phát triển PC, NL HS THCS trong môn Ngữ văn.	
b) Nhiệm vụ của học viên Nhiệm vụ 1. HV làm việc theo nhóm: dựa trên các phân tích đã thực hiện ở hoạt động trước, xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp dựa trên khung gợi ý. Nhiệm vụ 2. HV đại diện trong mỗi nhóm trình bày định hướng tổ chức hoạt động bồi dưỡng đồng nghiệp tại địa phương dựa trên kế hoạch đã xây dựng. Nhiệm vụ 3. HV lắng nghe BCV và các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	

c) Tài liệu, học liệu Mẫu kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp. Dự thảo kế hoạch bồi dưỡng đại trà cho đồng nghiệp.	
d) Đánh giá - Đánh giá kết quả ĐẠT/KHÔNG ĐẠT thông qua sản phẩm và việc tham gia hoạt động của HV. - Định hướng đánh giá: So sánh sản phẩm của HV với nhiệm vụ được giao và kết quả cần đạt trong hoạt động.	

4.3. Kế hoạch hoạt động bồi dưỡng qua mạng (7 ngày)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG QUA MẠNG SAU TẬP HUẤN TRỰC TIẾP

Mô đun 2: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ MÔN NGỮ VĂN

(Theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019)

Hình thức và thời lượng: 7 ngày, từ xa qua mạng

Môn học: Ngữ văn

Ngày 1 - ngày 2: Tự kiểm tra - Kiểm tra tất cả các hoạt động theo chuỗi hệ thống của kịch bản bồi dưỡng qua mạng. - Thực hiện đủ các yêu cầu của các hoạt động theo chuỗi hệ thống của kịch bản bồi dưỡng qua mạng. - Kiểm tra và hoàn thiện các phiếu giao nhiệm vụ. - Xác định và kiểm tra các sản phẩm chính thức của mô đun 2 cần có cho hoạt động bồi dưỡng và hoạt động hỗ trợ đồng nghiệp sau này.
Ngày 3: Tự hoàn thiện - Hoàn thiện KHBD (theo yêu cầu khái quát) sau khi được góp ý trực tiếp. - Hoàn thiện các nội dung đọc thêm, mở rộng của kịch bản bồi dưỡng qua mạng.
Ngày 4 - ngày 5: Khảo sát và kết nối - Khảo sát kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp. - Khảo sát các mẫu phản hồi của GVPT đại trà học tập trực tuyến. - Khảo sát các ý kiến phản hồi của GVPT đại trà học tập trực tuyến ở mô đun 1. - Liệt kê các câu hỏi, các vấn đề phát sinh ở mô đun 2.

- Nghiên cứu tài liệu, tự giải quyết các câu hỏi, vấn đề phát sinh ở mô đun 2 vừa xác lập. - Xác định thời gian kết nối với GVSPCC giải quyết các câu hỏi, vấn đề phát sinh ở mô đun 2.
Ngày 6: Kết nối và phát triển - Kết nối với GVSPCC giải quyết các câu hỏi, vấn đề phát sinh ở mô đun 2. - Xác định các hoạt động cần thực hiện ở ngày cuối của mô thức bồi dưỡng cần phải thực hiện, hoàn thành.
Ngày 7: Hoàn thiện - Hoàn thiện KHBD cho một bài học trong môn Ngữ văn ở THCS. - Hoàn thiện kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp theo mẫu. - Thực hiện trắc nghiệm bổ sung (theo mục tiêu thử thách hoặc cải thiện điểm số).

5. TÀI LIỆU ĐỌC

NỘI DUNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1.1. Khái quát về dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

1.1.1. Phẩm chất và năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

PC và NL là hai thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách nói chung và là yếu tố nền tảng tạo nên nhân cách của con người. Dạy học và giáo dục phát triển PC, NL là sự “tích lũy” dần dần các biểu hiện, yếu tố của PC và NL người học để chuyển hóa và góp phần hình thành, phát triển nhân cách. GDPT nước ta đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận PC, NL người học, từ chỗ quan tâm tới việc HS học được gì đến chỗ quan tâm tới việc HS làm được gì qua việc học. Có thể thấy, dạy học và giáo dục phát triển PC, NL có vai trò quan trọng trong việc *nâng cao chất lượng đào tạo trong GDPT nói riêng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho quốc gia nói chung.*

1.1.1.1. Phẩm chất trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

PC là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với NL tạo nên nhân cách con người.

CT GDPT 2018 đã xác định ***các PC chủ yếu*** cần hình thành và phát triển cho HS phổ thông bao gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

1.1.1.2. Năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ vào các tổ chất và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kinh nghiệm, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí, ... thực hiện đạt kết quả các hoạt động trong những điều kiện cụ thể.

CT GDPT 2018 đã xác định mục tiêu hình thành và phát triển cho HS ***các NL cốt lõi*** gồm ***các NL chung*** và ***các NL đặc thù***. NL chung là những NL cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi, làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp. NL đặc thù là những NL được hình thành và phát triển trên cơ sở các NL chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho hoạt động chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu của một hoạt động như toán học, âm nhạc, mỹ thuật, thể thao...

a) ***Các năng lực chung*** được hình thành, phát triển thông qua các môn học và HĐGD: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo;

b) ***Các năng lực đặc thù*** được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và HĐGD nhất định: NL ngôn ngữ, NL tính toán, NL khoa học, NL công nghệ, NL tin học, NL thẩm mỹ và NL thể chất.

Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung đã được thể hiện rõ trong văn bản CT GDPT 2018. Các yêu cầu cần đạt về NL đặc thù gắn liền với các nội dung dạy học và

giáo dục được quy định trong văn bản chương trình từng môn học, HGDG (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

1.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

Quá trình hình thành và phát triển PC, NL HS phổ thông chịu sự chi phối của các yếu tố chủ yếu:

- **Các yếu tố bẩm sinh - di truyền** của con người được biểu hiện bằng các tố chất sẵn có và NL được biểu hiện bằng những khả năng sẵn có. Quá trình hình thành và phát triển PC, NL có tiền đề từ các yếu tố này. Cụ thể hơn, các khả năng sẵn có nếu được phát hiện kịp thời và giáo dục đúng cách thì NL mới được phát huy. Nếu không đảm bảo như vậy, mầm mống và các tố chất của cá nhân có nguy cơ mai một. Do vậy, sự hình thành và phát triển PC, NL chịu ảnh hưởng của yếu tố tiền đề là bẩm sinh - di truyền nhưng không do yếu tố này quyết định.

- **Hoàn cảnh sống** có tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. Sống trong môi trường luôn được vun đắp bằng quan hệ tốt đẹp giữa người với người, cá nhân sẽ có điều kiện hình thành và phát triển PC tốt đẹp. Tuy nhiên, hoàn cảnh sống cũng không có vai trò quyết định đối với việc hình thành và phát triển PC và NL của cá nhân.

- **Giáo dục** giữ vai trò *chủ đạo* đối với quá trình hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. Giáo dục sẽ *định hướng* cho sự phát triển PC, NL, phát huy các yếu tố bẩm sinh - di truyền, đồng thời giáo dục cũng khắc phục được một số biểu hiện của PC chưa phù hợp. Tuy vậy, giáo dục không quyết định mức độ phát triển và xu hướng phát triển của mỗi cá nhân.

- PC và NL của cá nhân còn được hình thành và phát triển do cá nhân **tự học tập và rèn luyện**. Đây là yếu tố có vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển PC, NL của con người nói chung và của HS phổ thông nói riêng.

Giáo dục nói chung, giáo dục nhà trường nói riêng có vai trò chủ đạo đối với sự hình thành, phát triển PC và NL; trong đó cần thực hiện khai thác vai trò của chúng thông qua việc tổ chức các hoạt động học. Song song đó, cần quan tâm đến cá nhân mỗi HS, gồm năng khiếu, phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, tiềm lực và nhất là khả năng hiện có, triển vọng phát triển (theo vùng phát triển gần nhất) của mỗi HS... để thiết kế các hoạt động học hiệu quả. Đồng thời, cần chú trọng phát triển NL tự chủ, tự học vì yếu tố “*cá nhân tự học tập và rèn luyện*” đóng vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển PC, NL của mỗi HS. Như vậy, việc tổ chức các hoạt động học của người học phải là trọng điểm của quá trình dạy học, giáo dục để đạt được mục tiêu phát triển PC, NL HS.

1.1.3. Dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

1.1.3.1. So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL có những khác biệt nhất định về mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, PPDH, đánh giá ... Có thể liệt kê một số khác biệt cụ thể đó ở bảng 1.

Bảng 1.1. So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học phát triển PC, NL
Về mục tiêu dạy học	- Chú trọng hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ khá rõ. - Mục tiêu học để thi, học để hiểu biết được ưu tiên.	- Chú trọng hình thành PC, NL. - Lấy mục tiêu học để làm, học để cùng chung sống làm trọng.
Về nội dung dạy học	- Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành là chủ yếu. - Nội dung được quy định khá chi tiết trong chương trình. - Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết, sự phát triển tuần tự của khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. - Sách giáo khoa được trình bày liên mạch thành hệ thống kiến thức.	- Nội dung được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt được về PC, NL. - Chỉ xác lập các cơ sở để lựa chọn nội dung trong chương trình. - Chú trọng nhiều hơn đến các kỹ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. - Sách giáo khoa không trình bày hệ thống kiến thức mà phân nhánh và khai thác các chuỗi chủ đề để gợi mở tri thức, kỹ năng.
Về phương pháp dạy học	- GV chủ yếu là người truyền thụ tri thức; HS lắng nghe, tham gia và thực hiện các yêu cầu tiếp thu tri thức được quy định sẵn. Khá nhiều GV sử dụng các PPDH (thuyết trình, hướng dẫn thực hành, trực quan...). Việc sử dụng PPDH theo định hướng của GV là chủ yếu. - Khá nhiều HS tiếp thu thiếu tính chủ động, HS chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì tri thức thường được quy định sẵn. - KHBD thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH, KTDH để có sự lặp lại, quen thuộc.	- GV là người tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp... GV sử dụng nhiều PPDH, KTDH tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá...) phù hợp với yêu cầu cần đạt về PC và NL của người học. - HS chủ động tham gia hoạt động, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện, tìm kiếm tri thức, kỹ năng. - KHBD được thiết kế dựa vào trình độ và NL của HS; PPDH, KTDH đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau để triển khai KHBD.
Về môi trường học tập	GV thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học và các dãy bàn ít được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau.	Môi trường học tập có tính linh hoạt, phù hợp với các hoạt động học tập của HS, chú trọng yêu cầu cần phát triển ở HS để đa dạng hóa hình thức bàn ghế, bố trí phương tiện dạy học.

Về đánh giá	- Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, chưa quan tâm nhiều đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Quá trình đánh giá chủ yếu do GV thực hiện.	- Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả “đầu ra”, quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các PC và NL cần có. - Người học được tự đánh giá và được tham gia vào đánh giá lẫn nhau...
Về sản phẩm giáo dục	- Người học chủ yếu tái hiện các tri thức, phải ghi nhớ phụ thuộc vào tài liệu và sách giáo khoa có sẵn. - Việc chú ý đến khả năng ứng dụng chưa nhiều nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế.	- Người học vận dụng được tri thức, kĩ năng vào thực tiễn, khả năng tìm tòi trong quá trình dạy học đã được phát huy nên NL ứng dụng cũng có cơ hội phát triển. - Chú ý đến khả năng ứng dụng nhiều nên sự năng động, tự tin ở HS biểu hiện rõ.

1.1.3.2. Các nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

a. Nội dung dạy học, giáo dục phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại

Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính cơ bản có nghĩa là nội dung dạy học, giáo dục được chọn lọc bao gồm các nội dung chính, chủ yếu, tập trung vào các nội dung mang tính bản chất mà không tập trung vào các nội dung không chính yếu, không phải bản chất của sự vật, hiện tượng. Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính thiết thực có nghĩa là nội dung dạy học, giáo dục trong từng môn học, HĐGD cần sát thực, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tế. Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính hiện đại đòi hỏi nội dung dạy học, giáo dục phải mới, tiên tiến, áp dụng được những thành tựu của khoa học, kĩ thuật trong các lĩnh vực trong thời gian gần đây, nhất là việc vận dụng chúng trong thực tiễn.

NL được coi là sự huy động kiến thức, kĩ năng, niềm tin ... để HS thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Theo đó, dạy học phát triển PC, NL đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kĩ năng, niềm tin ...) để từ đó họ có thể “làm” được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết. Vì vậy, các nội dung dạy học cần được chắt lọc, lựa chọn sao cho thật gọn, đắt. Trong đó, các nội dung kiến thức hàn lâm, giáo điều sẽ gây ra thách thức không cần thiết trong học tập của HS (giảm động cơ học tập, hứng thú, niềm tin, sự đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực ...); đồng thời không tạo điều kiện giúp HS tiếp cận, giải thích, giải quyết các đòi hỏi sát sườn của đời sống thực tế. Ngược lại, việc chọn lọc, sử dụng các nội dung cơ bản, trọng tâm sẽ giúp HS có cơ hội và thời gian tập trung phát triển những nền tảng vững chắc cho các NL cốt lõi.

Cùng với đó, việc giúp HS tiếp cận các nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp HS rèn luyện kĩ năng, từng bước hình thành, phát triển NL giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; từ đó có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển ... Đây cũng chính là ý nghĩa quan

trọng bởi nội dung dạy học mà HS sở hữu sẽ được vận dụng thích ứng với bối cảnh hiện đại và không ngừng đổi mới.

b. Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập

Tính tích cực của người học được biểu hiện thông qua hứng thú, sự tự giác học tập, khát vọng thông hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập là việc đảm bảo việc tạo ra hứng thú, sự tự giác học tập, khát khao và sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập của người học. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong dạy học phát triển PC, NL.

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kỹ năng được chuyển hóa thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Do đó, trong dạy học, GV cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kỹ năng hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Mỗi HS có NL sẽ khác nhau tùy theo cá nhân huy động chúng vào các hoạt động học ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau. Như vậy, trong dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập.

c. Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS

Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên hơn, đồng thời cũng đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS. Thực hành là hoạt động áp dụng lý thuyết vào thực tế để hình thành kỹ năng ở người học – thành phần quan trọng của NL. Thực hành là cơ sở để hình thành NL. Trải nghiệm là hoạt động tổ chức cho người học được quan sát, làm thử, làm thử giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát, làm qua và kết quả của nó. Quy trình chung của trải nghiệm tập trung giúp người học hình thành và phát triển các NL chung và các NL đặc thù ứng với từng chủ đề trải nghiệm cụ thể.

Thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm, HS có cơ hội để huy động và vận dụng kiến thức, kỹ năng trong môn học và hoạt động giáo dục để giải quyết các tình huống có thực trong học tập và cuộc sống, từ đó người học hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực. Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của dạy học, giáo dục phát triển PC, NL đòi hỏi từng môn học, HĐGD phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

d. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp

Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp giúp người học phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, dạy học, giáo dục tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung. Thông qua chuỗi hoạt động có liên quan đến chủ đề với những hình thức

khác nhau sẽ góp phần tác động tổng hợp, hình thành PC, NL của người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Để giải quyết hiệu quả những vấn đề trong cuộc sống, kiến thức và kỹ năng của từng môn học đôi lúc không khả thi mà cần sự hiểu biết phong phú, đa dạng dựa trên yêu cầu của nhiều môn học hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng môn học. Thông qua dạy học tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bài học, chủ đề. Nói khác đi, dạy học, giáo dục tích hợp tạo cơ hội cho HS tiếp cận vấn đề toàn diện, từ đó HS phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết tương ứng.

e. Tăng cường dạy học, giáo dục phân hóa

Tăng cường dạy học, giáo dục phân hóa chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng người học, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao. Dạy học, giáo dục phân hóa đòi hỏi chương trình dạy học phải xây dựng được các môn học, chủ đề khác nhau để HS tự chọn phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Dạy học, giáo dục phân hóa là quá trình dạy học nhằm đảm bảo cho mỗi cá nhân người phát triển tối đa NL, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó người học được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân. Cơ sở của dạy học phân hóa là sự công nhận những khác biệt giữa các cá nhân người học như phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, nhu cầu và điều kiện học tập... Dạy học phân hóa sẽ giúp HS phát triển tối đa NL của từng HS, đặc biệt là NL đặc thù. Vì thế, nguyên tắc dạy học phân hóa là phân hóa sâu dần qua các cấp học để đảm bảo phù hợp với các biểu hiện hay mức độ biểu hiện của PC, NL hiện có của người học và phát triển ở tầm cao mới sao cho phù hợp.

f. Kiểm tra, đánh giá theo năng lực, phẩm chất là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Kiểm tra, đánh giá theo NL, PC là không lấy kiểm tra, đánh giá khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Kiểm tra, đánh giá theo NL chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể.

Điều kiện tiên quyết là điều kiện cần phải có, phải được giải quyết trước nhất trong dạy học phát triển PC, NL. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và HĐGD ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của CT GDPT 2018, rõ ràng kiểm tra, đánh giá theo NL là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển PC, NL. Trong chương trình giáo dục phát triển PC, NL, bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để đề hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, GV cần đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học để xác định *mức độ tiến bộ* so với chính bản thân HS về NL. Các thông tin về NL người học được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt

các phương pháp khác nhau: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố NL; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập ...

1.1.3.3. Yêu cầu đối với giáo viên trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

a. GV cần tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết

Tổ chức là sự sắp xếp, bố trí cho thành một chỉnh thể, có một cấu tạo, một cấu trúc và những chức năng chung nhất định. Chuỗi hoạt động học là tập hợp các hoạt động học tập được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Tổ chức chuỗi các hoạt động học tập là việc GV sắp xếp, bố trí các hoạt động học tập theo một trình tự nhất định, phù hợp với mục tiêu bài học. CT GDPT 2018, định hướng các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Trong dạy học và giáo dục phát triển PC, NL, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học của HS để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kĩ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kĩ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển PC và NL đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu do GV đã đề ra. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học, GV cần theo dõi, có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH V/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình dạy học mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích hoạt động dạy học của GV cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV. Các tiêu chí cụ thể được đưa ra có thể đề cập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014):

Bảng 1.2. Các tiêu chí phân tích hoạt động dạy học của GV

Nội dung	Tiêu chí
1. Kế hoạch và tài liệu dạy học	Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .

	Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS.
	Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.
2. Tổ chức hoạt động học cho HS	Mức độ sinh động, hấp dẫn HS của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ</i> học tập.
	Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của HS.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS.
3. Hoạt động của HS	Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp.
	Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của HS trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

b. GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp

GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục biểu hiện ở việc GV tập trung, bỏ nhiều sức lực, thời gian, suy nghĩ ... vào việc chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp nhằm đạt được mục tiêu dạy học một cách tối ưu.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu, vận dụng hệ thống các phương pháp, KTDH, đặc biệt là các phương pháp, KTDH có ưu thế trong việc phát huy PC, NL người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn PPDH phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tạo ra chuỗi hoạt động có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp. Nói cách khác, việc lựa chọn PPDH cần bám sát vào chuỗi hoạt động và tập trung vào các PPDH có khả năng phát triển PC, NL người học. Cụ thể, trước khi lên lớp, GV cần đầu tư thời gian để thiết kế KHBD sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; trong đó cần lựa chọn PPDH, KTDH sao cho phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học. Các PPDH, KTDH cần đảm bảo HS phải là chủ thể của hoạt động học, là người chủ động tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề. Có thể vận dụng phối hợp linh hoạt PPDH, KTDH theo hướng tìm tòi khám phá, kết hợp với các PPDH và KTDH tích cực, hiện đại có ưu thế trong việc phát triển PC, NL HS. Vì vậy, trong

dạy học, giáo dục phát triển PC, NL, việc lựa chọn PPDH, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp là yêu cầu đặc trưng, quan trọng.

c. GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu

GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu là việc GV lưu tâm đến tầm quan trọng của phương pháp học tập, nghiên cứu ở HS, từ đó hướng dẫn HS kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù của từng môn học, HĐGD, góp phần tạo ra sự phát triển NL tự chủ và tự học. Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Bồi dưỡng NL tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp cho HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định PC, NL và để cống hiến.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu được giá trị của phương pháp học tập, nghiên cứu và có tâm thế hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu cho HS bao gồm việc giúp cho HS biết **cách xây dựng kế hoạch học tập**, biết cách đọc các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, biết cách lắng nghe và ghi chép trên lớp, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới phù hợp trong các môn học và HĐGD; biết quy trình nghiên cứu khoa học... Bên cạnh đó, GV phải tạo cơ hội và môi trường phù hợp để giúp HS rèn luyện, biến những tri thức về phương pháp nêu trên thành NL tự chủ và tự học.

d. GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác

GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác là việc GV đầu tư vào việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong hoạt động nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về NL tự chủ và tự học lẫn NL giao tiếp và hợp tác.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực, vừa độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi cái mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy - trò và trò - trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung. Bên cạnh đó, GV cũng cần có khả năng tổ chức dạy học hợp tác, đặc biệt là việc thảo luận trong dạy học hợp tác. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học phát triển khả năng của bản thân. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là trong lúc phải giải quyết những vấn đề phức tạp, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Khả năng tổ chức các hoạt động phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác của GV góp phần đáng kể trong việc phát triển NL tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phù hợp cho các hoạt động hợp tác xuyên quốc gia, liên quốc gia trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.

1.2. Xu hướng hiện đại về phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

1.2.1. Phương pháp dạy học và giáo dục

PPDH và giáo dục được hiểu là cách thức, con đường hoạt động chung giữa người dạy và người học, trong những điều kiện dạy học, giáo dục xác định, nhằm đạt tới mục tiêu dạy học

và giáo dục đã xác định. Tài liệu này quan tâm đến PPDH áp dụng đối với các môn học và hoạt động giáo dục, theo đó PPDH, giáo dục được định nghĩa là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa người dạy và người học, trong những điều kiện dạy học, giáo dục xác định, nhằm đạt tới mục tiêu dạy học, giáo dục.

Có nhiều cách phân loại PPDH. Dựa trên cơ sở nhấn mạnh phương diện lập kế hoạch hành động dài hạn, trung hạn hay ngắn hạn, có thể phân loại PPDH theo ba bình diện là quan điểm dạy học (phương pháp dạy học theo nghĩa rộng), phương pháp dạy học (theo nghĩa hẹp) và KTDH.

Bảng 1.3. Phân loại PPDH theo ba bình diện của PPDH

Ba bình diện của phương pháp dạy học	Ví dụ
Quan điểm dạy học (PPDH nghĩa rộng) là những định hướng tổng thể cho các hành động, thường dựa trên các lí thuyết học tập hoặc cơ sở lí luận dạy học chuyên ngành.	Dạy học lấy người học làm trung tâm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học khám phá, dạy học hợp tác, dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông...
Phương pháp dạy học (PPDH nghĩa hẹp) là cách thức hoạt động của GV và HS, trong điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt được mục tiêu dạy học.	Thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận, nghiên cứu trường hợp, đóng vai...
KTDH là những cách thức hành động của GV và HS trong các tình huống nhỏ nhằm thực hiện và điều chỉnh quá trình dạy học.	Công não, phòng tranh, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, KWLH...

Trong tài liệu này, PPDH được tiếp cận theo nghĩa chung, bao gồm quan điểm dạy học (PPDH nghĩa rộng), PPDH (PPDH nghĩa hẹp) và cả các KTDH cụ thể để tiến hành PPDH. Đặc biệt, GV phải có sự hiểu biết về nội hàm của KTDH, trong đó lưu tâm đến cách thức sử dụng để từ đó có cơ sở lựa chọn PPDH sao cho hiệu quả. Mỗi PPDH, KTDH đều có đặc điểm, ưu điểm và hạn chế nhất định. Điều quan trọng là cần lựa chọn các PPDH, KTDH phù hợp với khả năng của HS, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong KHBD, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu dạy học đã đề ra. Trong dạy học phát triển PC và NL, cần chú trọng khai thác các PPDH, KTDH tích cực, hiện đại cũng chính là các PPDH, KTDH đặc trưng nhằm phát triển PC, NL người học để HS có cơ hội chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, từ đó phát triển các PC và NL cần thiết.

1.2.2. Xu hướng hiện đại về phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Ngày nay, dạy học phát triển PC, NL đang trở nên phổ biến trên thế giới. Dạy học phát triển PC, NL thể hiện sự quan tâm tới việc người học làm được gì sau quá trình đào tạo chứ không thuần túy là chỉ biết được gì; quan tâm tới người dạy sẽ dạy như thế nào để hình thành PC, NL của người học chứ không phải chỉ là dạy nội dung gì cho người học với mong muốn người học biết càng nhiều, càng sâu. Dạy học hiện đại đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của hoạt động dạy học, trong đó đặc biệt lưu tâm đến PPDH phát triển PC, NL cho người học.

Xu hướng hiện đại được hiểu là khuynh hướng, chiều hướng mang tính mới, tiên tiến. Xu hướng hiện đại về PP, KTDH phát triển PC, NL được xem xét là chiều hướng lựa chọn và sử dụng các PP, KTDH mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL. Xu hướng hiện đại về PP, KTDH phát triển PC, NL bao gồm các chiều hướng:

- Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH rèn luyện phương pháp học, hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập cho HS như dạy học bằng sơ đồ tư duy, công não, dạy học dựa trên dự án...

- Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở HS như dạy học khám phá, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp trò chơi...

- Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH hình thành và phát triển kỹ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm...

- Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH gắn liền với các phương tiện dạy học hiện đại. Xu hướng này phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa PPDH, KTDH và phương tiện dạy học. GV cần phải khai thác các phương tiện dạy học, đặc biệt là các phương tiện hiện đại như các ứng dụng, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông... nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong dạy học.

Chiều hướng lựa chọn và sử dụng các PP, KTDH mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL không tách rời nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển PC, NL người học. Do đó, không quan trọng việc các PPDH và KTDH thuộc về chiều hướng này hay chiều hướng kia mà quan trọng là việc lựa chọn được các PPDH và kỹ thuật dạy học phù hợp với khả năng của HS, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu phát triển PC, NL đã đề ra.

1.2.3. Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực theo xu hướng hiện đại

1.2.3.1. Dạy học hợp tác

a. Khái niệm

Dạy học hợp tác là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Dạy học hợp tác có một số đặc điểm sau đây:

- *Có hoạt động xây dựng nhóm*: Nhóm thường giới hạn thành viên do GV phân công, trong đó tính đến tỉ lệ cân đối về sức học, giới tính, ...; nhóm được xây dựng có thể gắn bó trong nhiều hoạt động và có thể linh hoạt thay đổi theo từng hoạt động.

- *Có sự phụ thuộc (tương tác) lẫn nhau một cách tích cực*: HS hợp tác với nhau trong những nhóm nhỏ. Có thể nói, tương tác (tương tác tự do hay tương tác vì nhiệm vụ học tập) giữa những người học trong khi làm việc cùng nhau là đòi hỏi tất yếu của dạy học hợp tác, có nghĩa là các thành viên trong nhóm không chỉ liên kết với nhau về mặt trách nhiệm mà còn có mối liên hệ tình cảm, đạo đức, lối sống; thành công của cá nhân chỉ mang ý nghĩa góp phần tạo nên sự thành công của nhóm.

- *Có ràng buộc trách nhiệm cá nhân – trách nhiệm nhóm*: Đây vừa là nguyên nhân vừa là điều kiện của nhóm học tập. Các cá nhân thể hiện trách nhiệm với bản thân và đối với các thành viên của nhóm, cùng hỗ trợ nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ đặt ra; mỗi cá nhân cần có sự nỗ lực bản thân trong sự ràng buộc trách nhiệm của cá nhân và nhóm.

- *Hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác*: HS nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ năng học hợp tác. Trong hoạt động học tập hợp tác, HS không chỉ nhằm lĩnh hội nội dung – chương trình môn học, mà quan trọng là được thực hành và thể hiện, củng cố các kỹ năng xã hội (như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi – trả lời, kỹ năng sử dụng ngữ điệu khi giao tiếp, ...). Đây là tiêu chí để đánh giá dạy học hợp tác trong nhóm có đạt được hiệu quả hay không.

b. Cách tiến hành

Tiến trình dạy học hợp tác có thể chia ra làm 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Trong giai đoạn này, GV cần thực hiện các công việc chủ yếu:

- Xác định hoạt động cần tổ chức dạy học hợp tác (trong chuỗi hoạt động dạy học) dựa trên mục tiêu, nội dung của bài học.

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS... Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.

- Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.

- Thiết kế các phiếu/ hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm, các bài tập củng cố chung hoặc dưới hình thức trò chơi học tập theo nhóm, từ đó tăng cường sự tích cực và hứng thú của HS.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập. GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác. Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Thông thường, HS trình bày bằng miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo. Có thể trình bày có minh họa thông qua biểu diễn hoặc mẫu kết quả làm việc nhóm. Kết quả trình bày của các nhóm nên được chia sẻ với các nhóm khác, để các nhóm góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Sau khi HS nhận xét,

phản hồi, GV cùng với HS tổng kết các kiến thức cơ bản. Cần tránh tình trạng GV giảng lại toàn bộ vấn đề HS đã trình bày.

c. Điều kiện sử dụng

Để tổ chức hoạt động dạy học hợp tác hiệu quả, cần lưu ý một số điều kiện sau:

- Nhiệm vụ học tập cần đủ khó để thực hiện dạy học theo nhóm (không nên tổ chức học tập theo nhóm với nhiệm vụ đơn giản, ít khó khăn) vì nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm trở nên nhàm chán và chỉ mang tính chất hình thức.
- Không gian làm việc cần đảm bảo phù hợp để HS thuận tiện trong việc trao đổi và thảo luận (HS trong nhóm cần nghe và nhìn thấy nhau, đặc biệt là với hình thức thảo luận nhóm).
- Thời gian cũng cần đủ cho các thành viên nhóm thảo luận và trình bày kết quả một cách hiệu quả.

Dạy học hợp tác có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

Bảng 1.4. Bảng mô tả ưu thế của dạy học hợp tác với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS

PC	Nhân ái	Có ý thức tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm khi hợp tác
	Trách nhiệm	Có ý thức hỗ trợ, hợp tác với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
NL chung	Tự chủ và tự học	Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm khi hợp tác, tự quyết định cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, cách thức xử lý các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo trong quá trình hợp tác nhằm đạt được kết quả tốt nhất.
	Giao tiếp và hợp tác	Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

1.2.3.2. Dạy học khám phá

a. Khái niệm

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới thông qua các hoạt động dưới định hướng của GV.

Dạy học khám phá có một số đặc điểm sau:

- HS phát triển quá trình tư duy liên quan đến việc khám phá và tìm hiểu thông qua quá trình quan sát, phân loại, đánh giá, tiên đoán, mô tả và suy luận.
- GV sử dụng PPDH đặc trưng hỗ trợ quá trình khám phá và tìm hiểu của HS;
- Giáo trình giảng dạy hay sách không phải là nguồn thông tin, kiến thức duy nhất cho HS;

- Kết luận sau khi khám phá được đưa ra với mục đích thảo luận chứ không phải là khẳng định cuối cùng;

- HS phải lập kế hoạch, tiến hành và đánh giá quá trình học của mình với sự hỗ trợ của GV.

b. Cách tiến hành

Tiến trình dạy học khám phá gồm hai giai đoạn cơ bản.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Trong bước này, GV cần thực hiện các công việc chủ yếu:

- Xác định mục đích về PC, NL cần hình thành ở người học qua các hoạt động học.
- Xác định vấn đề cần khám phá. Vấn đề được khám phá thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần vừa sức với HS.
- Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá các giả thuyết trong quá trình HS tham gia hoạt động học tập khám phá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc thí nghiệm, các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.
- Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.
- Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá. GV có thể tổ chức hợp tác giữa các nhóm để thống nhất về nội dung kiến thức của vấn đề, tổ chức hoạt động cho mỗi thành viên tự đánh giá, tự điều chỉnh rút ra tri thức khoa học.

Chuẩn bị phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ, thí nghiệm... như là phương tiện hướng dẫn hoạt động khám phá.

Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập. GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Sau đó HS tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động thí nghiệm, khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ...Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

c. Điều kiện sử dụng

Để đạt được hiệu quả cao khi áp dụng dạy học khám phá, GV cần lưu ý các điều kiện như sau:

- Đa số HS phải có những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động khám phá do GV tổ chức.

- GV cần hiểu rõ khả năng khám phá của HS. Từ đó có sự hướng dẫn trong mỗi hoạt động phải ở mức cần thiết, vừa đủ, đảm bảo cho HS phải hiểu chính xác các em phải làm gì trong mỗi hoạt động khám phá.

Dạy học khám phá có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

Bảng 1.5. Bảng mô tả ưu thế của dạy học khám phá với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS

PC	Chăm chỉ	Chủ động thực hiện nhiệm vụ thu thập các dữ liệu để khám phá vấn đề
	Trung thực	Có ý thức báo cáo các kết quả đã thu thập chính xác, khách quan để chứng minh hoặc phủ nhận giả thuyết đã đặt ra
	Trách nhiệm	Tự giác hoàn thành công việc thu thập các dữ liệu mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ
NL chung	Tự chủ và tự học	Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, tự quyết định cách thức thu thập dữ liệu, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thu thập dữ liệu, cách thức xử lý các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

1.2.3.3. Dạy học giải quyết vấn đề

a. Khái niệm

Dạy học giải quyết vấn đề là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh được đặt trong một tình huống có vấn đề mà bản thân học sinh chưa biết cách thức, phương tiện cần phải nỗ lực tư duy để giải quyết vấn đề.

Dạy học giải quyết vấn đề có các đặc điểm sau:

- HS được đặt vào tình huống có vấn đề chứ không phải được thông báo dưới dạng tri thức có sẵn. Vấn đề được đưa ra giải quyết cần vừa sức và gợi được nhu cầu nhận thức ở HS.

- HS không những được học nội dung học tập mà còn được học con đường và cách thức tiến hành dẫn đến kết quả đó. Nói cách khác, HS được học cách phát hiện và giải quyết vấn đề.

b. Cách tiến hành

Cách thức tiến hành theo các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

c. Điều kiện sử dụng

Dạy học giải quyết vấn đề có thể phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, HS sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất. Để có thể áp dụng dạy học giải quyết vấn đề, GV cần lưu ý:

- GV cần tạo ra tình huống có vấn đề phù hợp, thu hút HS vào quá trình tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, không phải nội dung dạy học nào cũng có thể phù hợp để xây dựng thành tình huống có vấn đề cho HS.

- Nếu giải quyết vấn đề được sử dụng cho các nhóm, vấn đề cần đủ phức tạp để đảm bảo rằng tất cả các HS là thành viên trong nhóm đều phải làm việc cùng nhau để giải quyết.

- Việc tổ chức tiết học hoặc một phần của tiết học theo PPDH giải quyết vấn đề đòi hỏi phải có thời gian phù hợp.

- Trong một số trường hợp, cần có thiết bị dạy học và các điều kiện phù hợp để thực hiện hiệu quả phương pháp giải quyết vấn đề, ví dụ các dụng cụ để làm thí nghiệm, các phương tiện tra cứu, khảo sát và thu thập thông tin...

Dạy học giải quyết vấn đề có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

Bảng 1.6. Bảng mô tả ưu thế của dạy học giải quyết vấn đề với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS

PC	Chăm chỉ	Chủ động lập và thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề
	Trách nhiệm	Tự giác đề xuất giả thuyết và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.
NL chung	Tự chủ và tự học	Tự quyết định cách thức giải quyết vấn đề, tự đánh giá về quá trình và kết quả giải quyết vấn đề.
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức giải quyết vấn đề, cách thức xử lý các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo khi giải quyết vấn đề nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

1.2.3.4. Dạy học dựa trên dự án

a. Khái niệm

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Dạy học dựa trên dự án có các đặc điểm sau:

- Định hướng thực tiễn: chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống. Nhiệm vụ của dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của người học. Các dự án học tập có ý nghĩa thực tiễn xã hội, góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lí tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

- Định hướng hứng thú người học: Người học được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của người học cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

- Mang tính phức hợp, liên môn: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc nhiều môn học khác nhau nhằm giải quyết một nhiệm vụ, vấn đề mang tính phức hợp.

- Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lí thuyết cũng như rèn luyện kĩ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của người học.

- Tính tự lực của người học: Trong dạy học theo dự án, người học cần tham gia tích cực, tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của người học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên, mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của người học và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

- Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học theo dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kĩ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa HS và GV cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án.

- Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra không chỉ giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau với các quy mô khác nhau.

b. Cách tiến hành

Dạy học dựa trên dự án cần được tiến hành theo ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

- **Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án:** Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

- **Chia nhóm và nhận nhiệm vụ dự án:** GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

- **Lập kế hoạch thực hiện dự án:** GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin. Các nhóm thường xuyên cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu. GV cũng cần tạo điều kiện cho việc làm chủ hoạt động học tập của HS và nhóm HS, quan tâm đến phương pháp học của HS... và khuyến khích HS tạo ra một sản phẩm cụ thể, có chất lượng.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

c. Điều kiện sử dụng

Để có thể áp dụng dạy học dựa trên dự án, GV cần lưu ý một số điểm như sau:

- Dạy học dựa trên dự án chỉ phù hợp để dạy học những nội dung gần gũi với thực tiễn cuộc sống, có nhiều nội dung thực hành. Các nội dung mang tính khoa học, lí thuyết thuần túy sẽ khó triển khai bằng dạy học dựa trên dự án.

- Dạy học dựa trên dự án đòi hỏi thời gian phù hợp. Tùy quy mô dự án, thời gian có thể kéo dài trong khoảng vài tiết học, tuần học... Vì thế, GV cần khéo léo sắp xếp khi xây dựng kế hoạch năm học trong bộ môn và nhà trường.

Dạy học dựa trên dự án có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

Bảng 1.7. Bảng mô tả ưu thế của dạy học dựa trên dự án với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS

PC	Chăm chỉ	Thường xuyên thực hiện và theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong dự án.
----	----------	--

	Trung thực	Có ý thức báo cáo chính xác, khách quan kết quả dự án đã thực hiện được.
	Trách nhiệm	Có ý thức hoàn thành công việc mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm để hoàn thành dự án.
NL chung	Tự chủ và tự học	Tự lựa chọn đề tài dự án, tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, tự quyết định cách thức thực hiện dự án, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện dự án.
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thực hiện dự án, cách thức xử lý các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo nhằm đạt được kết quả tốt nhất.
	Giao tiếp và hợp tác	Tăng cường sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện dự án.

1.2.3.5. Kỹ thuật dạy học

KTDH là những biện pháp, cách thức hành động của GV trong các tình huống cụ thể nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập mà là những thành phần của PPDH. Ví dụ, trong dạy học hợp tác có các KTDH như: kỹ thuật chia nhóm, kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật các mảnh ghép,...

Các KTDH tích cực có ý nghĩa đặc biệt trong việc khuyến khích sự tham gia của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sáng tạo và cộng tác làm việc của HS. Đây cũng chính là “công cụ” quan trọng góp phần phát triển PC, NL của HS. Một số KTDH tích cực có thể được áp dụng thuận lợi trong làm việc nhóm, tuy nhiên chúng cũng có thể được kết hợp thực hiện trong các hình thức dạy học toàn lớp. Có những KTDH sử dụng được ở các môn học, HGD khác nhau nhưng cũng có những KTDH sử dụng như KTDH đặc thù của môn học cụ thể. Điều này cho thấy, ngoài việc đầu tư lựa chọn PPDH, GV cũng cần quan tâm đến việc lựa chọn KTDH với các tiêu chí nhất định. Tuy nhiên, như đã nói, giữa PPDH và KTDH có mối quan hệ mật thiết, do đó việc lựa chọn PPDH hay KTDH không thể tách rời, có thể bắt đầu từ việc lựa chọn PPDH với hàng loạt KTDH có thể thực hiện trong PPDH đó rồi tiếp tục với việc lựa chọn các KTDH phù hợp trong từng tình huống nhất định.

Một số KTDH thường sử dụng trong môn Ngữ văn sẽ được chọn lọc trình bày kèm theo các ví dụ minh họa cụ thể ở Nội dung 2.

CÂU HỎI, BÀI TẬP

1. Phân biệt sự khác nhau giữa dạy học, giáo dục tiếp cận nội dung và dạy học, giáo dục phát triển PC, NL.
2. Trình bày một số nguyên tắc dạy học phát triển PC, NL.
3. Trình bày ưu thế phát triển về PC chủ yếu, NL chung cụ thể của một trong các PPDH đã được thể hiện trong nội dung 1.

4. Phân tích các YCCĐ của nội dung 1: Những vấn đề chung về dạy học và giáo dục phát triển PC, NL khi hỗ trợ đồng nghiệp.

NỘI DUNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN NGỮ VĂN

2.1. Môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

2.1.1. Đặc điểm của môn Ngữ văn

Đặc điểm của môn Ngữ văn đã được nêu rõ trong CT GDPT môn Ngữ văn (2018) như sau:

“Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ và văn học, được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp tiểu học, môn học này có tên là Tiếng Việt; ở cấp THCS và cấp THPT có tên là Ngữ văn. Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mỹ - nhân văn; giúp HS có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và HĐGD khác trong nhà trường; đồng thời cũng là công cụ quan trọng để giáo dục HS những giá trị cao đẹp về văn hóa, văn học và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở HS những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha,...

Thông qua các VB ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp HS hình thành và phát triển những PC tốt đẹp cũng như các NL cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời.

Nội dung môn Ngữ văn mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hoá, đạo đức, triết học,... liên quan tới nhiều môn học và HĐGD khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... Môn Ngữ văn cũng liên quan mật thiết với cuộc sống; giúp HS biết quan tâm, gắn bó hơn với đời sống thường nhật, biết liên hệ và có kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học, đáp ứng các YCCĐ về PC, NL của HS ở từng cấp học; được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Giai đoạn giáo dục cơ bản: CT được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS ở mỗi cấp học. Mục tiêu của giai đoạn này là giúp HS sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học, HĐGD khác; hình thành và phát triển NL văn học, một biểu hiện của NL thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để HS phát triển về tâm hồn, nhân cách.

Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: CT củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp HS nâng cao NL ngôn ngữ và NL văn học, nhất là tiếp nhận VB văn học; tăng cường kỹ năng tạo lập VB nghị luận, VB thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kỹ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học; tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, nhân cách để HS trở thành người công dân có trách nhiệm. Ngoài ra, trong mỗi năm, những HS có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các

chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.”¹

2.1.2. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Ngữ văn

2.1.2.1. Mục tiêu của môn Ngữ văn

Theo CT GDPT môn Ngữ văn, mục tiêu chung của môn Ngữ văn là:

“Hình thành và phát triển cho HS những PC chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Góp phần giúp HS phát triển các NL chung: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HS phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học: rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các VB thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các VB văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.”²

2.1.2.2. Yêu cầu cần đạt của môn Ngữ văn

a. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn Ngữ văn trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh

Môn Ngữ văn góp phần hình thành, phát triển ở HS những PC chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm – theo các mức độ phù hợp với cấp học đã được quy định tại CT tổng thể. Trong đó, môn Ngữ văn với đặc trưng của mình, có ưu thế đặc biệt trong việc hình thành và phát triển PC yêu nước và nhân ái cho HS. Môn Ngữ văn hình thành, phát triển những PC cho HS thông qua những hoạt động khám phá các văn bản ngôn từ, đặc biệt là văn bản văn học cùng với các hoạt động rèn luyện nghe, nói và thực hành tạo lập các kiểu văn bản thông dụng.

b. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn Ngữ văn trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh

Môn Ngữ văn góp phần hình thành, phát triển ở HS các NL chung như NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo – theo các mức độ phù hợp với cấp học đã được quy định tại CT tổng thể. Môn Ngữ văn hình thành, phát triển ở HS những NL chung này thông qua cách thức GV tổ chức hoạt động đọc, viết, nói và nghe cho HS tham gia, trải nghiệm.

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.3-4.

² Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.5 -7.

c. *Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn Ngữ văn trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho học sinh*

Theo CT GDPT môn Ngữ văn (2018), YCCĐ về NL đặc thù của môn Ngữ văn cấp THCS được trình bày cụ thể như sau:³

NL ngôn ngữ

- Đọc

+ Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu VB; biết đọc VB theo kiểu, loại; hiểu được nội dung tường minh và hàm ẩn của VB.

+ Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của VB; biết so sánh VB này với VB khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về cuộc sống, làm giàu đời sống tinh thần.

- Viết

+ Ở lớp 6 và lớp 7: viết được bài văn tự sự, miêu tả và biểu cảm; bước đầu biết viết bài văn nghị luận, thuyết minh, nhật dụng.

+ Ở lớp 8 và lớp 9: viết được các bài văn tự sự, nghị luận và thuyết minh hoàn chỉnh, theo đúng các bước và có kết hợp các phương thức biểu đạt.

+ Viết VB tự sự tập trung vào yêu cầu kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; VB miêu tả với trọng tâm là tả cảnh sinh hoạt (tả hoạt động); VB biểu cảm đối với cảnh vật, con người và thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học; biết làm các câu thơ, bài thơ, chủ yếu để nhận biết đặc điểm một số thể thơ quen thuộc; viết được VB nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng dễ tìm kiếm; viết được VB thuyết minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của HS với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số VB nhật dụng như biên bản ghi nhớ công việc, thư điện tử, VB tường trình, quảng cáo và bài phỏng vấn. Viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết VB; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn VB.

- Nói và nghe

+ Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách mạch lạc câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ những cảm xúc, thái độ, trải nghiệm, ý tưởng của mình đối với những vấn đề được nói đến; thảo luận ý kiến về vấn đề đã đọc, đã nghe; thuyết minh về một đối tượng hay quy trình; biết cách nói thích hợp với mục đích, đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; biết sử dụng hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ,... để trình bày vấn đề một cách hiệu quả.

³ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.7 - 12.

+ Nghe hiểu với thái độ phù hợp và tóm tắt được nội dung; nhận biết và bước đầu đánh giá được lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

NL văn học

- Nhận biết và phân biệt được các loại VB văn học: truyện, thơ, kịch, kí và một số thể loại tiêu biểu cho mỗi loại; phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học; hiểu nội dung tường minh và hàm ẩn của VB văn học.

- Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

- Ở lớp 6 và lớp 7: nhận biết được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa của VB đã đọc; nhận biết được truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; kí trữ tình và kí tự sự; nhận biết được chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình và giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi thể loại văn học (cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật, không gian và thời gian, vần, nhịp, hình ảnh và các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh).

- Ở lớp 8 và lớp 9: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong VB; nhận biết được kịch bản văn học, tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch; nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, hình tượng văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học (sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, điểm nhìn, xung đột, luật thơ, kết cấu, từ ngữ, mạch cảm xúc trữ tình; các biện pháp tu từ như điệp ngữ, chơi chữ, nói mỉa, nghịch ngữ). Nhận biết một số nét khái quát về lịch sử văn học Việt Nam; hiểu tác động của văn học với đời sống của bản thân.

2.1.3. Định hướng về phương pháp và kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh trong môn Ngữ văn

2.1.3.1. Định hướng chung

Việc vận dụng các PP, KTDH trong CT GDPT môn Ngữ văn 2018 cần tuân thủ theo những định hướng chung của CT GDPT 2018 như: dạy học tích hợp và phân hóa; đa dạng hóa các hình thức tổ chức, PP và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS.

Cụ thể, căn cứ vào CT GDPT môn Ngữ văn 2018, GV chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

"a) Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kĩ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hóa theo đối tượng HS ở tất cả các cấp và phân hóa góp phần định hướng nghề nghiệp ở THPT.

b) Rèn luyện cho HS PP đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy

theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện cho HS.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HS; dành nhiều thời gian cho HS nghiên cứu SGK và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để HS biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS."⁴

2.1.3.2. Định hướng về phương pháp dạy đọc

Việc dạy đọc VB nói chung ở nhà trường phổ thông được thực hiện theo những định hướng cụ thể sau:

- "Yêu cầu HS đọc trực tiếp toàn bộ VB, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của VB, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của VB; tổ chức cho HS tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong VB; hướng dẫn HS liên hệ, so sánh giữa các VB, kết nối VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối VB với trải nghiệm cá nhân HS,... để hiểu sâu hơn giá trị của VB, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày."⁵

- Hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc hiểu theo 3 giai đoạn của quy trình đọc: *trước khi đọc – trong khi đọc – sau khi đọc*.

Đối với VB văn học, ở giai đoạn *trước khi đọc*, HS sẽ được GV tổ chức, hướng dẫn thực hiện các hoạt động chủ yếu sau: *xác định mục đích đọc; huy động, bổ sung tri thức nền cho HS (nếu thiếu), trải nghiệm những tình huống có liên quan đến nội dung VB; quan sát tổng thể VB (chủ yếu là các yếu tố hình thức); dự đoán về nội dung đọc; ...* Một số hoạt động của giai đoạn *trước khi đọc* có thể được chuyển thành nhiệm vụ học tập cho HS tại nhà, trước giờ học đầu tiên về VB trên lớp, chẳng hạn như huy động tri thức nền của HS, bổ sung tri thức nền cho HS bằng cách kiểm tra kết quả HS đọc một số tri thức công cụ hỗ trợ cho việc đọc hiểu VB như tri thức về tác giả, hoàn cảnh ra đời của VB, tri thức về toàn VB nếu VB đọc là một đoạn trích...

Tiếp đến là giai đoạn *trong khi đọc*, HS được tổ chức đọc trực tiếp VB. Việc này có thể được thực hiện linh hoạt tùy theo độ dài ngắn của VB và thời gian dạy đọc trên lớp miễn sao HS càng có nhiều cơ hội được tiếp xúc trực tiếp với VB càng tốt. Việc *đọc VB* thường đi kèm với việc *tìm hiểu các chủ thích, nhận diện bố cục/ âm hưởng/ giọng điệu chung của VB để từ đó có những ấn tượng đầu tiên (trực cảm) về VB*. Ngoài ra, đây còn là giai đoạn GV hướng dẫn HS sử dụng các kỹ thuật đọc như *liên hệ, hình dung/ tưởng tượng, dự đoán, suy luận ý nghĩa* của các thông tin, chi tiết "bộ phận" trong VB (từ, câu, đoạn) mà chưa tiến đến cái nhìn "chỉnh thể" về toàn VB. Đồng thời ở giai đoạn này, người đọc cũng thực hiện các thao tác như *giám sát, kiểm tra quá trình hiểu của bản thân và điều chỉnh kết quả hiểu ấy sau từng chặng đọc*. Để giảm bớt áp lực về mặt thời gian cho việc tổ chức đọc VB tại lớp, GV có thể thiết kế và chuyển giao một số nhiệm vụ đọc cho HS tại nhà và phải đảm bảo việc kiểm tra kết quả đọc của những nhiệm vụ ấy khi HS đến lớp và sử dụng những kết quả ấy để tiếp tục tổ chức những

⁴ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.79.

⁵ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr. 82.

hoạt động đọc trực tiếp VB khác tại lớp. Giai đoạn này chỉ thật sự có hiệu quả khi người đọc đọc trực tiếp toàn bộ VB và biết sử dụng các kỹ thuật, thao tác đọc hợp lý. Tuy nhiên giai đoạn này trong quá trình dạy đọc hiện nay tại trường phổ thông chưa nhận được nhiều sự quan tâm của cả GV lẫn HS, thậm chí một số GV còn bỏ qua việc cho HS đọc trực tiếp VB tại lớp cũng như không kiểm tra kết quả đọc tại nhà của HS.

Đến giai đoạn *sau khi đọc* (giai đoạn được bắt đầu ngay sau khi người đọc đã hoàn thiện giai đoạn tiếp xúc cụ thể, trực tiếp với VB), người đọc chuyển từ tri giác từng phần sang tri giác tổng thể về VB. Vì vậy, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện những hoạt động đọc như:

- + *Xâu chuỗi, kết nối thông tin ở từng phần VB để định hình cái nhìn tổng thể về VB*, tái hiện nội dung khách quan, nội dung miêu tả của VB; trên cơ sở đó *có ấn tượng, cảm nhận chung về VB, đánh giá, điều chỉnh* lại cách hiểu ban đầu về VB nếu có;

- + *Phân tích, giải thích sâu hơn* vào các thành tố bộ phận của VB dựa trên cái nhìn tổng thể về VB để phát hiện nội dung chủ quan, ý nghĩa của VB;

- + *Phản hồi, bình luận, đánh giá* về các giá trị nội dung và hình thức của VB;

- + *Liên hệ, so sánh* giữa các VB, kết nối VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, với trải nghiệm cá nhân HS,... để hiểu sâu hơn giá trị của VB, *vận dụng, chuyển hoá* những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày;

- + *Tìm tòi, mở rộng* theo yêu cầu đọc của CT hoặc nhu cầu, thị hiếu của cá nhân.

Mặc dù là giai đoạn *sau khi đọc* nhưng đọc giả vẫn có thể tiếp tục quay trở lại giai đoạn *trong khi đọc* khi muốn hiểu sâu hơn, rõ hơn hoặc thưởng thức lại vẻ đẹp của một đoạn/ phần VB nào đó thêm nhiều lần nữa. Vì kiến tạo nghĩa cho VB là quá trình liên tục và tái cấu trúc nên giai đoạn này chỉ có điểm bắt đầu mà không có điểm kết thúc.

- Sử dụng đa dạng, phối hợp nhiều PP, kỹ thuật, hình thức dạy học: Không có một PP, KTDH nào là tối ưu có thể dành cho mọi loại VB, mọi tình huống và mọi đối tượng HS. Mỗi PP, kỹ thuật đều có những ưu và nhược điểm nhất định. Vì vậy, GV cần sử dụng đa dạng các loại PP, KTDH để đáp ứng việc dạy đọc cho những đối tượng VB và HS khác nhau. Việc lựa chọn, sử dụng các loại PP, KTDH khác nhau được tiến hành dựa trên một số cơ sở như: mục tiêu, nội dung, đối tượng dạy học và cơ sở vật chất, điều kiện sở trường của mỗi GV. Về cơ bản, quá trình dạy đọc ở trường phổ thông có thể được thực hiện với việc sử dụng kết hợp những PP, KTDH truyền thống lẫn hiện đại như: *dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học dựa trên dự án, PP đọc diễn cảm, PP thuyết trình, PP đàm thoại gợi mở, PP đóng vai, dạy học tình huống, dạy học theo trạm, kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật sơ đồ tư duy, kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật nhóm chuyên gia, kỹ thuật KWL, kỹ thuật DR-TA⁶, sử dụng phiếu học tập/ hồ sơ đọc trong dạy học...* Ngoài ra, GV cũng có thể tổ chức dạy đọc kết hợp với một số hoạt động trải nghiệm quen thuộc để tạo cơ hội cho HS được làm việc trực tiếp nhiều hơn với VB như *diễn kịch, sân khấu hóa, vẽ tranh, chuyển thể kịch bản, dựng phim, viết lại câu chuyện/ kết thúc truyện, kể chuyện sáng tạo, tổ chức hội thảo đọc, câu lạc bộ đọc sách, nhật kí đọc sách, bàn tròn văn chương, sưu tầm tranh ảnh, bài viết, video clip về những nội dung, vấn đề được đề cập trong VB, tổ chức trò chơi/ cuộc thi, ...* Những dạng thức sản

⁶ Kỹ thuật DR-TA: Directed Reading – Thinking Activity, tạm dịch là *Đọc có hướng dẫn – Hoạt động tư duy*.

phẩm này có thể yêu cầu HS thực hiện cùng với các nhiệm vụ đọc hiểu VB tại nhà để tạo hứng thú, động cơ học tập cho HS, khuyến khích các em chủ động tìm hiểu và khám phá VB.

Về hình thức dạy học, GV cũng nên sử dụng kết hợp đa dạng các hình thức dạy học trong quá trình dạy đọc như *dạy học cá nhân/ cặp đôi/ nhóm/ toàn lớp, dạy học trong lớp/ ngoài lớp,...*

- Do đặc thù của giờ dạy đọc, GV cần lưu ý tổ chức, hướng dẫn HS thực hành, rèn luyện một số kĩ thuật, thao tác đọc sau:

- + *Xác định mục đích đọc*
- + *Tổng quan về VB (đọc lướt VB)*
- + *Tóm tắt VB*
- + *Nhận biết các chi tiết quan trọng, ý chính*
- + *Huy động/ kích hoạt tri thức nền*
- + *Liên hệ/ kết nối giữa VB với kiến thức, trải nghiệm nền của bản thân; giữa VB với những VB khác; giữa VB với những thực tế xã hội, cuộc sống xung quanh*
- + *Dự đoán*
- + *Suy luận*
- + *Hình dung/ tưởng tượng*
- + *Kiểm soát/ giám sát việc đọc hiểu của bản thân*
- + *Phân biệt giữa ý kiến và sự kiện/ sự việc*
- + *Phê phán, đánh giá*
- + *Đặt câu hỏi*

- Cần lưu ý hướng dẫn HS kết hợp ghi chép tích cực trong quá trình học đọc với một số hình thức như *ghi chép cá nhân, ghi chép đối thoại, ghi chép hai lần về VB, ghi chép bên lề trang sách*⁷, sử dụng phiếu học tập/ phiếu ghi chép/ hồ sơ đọc để ghi chép, tóm tắt thông tin quan trọng trong quá trình học kết hợp với việc kiểm tra, đánh giá các phiếu học tập/ hồ sơ đọc ấy.

Đối với VBTT, việc dạy đọc cần bám sát đặc trưng của VB. Cụ thể là ở giai đoạn *trước khi đọc*, GV cần hướng dẫn HS:

- Xem xét các yếu tố *hình thức* của VB như: cách trình bày nhan đề; tiêu đề của các phần, chương, đoạn; mục lục; một số từ khóa hay đoạn văn đặc biệt được tô đậm, in nghiêng,...); đặc biệt là các *phương tiện phi ngôn ngữ* được sử dụng trong VB như: hình minh họa, lời chú thích dưới hình minh họa, bảng chú thích, lời tựa, lời bạt, sơ đồ, bảng biểu, kí hiệu,... để dự đoán nội dung của VB.

⁷ Theo Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu. (2017). *Giáo trình Phương pháp dạy đọc văn bản* (Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung). NXB Đại học Cần Thơ.

- Xác định *cấu trúc của VB* bằng cách dựa vào những từ ngữ mang nghĩa như: vì, do đó, thứ nhất là, bên cạnh đó,...

- *Hình dung khái quát về VB* qua các phần giới thiệu, tóm tắt hoặc câu hỏi (nếu có).

- Xác định *mục đích tạo lập* để định hướng cách thức đọc VB.

Ở giai đoạn *trong khi đọc*, GV cũng tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB (thường đi kèm với việc tìm hiểu các thuật ngữ, từ khó hoặc chú thích). GV cần hướng dẫn HS kết nối thông tin và ý tưởng từ VB với những gì đã biết trong khi kiểm soát cách hiểu của mình về VB. Ở giai đoạn này, GV có thể:

- Nhắc nhở HS lựa chọn và sử dụng những *kỹ thuật đọc* phù hợp với VBTT như *dự đoán, hình dung, suy luận ý nghĩa và mối liên hệ* của các thông tin trong VB.

- Khuyến khích HS *chia bố cục* VB dựa trên các yếu tố hình thức, đọc, dừng, suy nghĩ, đặt câu hỏi và viết ghi chú về những phần đã đọc.

- Hướng dẫn HS cách sử dụng *sơ đồ* để phân loại và xác định những ý chính, chi tiết quan trọng như sơ đồ so sánh hai cột, sơ đồ Venn, sơ đồ tư duy,...

- Yêu cầu HS *hình dung* về những khái niệm then chốt, sau đó chia sẻ và so sánh hình dung của mình với các bạn.

- Yêu cầu HS tự đặt những câu hỏi then chốt trong khi đọc:

+ *Tác giả tổ chức thông tin trong VB bằng cách thức nào?*

+ *Tác giả đã sử dụng những phương thức nào để biểu đạt nội dung?*

+ *Tác giả kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ như thế nào? Điều này mang lại hiệu quả gì cho việc biểu đạt nội dung?*

+ *Những ý chính của VB là gì?*

+ *Tác giả củng cố ý chính bằng những thông tin chi tiết nào?*

+ *Quan điểm của tác giả là gì?*

Ở giai đoạn sau khi đọc, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện những hoạt động đọc như:

- *Xâu chuỗi, kết nối thông tin* ở từng phần VB để định hình cái nhìn tổng thể về nội dung VB; đánh giá, điều chỉnh lại cách hiểu ban đầu về VB (nếu có).

- *Trình bày hoặc diễn giải thông tin* vừa đọc theo cách hiểu của mình. Khuyến khích HS tổng hợp thông tin bằng sơ đồ tư duy hoặc phiếu học tập thích hợp để minh họa cho sự kết nối giữa chủ đề, nội dung chính và các thông tin bổ sung của VB.

- *Bình luận, đánh giá* về các giá trị nội dung và hình thức của VB; độ tin cậy và độ xác thực của thông tin mà VB cung cấp; cách thức tổ chức thông tin của tác giả,...

- *Vận dụng* những thông tin vừa thu thập để giải quyết những tình huống, nhiệm vụ thực tiễn hoặc có liên quan trực tiếp đến cuộc sống của HS.

- Tìm kiếm, mở rộng thông tin về những vấn đề được gọi ra từ VB mà HS quan tâm.

Về cơ bản, khi dạy đọc VBTT, GV có thể sử dụng kết hợp các PP, KTDH truyền thống lẫn hiện đại như: DH hợp tác, DH giải quyết vấn đề, DH dựa trên dự án, PP thuyết trình tích cực, PP đàm thoại gợi mở, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật sơ đồ tư duy, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật KWL, sử dụng phiếu học tập, tranh ảnh, video clip, ... Ngoài ra, GV có thể kết hợp việc dạy đọc với một số hoạt động trải nghiệm quen thuộc, tạo điều kiện cho HS vận dụng các thông tin rút ra từ VB để giải quyết những vấn đề thực tiễn, liên quan trực tiếp đến hoạt động của HS như thiết kế poster tuyên truyền, vận động; làm video clip về thực trạng môi trường sống ở địa phương; thực hiện phóng sự ảnh về tình trạng của một số di tích lịch sử ở địa phương; sưu tầm tranh ảnh về một chủ đề khoa học tự nhiên hoặc xã hội (tích hợp liên môn hoặc xuyên môn;.... Những hình thức này tạo điều kiện cho HS làm việc trực tiếp với VB, có cơ hội phân tích và đánh giá thông tin mà VB cung cấp một cách sâu sắc hơn.

Về hình thức dạy học, GV cũng có thể kết hợp đa dạng các hình thức như dạy học cá nhân/ cặp đôi/ nhóm/ toàn lớp, dạy học trong lớp/ ngoài lớp,... như đối với các loại VB khác.

2.1.3.3. Định hướng về phương pháp dạy viết

Hoạt động chủ yếu trong dạy viết là hoạt động thực hành. Các dạng bài tập thực hành trong dạy viết rất đa dạng, đó có thể là bài tập phân tích mẫu; các câu hỏi giúp HS xác định mục đích và nội dung viết; các hướng dẫn và yêu cầu cụ thể về việc thu thập tài liệu, tìm ý và lập dàn ý, lựa chọn cách triển khai dàn ý, viết đoạn văn, viết bài văn, tự chỉnh sửa dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết. Đối với cấp THCS và THPT, CT GDPT môn Ngữ văn (2018) cũng đã định hướng cụ thể: *“Ở cấp THCS và THPT, GV yêu cầu HS thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài... Ở hai cấp học này, ngoài việc tiếp tục PP phân tích mẫu các kiểu VB, GV chú ý hướng dẫn kĩ thuật viết tích cực nhằm giúp HS vừa thành thạo kĩ năng tạo lập theo từng kiểu VB, vừa phát triển tư duy phê phán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các VB thông thường, HS còn được rèn luyện tạo lập VB điện tử và VB đa phương thức.”*⁸

Như vậy, PP GV có thể sử dụng trong dạy viết rất đa dạng như phân tích mẫu, thực hành, đàm thoại gợi mở, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác...

Việc tổ chức dạy viết bài (viết đoạn văn và bài văn) rất linh hoạt, có thể chọn viết từng phần: mở bài, kết bài, thân bài; hoặc cũng có thể chọn viết một hoặc một số đoạn trong thân bài rồi viết cả bài. Sau khi HS viết xong, GV cần tổ chức hoạt động cho HS nói, trình bày những gì đã viết để kết nối viết với nói và nghe, tạo điều kiện phát triển NL của HS một cách toàn diện.

2.1.3.4. Định hướng về phương pháp dạy nói và nghe

CT GDPT môn Ngữ văn 2018 định hướng về PP dạy nói và nghe như sau:

Đối với dạy nói, GV hướng dẫn cho HS quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HS thực hành nói; hướng dẫn HS cách thức, quy trình chuẩn bị một bài

⁸ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.84-85.

thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận; cách dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Đối với dạy nghe, GV hướng dẫn HS cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với dạy nói nghe tương tác, GV hướng dẫn HS cách lắng nghe, cách đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe; cách nói theo lượt lời trong hội thoại.

Bảng 2.1. sau đây sẽ cho thấy các định hướng về PP, kĩ thuật và hình thức dạy học phù hợp để triển khai dạy Ngữ văn theo định hướng phát triển PC, NL HS.

Bảng 2.1. Định hướng về phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học phù hợp để triển khai dạy Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Thành phần NL Ngữ văn	Định hướng về PP, kĩ thuật và hình thức dạy học	PP, kĩ thuật và hình thức dạy học
Đọc	Để phát triển NL đọc VB cho HS thì PP, kĩ thuật và hình thức dạy học cần được lựa chọn, sử dụng theo định hướng: -Tạo điều kiện để HS tham gia, thực hiện hoạt động học tập vì PC/NL chỉ hình thành và phát triển qua việc tham gia thực hiện các hoạt động. Vai trò của người GV không phải là đọc thay, hiểu thay, diễn giải VB thay cho HS mà là người tổ chức hoạt động đọc cho HS. -Tạo điều kiện để HS đọc trực tiếp VB chứ không phải chỉ đọc qua thể bản. -Hướng HS đến việc không chỉ giải mã mà còn sử dụng kiến thức nền của mình để kiến tạo nghĩa cho VB. -Tạo điều kiện để HS tương tác với VB, trao đổi, thảo luận với những người đọc khác là bạn học và GV để khám phá những cách nhìn khác nhau về VB và về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Từ đó, giúp HS không chỉ hiểu VB mà còn hình thành và phát triển kĩ năng đọc VB.	* PPDH: - Thuyết trình - Đàm thoại gợi mở - Dạy học giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác - Đóng vai - Dạy học dựa trên dự án... * KTDH: - Sơ đồ tư duy - KWL - Phòng tranh, - Khăn trải bàn... * Hình thức dạy học: cá nhân, cặp đôi, nhóm, dạy học trên lớp, dạy học ở nhà, dạy học trải nghiệm...
Viết	Để phát triển NL viết cho HS thì PP, kĩ thuật và hình thức dạy học cần được lựa chọn, sử dụng theo định hướng:	* PPDH: - Dạy viết dựa trên tiến trình - Phân tích mẫu - Đàm thoại gợi mở

	- Tạo điều kiện để HS thực hành các kỹ thuật viết tích cực, thực hành các bài tập đa dạng. - Tạo điều kiện để HS phân tích mẫu các kiểu VB; rèn luyện viết các VB thông thường, VB điện tử và VB đa phương thức. - Tạo điều kiện cho HS nói, trình bày những gì đã viết.	- Dạy học giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác - Dạy học dựa trên dự án... * KTDH: - Bảng 4 ô vuông - KWL * Hình thức dạy học: cá nhân, cặp đôi, nhóm, dạy học trên lớp, dạy học ở nhà, dạy học trải nghiệm...
Nói và nghe	Để phát triển NL Nói và nghe cho HS thì PP, kỹ thuật và hình thức dạy học cần được lựa chọn, sử dụng theo định hướng: - Tạo điều kiện cho HS quan sát, phân tích mẫu, thực hành nói. - Tạo điều kiện cho HS tìm hiểu, luyện tập cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và cách thức trình bày thảo luận, tranh luận trước nhóm, tổ, lớp, cách dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng. - Tạo điều kiện cho HS hình dung mình là người nghe để hiểu mong muốn, nhu cầu của người nghe và có cách nói thích hợp. - Tạo điều kiện để HS rèn cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói, cách kiểm tra những thông tin chưa rõ, cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực. Rèn thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt. Đối với nói nghe tương tác, tạo điều kiện cho HS biết cách đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, cách nói theo lượt lời trong hội thoại.	* PPDH: - Phân tích mẫu - Đàm thoại gợi mở - Dạy học giải quyết vấn đề - Dạy học hợp tác - Đóng vai - Dạy học dựa trên dự án... * PPDH: - KWL - Phòng tranh... * Hình thức dạy học: cá nhân, cặp đôi, nhóm, dạy học trên lớp, dạy học ở nhà, dạy học trải nghiệm...

2.1.4. Quan hệ giữa yêu cầu cần đạt với nội dung dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học trong môn Ngữ văn

CT GDPT tổng thể định nghĩa “YCCĐ là kết quả mà HS cần đạt được về PC và NL sau mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và HĐGD; trong đó, mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu riêng cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học

trước đó.”.⁹ Như vậy, YCCĐ chính là cơ sở quan trọng định hướng cho việc xây dựng nội dung dạy học và lựa chọn, sử dụng PP, KTDH.

CT GDPT môn Ngữ văn 2018 cũng đã nêu rõ quan điểm xây dựng: “*Lấy các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của CT theo định hướng NL và bảo đảm tính chính thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp/lớp. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được tích hợp vào hoạt động dạy học tiếp nhận và tạo lập VB; phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe*”⁵. Mặt khác, CT GDPT môn Ngữ văn 2018 được xây dựng theo hướng mở: “*CT chỉ quy định các YCCĐ về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định các kiến thức cơ bản, cốt lõi về văn học, tiếng Việt và một số ngữ liệu bắt buộc. Việc lựa chọn nội dung dạy học để biên soạn SGK dành quyền chủ động cho tác giả; việc tổ chức dạy học, soạn đề thi, kiểm tra đánh giá... dành quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục và GV miễn là đáp ứng các YCCĐ được quy định trong CT.*”¹⁰

Như vậy, cấu trúc của CT GDPT môn Ngữ văn 2018 được xây dựng dựa trên các trụ cột chính tương ứng với các NL giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe. Các NL này sẽ được phân giải thành những YCCĐ theo độ khó tăng dần và liên tục từ lớp 1 đến lớp 12. Để đạt những yêu cầu này, CT thiết kế các nội dung dạy học cốt lõi, gồm hai phần chính là kiến thức (văn học, tiếng Việt và giao tiếp) và ngữ liệu là những VB thuộc các kiểu loại khác nhau. Các YCCĐ này cũng là căn cứ để xác định PP, KTDH thích hợp đối với mỗi lớp học, cấp học sao cho HS có được những NL và PC mà xã hội kì vọng.

CT môn Ngữ văn đã nêu rõ nội dung dạy học (gồm: hoạt động đọc, viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt và văn học; ngữ liệu) được xác định dựa trên các YCCĐ của mỗi lớp¹¹. Vấn đề này một lần nữa được nhắc lại trong phần tiêu chí lựa chọn ngữ liệu. Ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, để đáp ứng yêu cầu dạy học theo định hướng mới. Tiêu chí hàng đầu của việc lựa chọn ngữ liệu đó là phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các PC, NL theo mục tiêu, YCCĐ của CT¹². Lí luận dạy học cũng đã chỉ rõ việc lựa chọn PP, KTDH cần căn cứ vào nội dung kiến thức và các đặc điểm đặc thù của môn học. Các loại kiến thức khác nhau sẽ cần các PP, KTDH phù hợp để dạy học thì mới có hiệu quả.¹³

Như vậy, có thể kết luận: YCCĐ là một căn cứ quan trọng để lựa chọn nội dung dạy học trong môn Ngữ văn. YCCĐ cùng với nội dung dạy học lại là cơ sở để lựa chọn và sử dụng PP, KTDH. Do đó, có thể nói trong môn Ngữ văn, giữa YCCĐ với nội dung dạy học, PP, KTDH có mối quan hệ, liên quan chặt chẽ.

Chẳng hạn với việc dạy đọc ở lớp 7, trước hết GV phải căn cứ vào YCCĐ về việc dạy đọc VB văn học được nêu ở cấp lớp này để xác định thể loại sẽ dạy. GV nên chú ý các YCCĐ về

⁹ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*. Hà Nội, tr.37.

⁵ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.4.

¹⁰ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Infographic Tìm hiểu Chương trình môn Ngữ văn*. Hà Nội.

¹¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.12

¹² Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội, tr.15

¹³ Trần Quốc Khánh. (2012). Cơ sở của việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, *Tạp chí Giáo dục*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 290, kỳ 2, tháng 7/2012

đọc hiểu hình thức vì phần này nêu rõ những yêu cầu đối với các thể loại được dạy ở lớp 7. Cụ thể, lớp 7 gồm có ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng; thơ, thơ bốn chữ, năm chữ; tùy bút, tản văn; tục ngữ. Từ đó, GV có thể lựa chọn VB *Cối lá* (Đỗ Phấn) vì đây là VB thuộc thể loại tản văn, đáp ứng được YCCĐ về tản văn mà CT đã nêu. Các nội dung cần khai thác từ ngữ liệu đọc này cũng phải căn cứ trên YCCĐ chứ không phải do GV chủ quan khai thác trên ngữ liệu. Điều này đảm bảo việc nếu GV này chọn ngữ liệu đọc là VB *Cối lá* còn GV khác chọn một ngữ liệu đọc khác tương tự thì HS của cả hai GV đều được phát triển các NL đọc dựa trên các YCCĐ như nhau. Trong trường hợp này là chất trữ tình, cái tôi và ngôn ngữ của tản văn. Tiếp đến, việc lựa chọn và sử dụng PP, KTDH cũng phải hướng vào mục đích giúp HS khai thác các nội dung trên và đạt được các YCCĐ đã nêu trong CT là nhận biết được chất trữ tình, cái tôi và ngôn ngữ của tản văn.

Có thể hình dung mối quan hệ giữa YCCĐ với nội dung dạy học, PP, KTDH trong một bài dạy đọc cụ thể, cho một thể loại cụ thể như trên qua ma trận được thể hiện chi tiết trong bảng 2.2. dưới đây.

Bảng 2.2. Ma trận kết nối giữa năng lực, yêu cầu cần đạt với nội dung và phương pháp, kỹ thuật dạy học trong môn Ngữ văn, lớp 7

Bài học: Tùy bút, tản văn

Ngữ liệu đọc: *Cối lá* (Đỗ Phấn)¹⁴

	YCCĐ	Nội dung	PP, KTDH nên được sử dụng
Đọc hiểu	- Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu	- Chủ đề VB (<i>ngợi ca về đẹp phong phú, sinh động của cây lá trên đường phố Hà Nội</i>)	* PPDH:

¹⁴ **CỐI LÁ** (Đỗ Phấn)

Bể bàng mùa xuân đến muộn. Khi cái nắng đã chao chát trên những lộc non báo hiệu mùa hè, chẳng hiểu vì sao lòng người bỗng rộn ràng đến thế. Oà thức cùng với xôn xao lá cành.

Chín cây bồ đề trên đường Trần Nhân Tông làm thành một khoảng trời trong veo màu thạch lựu. Những chiếc lá non đu đưa trong gió tưởng như có tiếng chuông chùa huyền hoặc vọng về từ cõi thanh cao u tịch. Những đứa trẻ tan trường ríu rít dưới gốc cây như những thiên thần bước ra từ lá. Nhiều người Hà Nội chẳng có việc gì cũng vòng xe qua đoạn phố đông mà chật chội, mà hỗn hào đi đứng này chỉ để ngắm nhìn một chút sắc lá ngọt ngào như mật chảy thàng giềng.

Nhìn chung thì vòng đời của một chiếc lá bồ đề dù được mọc ra từ Hà Nội hay ở nơi phát tổ Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp cũng chỉ kéo dài không đến một năm. Có rất nhiều loài cây trong phố có một vòng đời như vậy. Và hình như đó cũng là một đặc trưng của cây Hà Nội. Làm nên mùa lá rụng kéo dài suốt từ thu sang đông. Nó làm cho người đi xa nhớ về và người Hà Nội thì thao thiết đợi chờ những khoảnh khắc nghỉ ngơi thần trí trong cái biển người chộn rộn áo com này.

Cô em gái của tôi sống xa Tổ quốc đã hai chục năm có lẽ. Mỗi lần gọi điện về nó lại hỏi con đường ven Hồ Guom mùa này lá đã rụng? Lạ thế! Mùa nào cũng hỏi như vậy. Làm cho người ở nhà thấy thương. Cứ trả lời bừa rằng đang ngổn ngang vàng rụi sắc lá ven hồ. Lá của những cây sấu cổ thụ ở phía đường Đinh Tiên Hoàng. Lá bằng lăng, lá bằng đỏ chói trên đường Lê Thái Tổ. Thực ra thì chưa bao giờ những loại lá ấy rụng cùng một lúc với nhau. *Cây com người* vàng và *Cây bằng lá đỏ*...nhiều khi rụng lá cách nhau cả đến... một mùa thu!

Những tưởng vô duyên đến như cây xà cừ lá cùng. Cứ như người đàn bà phồng phao nhạt hoét. Chỉ được mỗi ưu điểm về kích thước. Và cũng lại là nhược điểm. Mùa mưa bão rất mất công cắt tỉa bớt cành phòng khi bị đổ. Nhưng không hẳn thế. Thân hình cường tráng và lá cành rậm rạp đến thế của cây lại vô cùng yếu mềm trước một heo may đến sớm. Ngập cả lối đi những lá xanh chen lẫn lá vàng làm nên một mùa thu quyến rũ từng bước chân người.

Đã có vài người áy náy thốt lên rằng cây Hà Nội không được con người ưu ái lắm. Bằng chứng là những thân cây u sần máu cục đầy thương tích do con người gây nên? Nhưng sẽ thật là kỳ khôi nếu như những gốc sấu già Hà Nội lại nhần nhụi như những cây chò chỉ trên đường Hùng Vương? Hơn ba mươi năm vẫn khẳng khiu thẳng tắp như sợi chỉ. Và lá rụng không theo mùa. Từng chiếc to tướng như cái quạt nan hồi hộp nằm chiếm chỗ trên mặt đất làm người ta nhàm lẫn về kích thước một con đường lớn. Đó là loài cây của đại ngàn. Không phục tùng ý chí của con người.

Miền man trong cõi lá mùa xuân thành phố, gương mặt ai ai cũng như có phần trẻ lại. Hay tự nhận rằng mình như thế?

Nguồn: <http://nico-paris.com/tin-tuc-25/coi-la.vhtm>

nội dung	trong tính chỉnh thể tác phẩm. - Nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	- Thông điệp của VB (<i>giá trị của những giây phút trải nghiệm cảm xúc cùng thiên nhiên của quê hương, đất nước</i>) - Tình cảm, cảm xúc yêu quý, gắn bó tha thiết với Hà Nội của người viết thể hiện qua ngôn ngữ bài tản văn.	- Dạy học trực quan (sử dụng tranh hình, video, ...) - Đọc diễn cảm - Đàm thoại gợi mở - Dạy học giải quyết vấn đề - Trò chơi * KTDH: - Khăn trải bàn - Phòng tranh
Đọc hiểu hình thức	Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.	- Chất trữ tình của bài tản văn toát lên từ 3 khía cạnh sau: Khung cảnh thiên nhiên - Cái tôi trữ tình nhiều suy tư sâu lắng Lời văn thấm đẫm cảm xúc, nhiều liên tưởng so sánh bất ngờ, thú vị	* PPDH: - Đàm thoại gợi mở - Dạy học giải quyết vấn đề * KTDH: - Khăn trải bàn
Liên hệ, so sánh, kết nối	- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong tác phẩm văn học. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.	- HS nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống (khung cảnh thiên nhiên quanh nơi đang sống/ ở quê nhà/ trường học...) giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong tác phẩm văn học. - HS thể hiện được thái độ đồng tình với thái độ, tình cảm của tác giả (yêu thiên nhiên, trân quý môi trường sống, gắn bó với quê hương); nêu được lí do.	* PPDH: - Đàm thoại gợi mở - Dạy học giải quyết vấn đề - Thuyết trình * KTDH: 3-2-1
Đọc mở rộng	- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 5 VB tùy bút – tản văn (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với VB đã học. - Học thuộc lòng một số câu văn yêu thích trong VB.	- Một số câu hay, ấn tượng trong VB. - Một số VB tùy bút, tản văn có độ dài tương đương và chủ đề tương đồng với VB đã học.	* PPDH: - Đàm thoại gợi mở - Trò chơi * KTDH: - Sơ đồ tư duy

2.2. Một số phương pháp kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Ngữ văn

Trong dạy học Ngữ văn, để tổ chức hoạt động học cho HS nhằm đạt được những YCCĐ của chương trình, GV có thể lựa chọn và sử dụng đa dạng các PP, KTDH như đã trình bày tại bảng 2.1 ở phần trên. Tuy nhiên, trong phạm vi của tài liệu, chúng tôi chỉ lựa chọn trình bày một số PP, KTDH có thể thường xuyên được sử dụng trong dạy học Ngữ văn để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.

2.2.1. Dạy học dựa trên dự án

Dạy học dựa trên dự án đã được giới thiệu ở Nội dung 1. Nội dung 2 sẽ trình bày một số định hướng sử dụng dạy học dựa trên dự án để hình thành, phát triển PC, NL cho HS trong môn Ngữ văn, đồng thời cung cấp ví dụ minh họa cụ thể để làm rõ cách thức sử dụng dạy học dựa trên dự án trong môn Ngữ văn.

2.2.1.1. Định hướng sử dụng

- Trong môn Ngữ văn, việc sử dụng dạy học dựa trên dự án có thể góp phần phát triển cho người học một số PC chủ yếu (ví dụ: **trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ**), NL chung (ví dụ: **NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL giao tiếp và hợp tác**) và các NL đặc thù (**NL ngôn ngữ, NL văn học**) thông qua các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe. Với việc thực hiện các sản phẩm học tập bằng các hoạt động cụ thể liên quan đến đọc, viết, nói và nghe, HS sẽ có cơ hội hình thành và phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học.

- Dạy học dựa trên dự án có thể được sử dụng cùng với những PP khác để đạt được một số YCCĐ trong KHBD; hoặc được sử dụng chủ đạo để dạy một chủ điểm hay một loạt bài ôn tập/ hoạt động ngoại khóa/ chuyên đề học tập.

- Dự án phải gắn với thực tiễn đời sống.

+ Trong môn Ngữ văn, nhiều nội dung dạy học có thể gắn với thực tiễn cuộc sống nên phù hợp để sử dụng dạy học dựa trên dự án. Chẳng hạn những nội dung dạy học liên quan đến các kĩ năng như viết, nói và nghe, đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thường tạo nhiều cơ hội để GV tìm ra được mối liên hệ giữa những vấn đề thực tiễn đang diễn ra trong cuộc sống với nội dung bài học; từ đó xây dựng nên những chủ đề học tập theo hình thức dự án. Tuy nhiên, không phải mọi nội dung dạy học, mọi YCCĐ của môn Ngữ văn đều phù hợp để triển khai bằng dạy học dựa trên dự án nên GV cần cân nhắc kĩ.

+ Hoặc môn Ngữ văn có thể tích hợp với những môn học khác tạo thành những dự án học tập mà ở đó, những nội dung dạy học của môn Ngữ văn cũng chủ yếu được thiết kế theo định hướng hình thành, phát triển cho HS NL giao tiếp với những biểu hiện cụ thể liên quan đến đọc, viết, nói và nghe.

- GV phải xác định rõ mục tiêu/YCCĐ nào về PC, NL mà HS cần đáp ứng khi hoàn thành dự án. Những mục tiêu/YCCĐ khác của bài dạy chưa thể hình thành và phát triển qua việc HS tham gia thực hiện dự án thì GV cần sắp xếp để phát triển bằng việc phối hợp sử dụng một số PP, KTDH khác.

- Dạy học dựa trên dự án sẽ tốn nhiều thời gian. Vì thế, GV cũng cần cân nhắc để chọn lựa sử dụng phối hợp với các PP, KTDH khác sao cho phù hợp với quỹ thời gian cho phép. Đồng thời khi lựa chọn nội dung dạy học dựa trên dự án, GV cũng nên ưu tiên những nội dung học tập có tính chất trọng tâm của học kì/ năm học để phát huy được hiệu quả của PP này, tương ứng với thời gian thực hiện.

- Trong suốt quá trình thực hiện dự án cũng như bước trình bày, đánh giá sản phẩm dự án, GV cần chú ý đến tính hiệu quả của dự án về mặt hình thành và phát triển PC, NL cho HS; tránh việc đi vào hình thức, mang tính trình diễn, gây tốn kém thời gian và tiền bạc.

2.2.1.2. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 9

- Phần: Viết, Nói và nghe

- Mục tiêu: Hướng đến YCCĐ: *Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện; Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...); Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*

- Lí do chọn sử dụng dạy học dựa trên dự án

+ Dạy học dựa trên dự án phù hợp với dạy viết, nói và nghe để phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; thông qua đó phát triển các NL chung và NL đặc thù cho HS.

+ Cơ sở vật chất: Dự án này không yêu cầu cơ sở vật chất đặc biệt nên phù hợp cho việc triển khai ở các địa phương với nhiều điều kiện cơ sở vật chất khác nhau.

+ Nhiệm vụ học tập: Đây là nhiệm vụ mang tính tổng hợp, HS thực hiện dự án học tập theo nhóm, tạo ra sản phẩm học tập cuối cùng là VB viết và các VB đa phương thức (dạng bài trình chiếu có hình ảnh, âm thanh); đồng thời qua dự án, HS có cơ hội thực hành kĩ năng nói và nghe tương tác; trong quá trình thực hiện dự án, HS có cơ hội phát triển NL giao tiếp và hợp tác.

+ Thời gian: 3 tuần, từ lúc lên ý tưởng dự án đến lúc đánh giá dự án → Phù hợp với việc tổ chức dạy học ở nhà trường phổ thông.

+ Tài chính: Dự án học tập này không đòi hỏi kinh phí tài chính nên phù hợp cho việc triển khai ở các địa phương, nhà trường với nhiều điều kiện thực tế khác nhau.

- Cách thức tổ chức:

+ **Chuẩn bị:**

. Hình thức dự án là: HS cả lớp cùng tổ chức và tham gia vào buổi thi chung kết cuộc thi viết truyện ngắn về những người xung quanh mình, chủ đề: “Chuyện đời quanh tôi”. Song song với việc tổ chức buổi thi, HS sẽ tổ chức giới thiệu một quyển sách điện tử tập hợp các tác phẩm dự thi.

. GV giới thiệu hình thức dạy học dự án; hệ thống các kiến thức cần thiết có liên quan đến sản phẩm dự án như cách viết một truyện kể, cách kể một câu chuyện tưởng tượng, cách tiến hành một cuộc phỏng vấn ngắn. GV cần lưu ý khi tổ chức dạy học dựa trên dự án không có

nghĩa là cắt bỏ hết những giờ học kiến thức trên lớp có liên quan dự án học tập. Tùy vào nội dung, cách thức tổ chức dự án học tập mà GV vẫn cần thiết tổ chức dạy học các nội dung kiến thức có liên quan đến dự án học tập vào những giờ học chính thức trên lớp vì nếu không được hướng dẫn tìm hiểu kiến thức thì HS sẽ không có đủ kiến thức nền để thực hiện dự án. Tuy nhiên việc tổ chức dạy học các nội dung lí thuyết cũng cần được tiến hành trên tinh thần hướng dẫn HS chủ động phát hiện kiến thức và có thể kết hợp với việc hướng dẫn HS thực hành, vận dụng lí thuyết vào việc giải quyết nhiệm vụ mà dự án học tập đã thiết kế.

. Chia nhóm cho HS

Nhóm 1 (6-7 HS): Đóng vai nhóm ban tổ chức buổi thi chung kết cuộc thi viết truyện ngắn, chủ đề “Chuyện đời quanh tôi”. - Nhiệm vụ: thực hiện 02 loại sản phẩm: + Sản phẩm chính: Bảng tiêu chí đánh giá truyện ngắn + Sản phẩm phụ: Kịch bản CT buổi thi chung kết; poster (dán cửa lớp/ tờ rơi) để giới thiệu buổi thi.
Các nhóm còn lại (6 HS/nhóm): Đóng vai nhóm tác giả dự thi - Nhiệm vụ: thực hiện 02 sản phẩm: + Sản phẩm chính: 01 truyện kể về một người có thật mà HS quen biết; từ những chi tiết cơ bản, HS sáng tạo thêm để tạo thành truyện. Câu chuyện này được yêu cầu thực hiện dưới 2 hình thức: VB viết nộp cho ban tổ chức và phần trình bày/ kể lại nội dung câu chuyện ở buổi thi chung kết. + Sản phẩm phụ: 01 video clip/ bài trình chiếu sử dụng khi kể chuyện ở buổi thi chung kết.

Giao nhiệm vụ:

✓ Nhóm tác giả dự thi: HS sẽ phỏng vấn những người xung quanh mình để lấy ý tưởng viết truyện. Truyện ngắn được viết không phải là hồi kí cuộc đời, mà chỉ chọn một/một vài chi tiết trong cuộc đời của người phỏng vấn để viết thành truyện. Các nhóm dự thi sẽ viết và công bố truyện ngắn của mình theo quy định của ban tổ chức; cách thức trình bày truyện ở buổi thi chung kết có thể sáng tạo (kể, đọc, nhập vai, phỏng vấn, video clip).

✓ Nhóm ban tổ chức buổi thi: HS thiết kế bảng tiêu chí đánh giá truyện ngắn, kịch bản tổ chức buổi thi chung kết. Thành phần ban giám khảo cũng thuộc nhóm ban tổ chức.

. Cùng với HS thống nhất tiêu chí đánh giá.

. Hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án.

+ **Thực hiện dự án:** HS làm việc theo nhóm trong thời gian 3 tuần dưới sự đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra tiến độ dự án của GV

+ **Báo cáo kết quả:** Nhóm *ban tổ chức* tổ chức buổi thi giả định để các nhóm trình bày sản phẩm.

+ **Đánh giá dự án:** HS thực hiện việc đánh giá theo các tiêu chí đã thống nhất. GV đánh giá thái độ, tinh thần thực hiện dự án; tháo gỡ khó khăn vướng mắc, rút kinh nghiệm cho dự án sau.

Như vậy, sau hoạt động dạy học dựa trên dự án, GV tạo cơ hội để HS chủ động kiến tạo tri thức, hình thành kỹ năng và vận dụng tổng hòa các yếu tố đó để hoàn thành các sản phẩm học tập của dự án. Với việc *viết được một truyện kể* dựa trên câu chuyện về cuộc đời thực của những người xung quanh mình và *đề xuất bảng tiêu chí đánh giá truyện ngắn*, HS đạt được YCCĐ là *Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện*. Còn với sản phẩm là phần trình bày câu chuyện kể do HS viết ở buổi **thi chung kết** cuộc thi viết truyện ngắn, chủ đề “Chuyện đời quanh tôi”, HS đã đạt được YCCĐ là *Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...)*. Riêng YCCĐ *Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn* được đánh giá bằng một hoạt động cụ thể khác của dự án là HS sẽ phỏng vấn những người xung quanh mình để lấy ý tưởng viết truyện. Do đó có thể nói là các YCCĐ đều đạt được sau khi kết thúc dự án học tập.

2.2.2. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác đã được giới thiệu ở Nội dung 1. Nội dung 2 sẽ trình bày một số định hướng sử dụng dạy học hợp tác để hình thành, phát triển PC, NL cho HS trong môn Ngữ văn, đồng thời cung cấp ví dụ minh họa cụ thể để làm rõ cách thức sử dụng dạy học hợp tác trong môn Ngữ văn.

2.2.2.1. Định hướng sử dụng

Sử dụng dạy học hợp tác trong môn Ngữ văn không chỉ tạo điều kiện phát triển NL giao tiếp và hợp tác cho HS mà còn đem đến cho HS nhiều cơ hội để hình thành và phát triển NL đặc thù. Dạy học Ngữ văn là dạy đọc, viết, nghe và nói. Với dạy đọc, quá trình đọc văn bản là một quá trình tương tác. Vì thế, GV phải tổ chức môi trường phù hợp để HS tương tác, chia sẻ với nhau, từ đó phát triển được NL văn học và cả NL ngôn ngữ. Với dạy nói và nghe thì việc tổ chức học tập hợp tác cũng phù hợp để HS có cơ hội chia sẻ, luyện nói và nghe, từ đó phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học.

Khi sử dụng dạy học hợp tác, GV cần xác định rõ tại sao HS cần hợp tác làm việc và nên hợp tác làm việc theo hình thức nào. Vì thế, GV cần lưu ý:

- Dạy học hợp tác nên dùng để tổ chức những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm của nhiều HS hoặc là một vấn đề mà HS cần tranh luận, thảo luận.

- Trong dạy học hợp tác, khi giao nhiệm vụ cho HS, GV cần có những giải thích, hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo các nhóm hiểu đúng nhiệm vụ cần thực hiện. Nhiệm vụ được giao phải phù hợp và cần huy động sự tham gia của mọi thành viên, tạo sự tương tác giữa các thành viên.

- Cách đánh giá trong dạy học hợp tác phải cụ thể, rõ ràng, làm sao vừa ghi nhận được sự cố gắng của mỗi cá nhân trong nhóm, vừa thấy được sự đóng góp, ảnh hưởng mỗi thành viên trong kết quả chung của nhóm.

- Các mức độ của dạy học hợp tác:

+ **Mức độ cộng tác:** GV vẫn giữ quyền kiểm soát tiến trình dạy học và nội dung dạy học. Các nhóm học tập được tổ chức để hoàn thành những nhiệm vụ học tập mà GV đề ra, tìm kiếm câu trả lời cho những đáp án mà GV đã định trước.

+ **Mức độ hợp tác:** GV trao quyền chủ động cho HS, HS được tham gia và quyết định cách thức, tiến trình học tập. GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn khi cần thiết.

- Trong môn Ngữ văn, dạy học hợp tác có thể được thực hiện ở một số hình thức như sau: thảo luận nhóm, seminar, nhóm văn chương, câu lạc bộ sách.

+ **Thảo luận nhóm** được xem là hình thức cơ bản và đơn giản nhất trong dạy học hợp tác. Để hoạt động nhóm diễn ra hiệu quả thì GV cần lưu ý: (1) Chia nhóm vừa đủ nhỏ (4-5 thành viên/ nhóm) để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian ngắn và đảm bảo mọi thành viên đều có thể đóng góp ý kiến; (2) Thời gian thảo luận đủ dài để các thành viên được trình bày ý kiến; (3) Nội dung thảo luận nên chọn lọc để đảm bảo cần đến sự trao đổi, hợp tác của nhiều người; (4) Không gian thảo luận cần đảm bảo cho các thành viên có thể nhìn và nghe thấy nhau; (5) Nhiệm vụ của mỗi thành viên cần rõ ràng để tránh ỷ lại vào thành viên khác. Ở mức độ cộng tác, HS được giao sẵn chủ đề nội dung thảo luận; ở mức độ hợp tác, HS tự đề xuất vấn đề thảo luận và tiến hành thảo luận.

Ví dụ: Trong dạy kĩ năng viết, đối với bước chuẩn bị trước khi viết, GV có thể sử dụng dạy học hợp tác, giao nhiệm vụ cho nhóm HS thảo luận để từ VB mẫu sẽ phân tích, rút ra đặc điểm của VB cần viết, HS có thể làm việc theo nhóm khoảng 4 HS/ nhóm. Hình thức dạy học theo nhóm 2 HS (theo cặp) cũng có thể được vận dụng khi hướng dẫn HS xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm bài làm của nhau.

+ **Seminar** là hình thức trong đó GV là người tổ chức cho HS trình bày, thảo luận và báo cáo về một chủ đề nhất định nhằm tìm kiếm, phát hiện, khơi sâu một kiến thức nào đó. Chủ đề thảo luận có thể được nêu ra bởi GV hoặc HS. Có hai loại seminar: (1) yêu cầu cá nhân tất cả HS đều phải chuẩn bị (áp dụng với lớp ít HS); (2) yêu cầu HS chuẩn bị theo nhóm. So với thảo luận nhóm, hình thức này yêu cầu cao về trình độ và NL của người học hơn. Ở mức độ cộng tác, GV giao đề tài, hướng dẫn HS cách thức hiện và GV là người tổ chức seminar. Ở mức độ hợp tác, HS tự phát hiện và đề xuất vấn đề; chuẩn bị bài báo cáo và tổ chức seminar; GV chỉ là người hỗ trợ khi cần thiết. Hình thức này đặc biệt phù hợp với dạy kĩ năng nói và nghe. Tuy nhiên, hình thức này chỉ phù hợp với các lớp mà HS có tinh thần chủ động cao.

+ **Nhóm văn chương** là hình thức các nhóm nhỏ chọn đọc một quyển sách, một câu chuyện, một bài thơ,... và thảo luận về nó. Có thể coi đây là một hình thức của dạy học hợp tác nhưng chỉ chuyên dùng trong dạy đọc VB. Với hình thức này, khi tham gia vào nhóm văn chương, HS được phân vào các vai khác nhau như: *người liên hệ, kết nối; người tìm phần quan trọng; người hỏi; người vẽ minh họa; người tổng kết, tóm tắt; người tìm hiểu thông tin nền về VB; người tìm những từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt trong VB; người phê bình*. Sau khi cho HS thời gian đọc VB và ghi chép phản hồi theo vai, GV nên tổ chức cho HS trình bày ý kiến trong nhóm và trước lớp. Hình thức này nếu được thực hiện thường xuyên thì có thể đạt đến mức độ hợp tác thực sự.

+ **Câu lạc bộ sách** cũng là hình thức chuyên dùng trong dạy đọc VB, đặc biệt phù hợp với các lớp HS có trình độ khá, giỏi; trong đó, HS được chọn VB để đọc, sau đó thực hiện các bài

tập nhật kí đọc sách. Một số bài tập nhật kí đọc sách thường được coi là phổ biến như: vẽ một hình ảnh về VB đã đọc; miêu tả kĩ hơn về một nhân vật nào đó theo quan điểm cá nhân; tìm từ hay, từ mới trong VB; viết suy nghĩ về một nhân vật; viết những liên tưởng, suy nghĩ về bản thân sau khi đọc VB; viết lại các ví dụ về những nghệ thuật và thủ pháp đặc biệt mà tác giả thể hiện trong VB; vẽ sơ đồ trình tự các sự kiện hoặc nội dung trong VB; ghi lại số trang có nội dung đặc sắc và giải thích lí do tại sao lại cho rằng đoạn đó thú vị; viết về những điểm hay và những điểm hạn chế của VB; viết cách giải thích của bản thân về thông điệp của VB. Hình thức này có thể kết hợp với hình thức seminar để tăng hiệu quả học tập.

2.2.2.2. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6
- Phần: Đọc
- Thể loại: Truyền thuyết
- Ngữ liệu chọn: Truyền thuyết *Thánh Gióng*
- Hoạt động sử dụng PP: Hoạt động luyện tập
- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nhận biết được chủ đề VB và nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như cốt truyện, nhân vật.*
- Lí do chọn sử dụng *dạy học hợp tác*:
 - + Dạy học hợp tác phù hợp dùng trong dạy đọc để phát triển NL đọc VB cho HS.
 - + Cơ sở vật chất: Phòng học có đủ không gian để cho HS hợp tác làm việc theo nhóm nhỏ.
 - + Nhiệm vụ học tập: Đây là nhiệm vụ mang tính khái quát, từ truyền thuyết *Thánh Gióng*, HS phải khái quát những đặc điểm của truyền thuyết (chủ đề, cốt truyện, nhân vật) nên khá khó và cần sự hợp tác làm việc của các HS. Hoạt động này cũng là hoạt động trọng tâm, giúp HS biết cách tìm hiểu tác phẩm theo đặc trưng thể loại nên cần thiết sử dụng các PP mà HS phải tham gia thực hiện để có thể tự khám phá, hiểu sâu, nhớ lâu.
 - + Thời gian: 20 phút, đủ để HS hợp tác làm việc theo nhóm.
- Cách thức tổ chức:
 - + Sử dụng kết hợp với kĩ thuật sơ đồ tư duy nhằm giúp HS thảo luận và vẽ được sơ đồ tư duy và khái quát được các đặc điểm của truyền thuyết.
 - + Thành lập nhóm: Mỗi nhóm có khoảng từ 4-6 HS, vừa đủ để các em có thể tập hợp làm việc với nhau mà không mất nhiều thời gian di chuyển. Đồng thời phù hợp với nhiệm vụ, tạo điều kiện cho mọi HS trong nhóm đều có cơ hội tham gia đóng góp.
 - + **Chuẩn bị:** GV chia nhóm, phân công công việc cho các thành viên nhóm để đảm bảo mọi HS đều có cơ hội tham gia; chuẩn bị giấy A1, rubric đánh giá kết quả.

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)

Phần thông tin	HS chỉ nêu 1/3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.	HS chỉ nêu 2/3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.	HS nêu được 3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.
Phần hình thức	Sơ đồ của HS chưa có sự thể hiện ý lớn, nhỏ, chưa biết dùng từ khóa, hình ảnh	Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Vài từ khóa, hình ảnh chưa phù hợp.	Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Từ khóa, hình ảnh phù hợp.
HS tự nhận xét được những ưu và nhược điểm của sản phẩm nhóm.			

+ **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu các nhóm HS từ truyền thuyết *Thánh Gióng* khái quát lên những đặc điểm của thể loại truyền thuyết và thể hiện dưới dạng sơ đồ tư duy trên giấy A0.

+ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hợp tác làm việc theo nhóm. Trong khi các nhóm làm việc, GV quan sát, hướng dẫn HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (cách dùng nhánh, nét thể hiện ý chính, ý phụ, cách chọn từ khóa, hình ảnh,...), hỗ trợ khuyến khích các HS chưa chủ động tham gia.

+ **Trình bày kết quả:** GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả; tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau; bổ sung, chốt các ý.

+ **Đánh giá:** Dựa trên các góp ý, GV hướng dẫn các nhóm còn lại tự nhận xét sản phẩm của nhóm mình và tự rút ra những gì cần điều chỉnh, bổ sung cho tốt hơn. GV nhận xét, đánh giá dựa trên rubric đã chuẩn bị.

Như vậy, thay vì thuyết giảng như truyền thống, thông qua việc sử dụng dạy học hợp tác kết hợp với kỹ thuật sơ đồ tư duy như trên, GV đã tổ chức hoạt động để HS tham gia chủ động. Qua việc thực hiện thành công các hoạt động này, HS sẽ phát triển NL nhận biết được chủ đề, cốt truyện, nhân vật của thể loại truyền thuyết.

2.2.3. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề đã được giới thiệu ở Nội dung 1. Vì vậy, ở phần này sẽ tập trung trình bày một số định hướng sử dụng dạy học giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn để hình thành, phát triển PC, NL cho HS, đồng thời cung cấp ví dụ minh họa cụ thể để làm rõ cách thức sử dụng dạy học giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn.

2.2.3.1. Định hướng sử dụng

- Trong môn Ngữ văn, dạy học giải quyết vấn đề có thể được sử dụng để dạy cả đọc, viết, nói và nghe, Tiếng Việt. Khi tham gia giải quyết vấn đề, HS có cơ hội để phát triển những NL chung như **NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tự chủ và tự học** nếu các em tự lực tham gia và lập kế hoạch giải quyết vấn đề. Ngoài ra, nếu dạy học giải quyết vấn đề được tổ chức kết hợp với dạy học hợp tác thì HS sẽ có thêm cơ hội để phát triển **NL giao tiếp và hợp tác**. Còn về NL đặc thù, trong quá trình tham gia giải quyết vấn đề của môn Ngữ văn, HS sẽ được phát triển **NL ngôn ngữ và NL văn học**.

- Trong môn Ngữ văn, GV có thể dựa vào thể mạnh đặc thù của bộ môn để sử dụng dạy học giải quyết vấn đề. Chẳng hạn như GV có thể khai thác tính chặt chẽ, sự uyển chuyển linh hoạt của lập luận trong nói – viết; tính đa nghĩa của hình tượng và ngôn từ nghệ thuật trong tiếp nhận VB; nội dung VB và sự khác nhau về tầm đón nhận giữa những bạn đọc – HS khác nhau;... để phát hiện và thiết kế những tình huống có vấn đề sao cho phù hợp.

- Việc sử dụng dạy học giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn nên tuân thủ theo một số yêu cầu sau:

+ Không nên sử dụng một cách gượng ép mà chỉ nên dùng khi phù hợp và mang lại hiệu quả cao nhất.

+ Tình huống có vấn đề là điều kiện tiên quyết, nếu chưa tạo được tình huống có vấn đề thì việc triển khai sẽ khó mang lại hiệu quả. Có nhiều loại tình huống có vấn đề phù hợp với môn Ngữ văn như tình huống nghịch lí, tình huống lựa chọn, tình huống tìm nguyên nhân, tình huống bác bỏ, tình huống giả định...

+ Thời điểm sử dụng linh hoạt (có thể sử dụng trong giai đoạn khám phá kiến thức mới hoặc giai đoạn luyện tập, vận dụng, mở rộng).

+ Sử dụng chuỗi các hoạt động học hoặc hệ thống câu hỏi có tầng bậc, càng về sau hoạt động học/ câu hỏi càng có tác dụng hé mở những điều cần thiết trong việc giải quyết vấn đề.

+ Chuỗi các hoạt động học hoặc hệ thống câu hỏi cần gợi lên mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, hướng về vấn đề cần giải quyết.

+ Nên sử dụng kết hợp với các PP, KTDH khác để mang lại hiệu quả cao nhất.

2.2.3.2. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Đọc

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: Truyền thuyết *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng PP: Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương; Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.*

- Lí do chọn sử dụng dạy học giải quyết vấn đề:

+ Việc sử dụng dạy học giải quyết vấn đề ở hoạt động này là phù hợp với trình độ nhận thức của HS. Đến giai đoạn này của bài học, HS đã có những hiểu biết cơ bản về truyền thuyết *Thánh Gióng*; đồng thời HS cũng có những hiểu biết thực tế về hội khố Phù Đổng tại trường, địa phương mình. Vì vậy, GV có cơ sở thiết kế tình huống có vấn đề để tạo hứng thú tìm hiểu cho HS ở hoạt động này của bài học.

+ Trong tình huống này của bài học, dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng kết hợp với PP trực quan. PP trực quan được dùng để trình chiếu cho HS xem những hình ảnh liên quan đến hội khố Phù Đổng, từ đó để đặt HS vào tình huống có vấn đề, giúp HS có hứng thú tìm

hiểu điều mình chưa rõ. Sau đó GV dùng hệ thống câu hỏi gợi mở để hướng dẫn HS giải quyết vấn đề.

+ Thời gian: 15 phút, đủ để HS suy nghĩ và giải quyết tình huống có vấn đề do GV đặt ra.

- Cách thức tổ chức hoạt động: GV tổ chức hoạt động dạy học này theo các bước đã trình bày ở Nội dung 1 như sau:

*** Bước 1: Nhận biết vấn đề**

- Đặt vấn đề: **Vì sao hội thi thể dục thể thao trong nhà trường lại có tên gọi là Hội khỏe Phù Đổng?**

- Loại tình huống: Tình huống tìm nguyên nhân

- Đảm bảo 3 nguyên tắc:

+ Xuất phát từ một mâu thuẫn giữa tri thức cũ và tri thức mới

Tri thức cũ	Tri thức mới
- Danh hiệu Phù Đổng Thiên Vương của Thánh Gióng do Hùng Vương ban cho sau chiến công đánh đuổi giặc Ân. - Đặc điểm của nhân vật Thánh Gióng: Sức mạnh phi thường, yêu nước sâu nặng, dũng cảm → Truyền truyền thuyết dân gian	Tên gọi của hội thao trong nhà trường phổ thông là Hội khỏe Phù Đổng → Một hoạt động liên quan đến việc rèn luyện thân thể trong nhà trường lại được đặt tên liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.

+ Tạo được hứng thú cho HS: một hoạt động thường niên trong nhà trường - gần gũi với đời sống.

+ Gắn với mục đích và nội dung dạy học (giúp HS có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương, nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra), vừa sức với HS

*** Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề**

HS đề xuất giả thuyết và phương án giải quyết vấn đề. Nếu HS gặp khó khăn, GV có thể hỗ trợ HS lập kế hoạch giải quyết vấn đề bằng cách đưa ra hệ thống câu hỏi hướng dẫn như sau:

+ Chữ “*Phù Đổng*” gợi cho em liên tưởng đến điều gì về truyền thuyết Thánh Gióng vừa học?

+ Nhân vật Thánh Gióng có đặc điểm gì?

+ Qua nhân vật Thánh Gióng, nhân dân đã thể hiện quan niệm và ước mơ gì về người anh hùng?

+ Em rút ra được bài học gì từ truyền thuyết Thánh Gióng vừa học?

+ Từ bài học ấy, em hiểu ý nghĩa của tên gọi **Hội khỏe Phù Đổng** như thế nào?

*** Bước 3: Thực hiện kế hoạch**

HS tiến hành trả lời các câu hỏi gợi ý, từ đó giải quyết được vấn đề thông qua việc rút ra được ý nghĩa của hội thi:

+ Gợi nhắc đến nhân vật anh hùng Thánh Gióng trong truyền thuyết.

+ Lấy sức mạnh phi thường và chiến công lừng lẫy của Thánh Gióng như một tấm gương để thế hệ sau nỗ lực phấn đấu.

+ Thể hiện sự mong mỏi thế hệ trẻ tiếp nối và phát huy.

*** Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận**

- GV đánh giá theo các mức độ sau

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Yêu cầu chung	HS thể hiện những hiểu biết của bản thân về hoạt động mang tính truyền thống (hoạt động khơi gợi ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống) này và nêu nguyên nhân để cho thấy tác động của VB đối với suy nghĩ, nhận thức của bản thân (như 1 đại diện của thế hệ trẻ).		
Câu hỏi	HS nêu được một trong ba ý nghĩa.	HS nêu được hai trong ba ý nghĩa.	HS nêu được ba ý nghĩa. Khuyến khích HS sáng tạo, chấp nhận các ý nghĩa mới hợp lí.

- GV cũng chấp nhận nếu HS có những sáng tạo vượt ngoài đáp án của mình.

Như vậy, với việc sử dụng dạy học giải quyết vấn đề ở hoạt động này, GV đã tạo cơ hội để HS thông qua việc tham gia giải quyết vấn đề để hình thành *ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương* và thông qua đó *Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra*.

2.2.4. Phương pháp đàm thoại gợi mở

2.2.4.1. Khái niệm

PP đàm thoại gợi mở "là cách thức GV đặt ra một hệ thống câu hỏi, tổ chức cho HS trả lời, có thể trao đổi qua lại, tranh luận với nhau và với GV, qua đó HS lĩnh hội được tri thức, kỹ năng, kỹ xảo"¹⁵.

"Theo quan điểm dạy học phát triển NL, PP này không chỉ nhằm hướng tới giúp HS tiếp nhận các tri thức mà chủ yếu hướng tới rèn luyện kỹ năng, thái độ, sự vận dụng tổng hợp các tri thức, kỹ năng, thái độ vào giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn cuộc sống và học tập của HS. Để khuyến khích sự tìm tòi, khám phá của HS, mục đích của hệ thống câu hỏi không chỉ dẫn

¹⁵ Trần Thị Hương (Chủ biên). (2017). *Giáo dục học đại cương* (Tái bản lần 3, có sửa chữa, bổ sung). NXB Đại học Sư phạm TP. HCM, tr.117.

dắt HS mà còn khuyến khích các em tự đặt câu hỏi trong quá trình học tập."¹⁶. Điều đó có nghĩa là trong quá trình dạy học phát triển PC, NL cho HS, khi sử dụng PP này không chỉ GV nêu câu hỏi để HS giải quyết mà HS cũng được khuyến khích đặt câu hỏi cho GV, cho chính mình và các HS khác.

2.2.4.2. Cách tiến hành

- GV có thể dựa vào tính chất nhận thức, khả năng thực hành, vận dụng của HS mà chia câu hỏi thành các loại sau: câu hỏi *yêu cầu tái hiện* kiến thức, kinh nghiệm; câu hỏi *yêu cầu giải thích, minh họa*; câu hỏi *yêu cầu tìm tòi, phát hiện*; câu hỏi *yêu cầu thực hành, vận dụng*. Hệ thống câu hỏi của GV giữ vai trò định hướng hoạt động nhận thức và khả năng thực hành, vận dụng của HS.

- Quy trình tổ chức hoạt động đàm thoại có thể được thực hiện như sau:

+ **Bước 1:** GV đặt ra một câu hỏi chính.

+ **Bước 2:** GV tổ chức cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Tùy tình hình HS trả lời, GV có thể đưa thêm những câu hỏi gợi ý, liên quan đến câu hỏi chính rồi hướng dẫn HS trả lời lần lượt từng câu hỏi gợi ý. HS sau bổ sung và hoàn chỉnh thêm câu trả lời của HS trước. Ở bước này, việc thu thập thông tin để trả lời cho mỗi câu hỏi có thể được cân nhắc thực hiện bằng hình thức đàm thoại giữa GV - HS hay đàm thoại giữa HS - HS.

+ **Bước 3:** Khi các câu trả lời đã bao gồm đúng và đủ thông tin trả lời cho câu hỏi chính thì GV nhận xét, đánh giá về kết quả hoạt động của HS và kết luận.

2.2.4.3. Định hướng sử dụng

- Mặc dù đây là một PPDH đã phổ biến từ lâu nhưng không thể phủ nhận những ưu điểm của nó trong quá trình dạy học, chẳng hạn như phát huy được tính tích cực của người học trong quá trình trả lời câu hỏi; tạo không khí sinh động, sôi nổi cho lớp học hoặc giúp GV và HS thu được thông tin phản hồi về quá trình học tập để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học. Những ưu điểm ấy lại càng được thể hiện nhiều hơn trong giờ học môn Ngữ văn, đặc biệt là giờ đọc hiểu VB vì đó vốn dĩ là những cuộc đối thoại, thương lượng giữa bạn đọc – HS với VB, với GV và với những HS khác. Do vậy, đây là PPDH phù hợp để tạo cơ hội cho HS phát triển các NL chung như **NL tự chủ và tự học**, **NL giao tiếp**, **NL giải quyết vấn đề và sáng tạo** và những NL đặc thù như **NL ngôn ngữ** và **NL văn học** thông qua việc hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến quá trình tiếp nhận và tạo lập VB văn học.

- Tùy theo nội dung dạy học, tình hình lớp học mà GV có thể tổ chức hoạt động đàm thoại cho HS theo 1 trong 3 phương án sau. Sự khác nhau ở từng phương án thể hiện ở mức độ chủ động của HS khi tham gia vào hoạt động:

+ GV đặt ra *hệ thống nhiều câu hỏi riêng rẽ* rồi yêu cầu HS trả lời từng câu. Nguồn thông tin cho cả lớp sẽ là tổ hợp cho các câu hỏi với các câu trả lời tương ứng.

¹⁶Nguyễn Thị Hồng Vân (Chủ biên). (2018). *Dạy học môn Ngữ văn cấp trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực học sinh*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 48.

+ GV đặt ra *một câu hỏi chính kèm những câu hỏi gợi ý*, liên quan đến câu hỏi chính rồi hướng dẫn HS trả lời lần lượt từng câu hỏi bộ phận để giải quyết câu hỏi chính, đến khi thu thập đủ thông tin để giải quyết câu hỏi chính thì GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về vấn đề.

+ GV đặt ra *câu hỏi chính kèm theo gợi ý để tổ chức cho HS tranh luận tương đối tự do* với sự chú ý đến các quy tắc giao tiếp trong tranh luận. Kết thúc hoạt động, GV nhận xét, đưa ra kết luận hoặc hướng dẫn HS rút ra kết luận với tư cách là trọng tài khoa học.

- Một số lưu ý với GV khi thiết kế câu hỏi trong hoạt động đàm thoại gợi mở:

+ Thiết kế câu hỏi nên ứng với các mục tiêu học tập cụ thể của bài học.

+ Câu hỏi cần phù hợp với kiến thức và kinh nghiệm vốn có của HS.

+ Nên sắp xếp câu hỏi theo mức độ nhận thức từ đơn giản đến phức tạp.

+ Để kích thích việc phát triển tư duy sáng tạo ở người học, cần hạn chế câu hỏi đóng (câu hỏi "có...không", câu hỏi chỉ cho 01 đáp án duy nhất), tăng cường sử dụng câu hỏi mở; thực hiện phối hợp đan xen các câu hỏi tái hiện với câu hỏi giải thích, minh họa, câu hỏi tìm tòi, phát hiện, câu hỏi thực hành, vận dụng. Trong đó câu hỏi thực hành, vận dụng cần được xem là mục đích cuối cùng của bài học, tăng cường sử dụng loại câu hỏi này để đặt HS vào tình huống nhằm giúp HS suy nghĩ, vận dụng những gì đã học để mở rộng kiến thức, tìm kiếm phương án giải quyết với những vấn đề tương tự.

+ Kết hợp giữa câu hỏi của GV với câu hỏi của HS, khuyến khích HS đặt những loại câu hỏi như câu hỏi giải thích, minh họa, câu hỏi phát hiện về kiến thức/ quy trình thực hiện các kĩ năng trong quá trình thực hành, vận dụng.

+ Khi sử dụng câu hỏi để dạy học đọc hiểu VB, cần lưu ý việc sử dụng câu hỏi không chỉ hướng dẫn HS giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB mà qua hệ thống câu hỏi được sử dụng, GV cần giúp HS hình dung được cách thức đọc một kiểu loại VB nhất định theo đặc trưng loại thể. Vì vậy, đối với bài học đọc hiểu, cần có: 1) Loại câu hỏi dùng để hướng dẫn HS tiếp cận với VB thuộc một thể loại cụ thể, để từ đó, HS có thể dùng kiểu câu hỏi này để đọc hiểu các VB khác cùng thể loại; 2) Loại câu hỏi gợi mở hướng dẫn HS hiểu nội dung của một VB cụ thể.

+ Tránh thiết kế câu hỏi mà nội dung trả lời đã được "mớm sẵn", "cài sẵn" trong câu hỏi.

- Một số lưu ý với GV để tổ chức hoạt động đàm thoại thành công:

+ Sau khi nêu câu hỏi cho HS, cần cho HS thời gian hợp lí để suy nghĩ và tìm kiếm câu trả lời.

+ Khi HS trả lời xong, yêu cầu những HS khác nhận xét, bổ sung, sửa chữa câu trả lời của bạn để thu hút sự tập trung lắng nghe của cả lớp trong hoạt động đàm thoại với tinh thần phê phán, có sự phản biện.

+ Khi HS trả lời, GV cần lắng nghe. Đối với nội dung trả lời của HS, GV cần có sự nhận xét, đánh giá cụ thể, ghi nhận sự nỗ lực và kết quả đạt được của HS. Với những HS trả lời sai hoặc chưa đầy đủ, thiếu chính xác, GV cần bình tĩnh, tránh vội vàng cắt ngang lời của HS khi không thật cần thiết, tránh đưa ra những nhận xét có tính chất tiêu cực, phủ nhận sự nỗ lực của các em. Trong những trường hợp ấy, GV nên gạt bỏ những gì các em đã làm được để khích lệ HS và gợi mở, dẫn dắt thêm để HS tiếp tục suy nghĩ.

+ Khi phản hồi câu trả lời của HS, GV cần tập trung vào điều chỉnh, bổ sung câu trả lời của các em, giúp HS hệ thống hóa lại kiến thức, kỹ năng thu được từ hoạt động học tập. Chú ý nhận xét cả nội dung trả lời và cách thức diễn đạt câu trả lời của HS để rèn luyện NL ngôn ngữ và NL tư duy cho HS.

+ Phối hợp với các PPDH khác và sử dụng câu hỏi đa dạng về hình thức thể hiện (câu hỏi, phiếu học tập...).

2.2.4.4. Điều kiện sử dụng

Để có thể sử dụng PP đàm thoại gợi mở theo hướng phát triển được PC, NL cho HS, GV cần lưu ý các điều kiện sau:

- Thời gian phù hợp: Vì việc tổ chức đàm thoại gợi mở sẽ tốn thời gian nên trước khi sử dụng GV cần tính toán sao cho có đủ thời gian tổ chức hoạt động để HS suy nghĩ, trả lời, trao đổi, đặt câu hỏi cho GV và các HS khác trong lớp nếu có.

- Trình độ HS: Trình độ HS cũng là một trong những điều kiện để GV quyết định sử dụng PP này ở mức độ nào. Các câu hỏi được thiết kế phải phù hợp để tạo cơ hội cho tất cả HS trong lớp học cùng tham gia vào việc trả lời câu hỏi, tránh việc biến đàm thoại thành cuộc đối thoại giữa GV và một vài HS khá. Tri thức nền của HS cũng cần phù hợp với nội dung mà GV đưa ra để đàm thoại, trao đổi.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Đọc

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: Truyền thuyết *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng PP: Hoạt động khám phá kiến thức

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nhận biết được chủ đề của VB*

- Lí do chọn sử dụng PP đàm thoại gợi mở:

+ Ở hoạt động trước đó, GV đã sử dụng dạy học hợp tác kết hợp với phiếu học tập; vì vậy, ở hoạt động này, GV lựa chọn PP đàm thoại gợi mở để thay đổi không khí lớp học, tạo động lực học tập cho HS.

+ Nhiệm vụ học tập ở hoạt động này vừa sức với trình độ HS và có sự kế thừa từ những nội dung dạy học trước đó. Dựa trên những gì đã tìm hiểu về cốt truyện và nhân vật ở những hoạt động trước đó, đến hoạt động này HS có thể dễ dàng đưa ra những nhận xét về hành động của người anh hùng làng Gióng sau cuộc chiến; trên cơ sở đó nhận ra thái độ và quan niệm của nhân dân đối với người anh hùng. Đồng thời đây cũng là nhiệm vụ học tập tạo cơ hội phát triển tư duy khái quát, đánh giá cho HS dựa trên những cứ liệu đã phân tích trước đó. Do vậy, có thể nói nhiệm vụ học tập ở hoạt động này đã được chuẩn bị đầy đủ cả về mặt dữ liệu lẫn mức độ nhận thức từ những hoạt động trước đó. Vì thế, việc sử dụng PP đàm thoại gợi mở ở hoạt động dạy học này là phù hợp vì sẽ không tốn quá nhiều thời gian.

+ Thời gian dành cho hoạt động này là 10 phút, đủ để HS suy nghĩ, trao đổi và tìm ra câu trả lời.

- Cách thức tổ chức hoạt động

+ Sử dụng PP đàm thoại gợi mở theo hình thức dạy học cá nhân.

+ **Chuẩn bị:**

. GV chuẩn bị câu hỏi:

(1) *Em nhận xét gì về những hành động của người anh hùng sau cuộc chiến? Vì sao em có nhận xét ấy?*

Gợi mở:

✓ *Sau cuộc chiến, người anh hùng đã có những hành động gì?*

✓ *Em có nhận xét gì về những hành động ấy?*

✓ *Vì sao em có những nhận xét ấy?*

(2) *Theo em, qua việc kể về những hành động của người anh hùng sau cuộc chiến, nhân dân đã thể hiện thái độ, quan niệm như thế nào về người anh hùng chống giặc ngoại xâm?*

. GV chuẩn bị rubric đánh giá kết quả.

+ **Giao nhiệm vụ:** GV đặt **câu hỏi chính** (có thể kết hợp trình chiếu) và gọi HS trả lời, tùy tình hình cụ thể để đưa ra **những câu hỏi gợi mở** phù hợp.

+ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và giơ tay phát biểu, trả lời câu hỏi của GV.

+ **Trình bày kết quả:** GV gọi 2 – 3 HS bất kì để trả lời. GV tổ chức cho các HS khác nhận xét, từ đó thu thập thông tin tập trung vào các nội dung sau:

❖ **Nhận xét về những hành động sau cuộc chiến của người anh hùng:** Bất ngờ

Nguyên nhân:

. Chưa được ban thưởng đã bay về trời.

. Hoàn thành xong nhiệm vụ là bay về trời chứ không cần bất kì sự ghi nhận/ vinh danh nào.

❖ **Thái độ và quan niệm của nhân dân đối với người anh hùng chống giặc ngoại xâm:** Ngợi ca, tôn vinh những người yêu nước, dũng cảm, không màng danh lợi.

+ **Đánh giá:** Dựa trên kết quả trả lời và góp ý của các cá nhân, GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS dựa trên rubric đã chuẩn bị và hướng dẫn HS những gì cần điều chỉnh, bổ sung.

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Trả lời câu hỏi	HS không trả lời được hai câu hỏi chính .	HS trả lời đúng một câu hỏi hoặc trả lời đúng hai câu hỏi chính nhưng sơ lược .	HS trả lời đúng hai câu hỏi chính một cách sâu sắc .

Qua việc sử dụng PP đàm thoại, gợi mở, GV tổ chức hoạt động để HS có cơ hội được chủ động tham gia vào việc phát triển *NL nhận biết chủ đề của VB*.

2.2.5. Phương pháp đóng vai

2.2.5.1. Khái niệm

"Đóng vai là một PPDH trong đó người học thực hiện những tình huống hành động được mô phỏng (theo các vai) về một chủ đề gắn với thực tiễn, thường mang tính chất trò chơi, trong đó các tình huống, các vấn đề hoặc xung đột được thể hiện. Đóng vai nhằm phát triển NL hành động thông qua sự trải nghiệm của chính bản thân người học và thông qua thông tin phản hồi từ người quan sát."¹⁷

Tóm lại, PP đóng vai là PPDH mà ở đó người học sẽ hóa thân vào một vai "giả định" trong một tình huống hành động cụ thể để hành động, trình bày suy nghĩ, cảm nhận từ chỗ đứng, góc nhìn của vai mà họ đảm nhận.

Trong môn Ngữ văn, PP đóng vai được thực hiện theo một số hình thức hoạt động sau: vào vai một nhân vật kể lại câu chuyện đã học; chuyển thể một VB văn học thành kịch bản sân khấu; vào vai để xử lý một tình huống giao tiếp giả định; trình bày một vấn đề, một ý kiến (ở cả dạng viết và nói) từ các góc nhìn khác nhau.

2.2.5.2. Cách tiến hành

- Bước 1: GV lựa chọn tình huống và cung cấp thông tin về vai diễn:

+ GV xác định đề tài, lựa chọn (các) tình huống và (các) vai. Cần phân tích những đặc điểm của HS và môi trường học để xây dựng tình huống sao cho sát với thực tế, tạo sự hứng thú và phù hợp khả năng của HS. HS có thể cùng với GV lựa chọn tình huống mô phỏng.

+ GV thông tin cho HS về đề tài, tình huống và (các) vai, quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian thực hiện của mỗi vai, xác định mục đích thực hiện.

- Bước 2: HS làm quen và tập đóng vai:

+ HS làm quen với tình huống và (các) vai được đảm nhận: GV giải thích rõ hơn về (các) vai cho HS. GV tổ chức cho HS tự phân vai nếu hoạt động theo nhóm, tự chọn vai nếu nhiều vai, chủ yếu dựa trên nguyên tắc tự nguyện. HS làm quen với vai của mình, có thể sử dụng thẻ mô tả vai; thảo luận về tính cách, cách thức thể hiện của (các) vai..

+ HS tập đóng vai.

+ HS (đặc biệt là những HS/ nhóm HS không tham gia đóng vai) được hướng dẫn để xác định các tiêu chí quan sát và và nhận nhiệm vụ quan sát, nhận xét, góp ý cho (những) vai diễn

- Bước 3: HS đóng vai:

HS diễn vai do mình đảm nhận và những HS khác không trực tiếp tham gia đóng vai sẽ thực hiện việc quan sát.

- Bước 4: GV và HS thảo luận, đánh giá và rút ra kết luận:

¹⁷ Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier. (2014). *Lí luận dạy học hiện đại – Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm, tr.142.

+ HS tự tách mình ra khỏi vai diễn, tự đánh giá về kết quả trình diễn của bản thân, về vai diễn và cảm nhận của mình.

+ Người quan sát nhận xét về tiến trình đóng vai.

+ Toàn lớp thảo luận, đánh giá về hoạt động đóng vai.

+ Rút ra kinh nghiệm, kiến thức, thông điệp từ hoạt động.

2.2.5.3. Định hướng sử dụng

Trong môn Ngữ văn, PP đóng vai tạo cơ hội để HS tham gia vào những tình huống hành động, qua đó hình thành PC, NL, trong đó có những NL chung như **NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo**; và những NL đặc thù như **NL ngôn ngữ** (rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ hiệu quả ứng với từng vai diễn) và **NL văn học** (thông qua các hoạt động đóng vai). Khi sử dụng PP này, GV nên lưu ý:

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục (chủ đề bài học), phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

- Tình huống nên để mở, không cho trước “kịch bản”, lời thoại (trừ trường hợp chủ ý muốn dùng lời thoại sẵn).

- Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm/ cá nhân HS chuẩn bị.

- Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia, GV không làm thay mà có thể hướng dẫn, gợi ý nếu HS chưa thực hiện được.

- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai (nếu có điều kiện).

- Trong quá trình tổ chức cho HS đóng vai, không chỉ HS đảm nhận các vai diễn mới trải nghiệm học tập, mà GV nên tổ chức hoạt động để những HS không thực hiện đóng vai vẫn có thể tham gia tích cực vào hoạt động học tập để phát triển PC, NL. Ví dụ như tổ chức cho HS thảo luận về vai diễn, về các phương án giải quyết tình huống của vai diễn, về tiến trình và kết quả của hoạt động.

- Sau hoạt động đóng vai của HS, GV cần tổ chức thêm hoạt động để HS hệ thống lại những tri thức đã tìm hiểu.

2.2.5.4. Điều kiện sử dụng

Để có thể sử dụng PP đóng vai theo hướng phát triển được PC, NL cho HS, GV cần lưu ý các điều kiện sau:

- Thời gian phù hợp: Vì việc tổ chức đóng vai sẽ tốn thời gian nên trước khi muốn sử dụng GV cần tính toán sao cho có đủ thời gian cho HS chuẩn bị và thực hiện việc đóng vai. Tình huống đóng vai nên là tình huống ngắn để tránh làm mất thời gian của lớp học.

- Nội dung dạy học: Việc lựa chọn được nội dung dạy học phù hợp để đóng vai cũng là một trong những điều kiện quan trọng để tạo nên hiệu quả cho hoạt động. Không phải nội dung học tập nào cũng có thể được tổ chức dạy bằng PP đóng vai. Vì vậy, GV cần cân nhắc nội dung phù hợp với PPDH này.

2.2.5.5. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Đọc

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: Truyền thuyết Thánh Gióng

- Hoạt động sử dụng PP: Hoạt động khám phá kiến thức

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật.*

- Lí do chọn sử dụng PP đóng vai:

+ Ở hoạt động này, khi sử dụng dạy học hợp tác để hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Thánh Gióng, GV có thể sử dụng kết hợp **PP đóng vai** ở bước hướng dẫn HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Việc lựa chọn sử dụng PP đóng vai ở bước này của hoạt động dạy học có thể giúp HS thay đổi không khí học tập, tạo hứng thú và động lực cho HS khi các em được báo cáo kết quả học tập theo một hình thức khác với cách làm quen thuộc.

+ Nội dung dạy học này phù hợp với PP đóng vai. Ở nội dung dạy học này, khi sử dụng PP đóng vai, HS có điều kiện hóa thân vào một vai "giả định" để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về nhân vật từ góc nhìn của vai mà họ đảm nhận. Vì vậy, GV không chỉ kiểm tra, đánh giá được kết quả HS đọc hiểu nhân vật trong truyện mà còn đánh giá được cách HS trình bày, cảm nhận về nhân vật từ góc nhìn, giọng điệu của chính nhân vật ấy trong truyện.

+ Thời gian dành cho hoạt động khám phá kiến thức 2 là 25 phút. PP đóng vai chỉ dùng ở giai đoạn báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập nên thời gian dành cho việc sử dụng PP này trong tiết học là phù hợp, không mất quá nhiều thời gian.

- Cách tổ chức hoạt động:

+ Sử dụng PP đóng vai kết hợp với dạy học hợp tác.

+ **Chuẩn bị:**

. GV thiết kế tình huống và vai "giả định": *Hãy nhập vai Thánh Gióng để lí giải hành động bay về trời sau khi chiến thắng giặc Ân.*

. GV chuẩn bị rubric đánh giá kết quả hoạt động.

+ **Giao nhiệm vụ: (Bước 1: GV lựa chọn tình huống và cung cấp thông tin về vai diễn)**
GV cung cấp thông tin, vai "giả định" cho HS: *Sau khi thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi/ hoàn thành phiếu học tập thì sẽ trình bày kết quả hoạt động nhóm bằng hình thức đóng vai Thánh Gióng để lí giải hành động bay về trời sau khi chiến thắng giặc Ân với cả lớp.* GV xác định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian thực hiện hoạt động và mục đích thực hiện.

+ **Thực hiện nhiệm vụ: (Bước 2: HS làm quen và tập đóng vai)**

. HS hợp tác làm việc theo nhóm để làm quen với tình huống và vai được đảm nhận: GV có thể mô tả rõ hơn về vai diễn, tổ chức cho HS tự phân vai, thảo luận về cách thức thể hiện vai.

. HS luyện tập đóng vai.

. Các nhóm được hướng dẫn để xác định các tiêu chí quan sát vai diễn và nhận nhiệm vụ quan sát, nhận xét, đánh giá cho các vai diễn.

+ **Trình bày kết quả: (Bước 3: HS đóng vai)** HS diễn vai do mình đảm nhận và những HS khác không trực tiếp tham gia đóng vai sẽ thực hiện việc quan sát.

+ **Đánh giá: (Bước 4: GV và HS thảo luận, đánh giá và rút ra kết luận)** HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về kết quả trình diễn của mình. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS rút ra các kiến thức về nhân vật Thánh Gióng và những kinh nghiệm từ hoạt động. GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS dựa trên rubric đã chuẩn bị.

Như vậy, thông qua việc sử dụng PP đóng vai kết hợp với dạy học hợp tác, GV tổ chức hoạt động để HS chủ động tham gia và qua đó phát triển NL *giao tiếp và hợp tác*, NL *nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật*.

2.2.6. Phương pháp dạy viết dựa trên tiến trình

2.2.6.1. Khái niệm

Dạy viết dựa trên tiến trình là PP “*tổ chức hoạt động dạy viết dựa trên các bước của quá trình tạo lập VB và các hoạt động tư duy xảy ra trong tiến trình đó.*”¹⁸.

PP dạy viết dựa trên tiến trình không tập trung vào sản phẩm cuối cùng là bài viết hoàn chỉnh của HS, mà chú trọng vào ***các hoạt động của HS trong từng bước của quy trình viết***. Theo đó, HS được trải nghiệm toàn bộ quá trình hoàn thành một VB, học hỏi, rút kinh nghiệm để hình thành các kỹ năng cần thiết ở từng bước.

2.2.6.2. Cách tiến hành

Để sử dụng PP dạy viết dựa trên tiến trình, GV tiến hành như sau:

- **Bước 1: Xác định mục tiêu, nội dung dạy viết.**

- **Bước 2: Chuẩn bị**

+ GV xây dựng các hoạt động hướng dẫn HS viết theo từng bước của quy trình viết: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

+ GV thiết kế các công cụ dạy học cần thiết như: hệ thống câu hỏi, các phiếu học tập cho từng hoạt động, tiêu chí đánh giá hoạt động của HS ở mỗi bước trong quy trình, bảng tiêu chí đánh giá bài viết,...

- **Bước 3: Hướng dẫn HS viết theo quy trình**

+ GV nêu đề bài và tổ chức hoạt động học để hướng dẫn HS viết theo từng bước của quy trình viết.

¹⁸ Nguyễn Thị Hồng Nam và Trần Nguyên Hương Thảo. (2017). Dạy tạo lập văn bản dựa trên tiến trình- những bài học kinh nghiệm cho dạy tạo lập văn bản ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 14, Số 4b (2017), tr. 119.

+ HS lần lượt thực hiện các hoạt động theo từng bước của quy trình viết.

- Bước 4: Trình bày sản phẩm học tập và đánh giá:

+ HS trình bày sản phẩm học tập: GV lựa chọn tổ chức hình thức trình bày sao cho phù hợp với điều kiện dạy học, ví dụ như: tất cả HS nộp bài viết cho GV tại lớp/ sau khi hoàn thành ở nhà; GV thu ngẫu nhiên một số bài; GV yêu cầu 1-2 HS trình bày trước lớp... Sản phẩm của HS cần được hiểu một cách linh hoạt, có thể là sản phẩm cụ thể của một giai đoạn trong tiến trình viết, chẳng hạn như một dàn ý, một đoạn văn hoặc một bài văn hoàn chỉnh.

+ GV tiến hành đánh giá thường xuyên và phản hồi kịp thời trong suốt các hoạt động.

2.2.6.3. Định hướng sử dụng

GV sử dụng PP dạy viết dựa trên tiến trình trong các hoạt động thực hành viết đoạn hoặc viết trọn vẹn một bài viết. Tùy vào yêu cầu của bài tập thực hành mà GV điều chỉnh hệ thống câu hỏi hướng dẫn trong từng bước, cũng như tiêu chí đánh giá bài viết.

Để có thể sử dụng PP dạy viết dựa trên tiến trình theo hướng phát triển được PC, NL cho HS, GV cần lưu ý như sau:

- Về tổ chức thực hiện: GV cần đảm bảo ở mỗi bước trong quy trình viết HS đều được hướng dẫn một cách chi tiết, cụ thể.

- Về thời gian: GV cần linh hoạt, không nhất thiết yêu cầu HS thực hiện tất cả các bước trên lớp. HS có thể được hướng dẫn viết bài tại lớp sau đó xem lại, chỉnh sửa ở nhà, GV kiểm tra, đánh giá vào tiết học sau đó.

- Về đánh giá: Cần đảm bảo các sản phẩm của HS đều có tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng. Tiêu chí đánh giá là công cụ giúp GV phản hồi bài viết và HS tự kiểm tra, đánh giá bài viết của mình.

2.2.6.4. Điều kiện sử dụng

PP dạy viết dựa trên tiến trình cần có thời gian phù hợp để thực hiện. Vì vậy, GV cần cân nhắc để phân phối đủ thời gian cho phần dạy viết thì mới có thể dùng PP này.

2.2.6.5. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phân: Viết

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng PP: Hoạt động thực hành viết theo quy trình.

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết.*

- Lí do lựa chọn sử dụng PP dạy viết dựa trên tiến trình:

+ Nhiệm vụ học tập phù hợp: đây là hoạt động thực hành, có tính chất tổng hợp; HS phải triển khai bài viết theo từng bước trong quy trình viết.

+ Thời gian phù hợp: linh hoạt; HS có thể làm ở lớp hoặc ở nhà.

- Cách thức tổ chức hoạt động: Sử dụng PP dạy viết dựa trên tiến trình kết hợp với kỹ thuật bảng 4 ô vuông, HS làm việc cá nhân.

+ **Chuẩn bị: (Bước 1: Xác định mục tiêu, nội dung dạy viết + Bước 2: Chuẩn bị)**

. GV xác định đề bài để hướng dẫn HS thực hành viết theo quy trình: *Hãy viết một bài văn kể lại một truyền thuyết mà em biết ngoài truyền thuyết “Thánh Gióng” em đã được đọc.*

. GV xây dựng các hoạt động học và thiết kế các công cụ cần thiết để hướng dẫn HS thực hành viết theo quy trình, cụ thể như sau:

Để hướng dẫn HS **chuẩn bị trước khi viết**, GV yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi như sau:

Phiếu học tập

Câu hỏi hướng dẫn chuẩn bị trước khi viết bài văn tự sự

(Kể lại một truyền thuyết)

1. Em viết bài văn này để làm gì?
2. Ai là người kể? Nếu em là người kể, em sẽ tự xưng hô trong bài văn như thế nào?
3. Truyện em sẽ kể có tên là gì? Đó là truyền thuyết về ai?/ điều gì? (một nhân vật/ địa danh/ phong cảnh/ hiện tượng thiên nhiên).
4. Mở đầu truyện, em dự định giới thiệu những gì?
5. Tóm tắt những sự kiện chính mà em sẽ kể trong phần diễn biến của truyện.
6. Truyện em sẽ kể có kết thúc như thế nào?
7. Truyện em sẽ kể có những sự kiện/ chi tiết nào mang tính chất hoang đường, kì ảo? Những sự kiện/ chi tiết ấy sẽ xuất hiện ở phần nào (mở đầu/ diễn biến/ kết thúc) trong truyện?

Để hướng dẫn HS **lập dàn ý**, GV chuẩn bị kỹ bảng bốn ô vuông (xem ví dụ trình bày ở kỹ thuật bảng bốn ô vuông).

Để hướng dẫn HS **viết bài, tự xem lại và chỉnh sửa**, GV cung cấp cho HS bảng câu hỏi hướng dẫn HS tự kiểm tra bài văn tự sự.

Phiếu học tập

Câu hỏi hướng dẫn tự kiểm tra bài văn tự sự

(Kể lại một truyền thuyết)

Đọc lại bài văn của em, tự kiểm tra bài văn bằng cách tự trả lời các câu hỏi sau đây; sau đó tiến hành chỉnh sửa bài văn (nếu cần).

Về việc đảm bảo nội dung và hình thức của một truyền thuyết:

1. Truyện được em kể lại có phù hợp với đề bài (kể lại một truyền thuyết) không?
2. Ngôi kể trong bài văn của em có thống nhất không?
3. Cách mở đầu truyện có gây ấn tượng không? Nếu không, em sẽ điều chỉnh như thế nào để phần mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc hơn?

4. Các sự kiện và chi tiết trong bài văn có tập trung thể hiện ngoại hình, lời nói, hành động của nhân vật trong truyền thuyết không?
 5. Truyện của em có các chi tiết hoang đường/ kì ảo không? Các chi tiết này đã được kể một cách sinh động, hấp dẫn chưa? Nếu chưa, em sẽ điều chỉnh thế nào?
 6. Ở phần kết thúc truyện, có câu văn/ đoạn văn nào thể hiện thái độ của nhân dân đối với nhân vật/ địa danh/ phong cảnh/ hiện tượng thiên nhiên được kể không? Nếu chưa có thì em sẽ bổ sung như thế nào?
 7. Em muốn bổ sung thêm sự kiện/ chi tiết nào? Tại sao?
 8. Những câu văn/ đoạn văn nào trong bài em có thể bỏ bớt? Tại sao?
 9. Bài văn của em có được tổ chức theo cấu trúc của VB tự sự (có các phần mở đầu, diễn biến, kết thúc) một cách rõ ràng không?
 10. Em có sử dụng các phương thức biểu đạt khác như miêu tả và biểu cảm để làm cho lời kể sinh động không?
- Về việc đảm bảo hình thức của một bài văn nói chung:**
11. Các đoạn văn trong bài có được trình bày một cách rõ ràng không? Các đoạn văn có được tách một cách hợp lí không?
 12. Bài văn của em có lỗi chính tả, viết câu không? Nếu có, hãy sửa lại cho đúng.

+ **Giao nhiệm vụ: (Bước 3: Hướng dẫn HS viết theo quy trình)** GV nêu đề bài và cung cấp các câu hỏi và phiếu học tập để hướng dẫn HS viết theo quy trình.

+ **Thực hiện nhiệm vụ: (Bước 3: Hướng dẫn HS viết theo quy trình)** HS lần lượt thực hiện từng bước của quy trình viết, trả lời các câu hỏi và hoàn thành các phiếu học tập của GV.

+ **Trình bày kết quả: (Bước 4: Trình bày sản phẩm học tập và đánh giá)** GV gọi 1-2 HS trình bày kết quả viết bài; bao gồm cả dàn ý và bài viết hoàn chỉnh.

+ **Đánh giá: (Bước 4: Trình bày sản phẩm học tập và đánh giá)** Dựa trên phản hồi của các HS và câu hỏi hướng dẫn kiểm tra bài viết, GV đánh giá kết quả bài làm của HS và hướng dẫn HS những gì cần điều chỉnh, bổ sung.

Như vậy, thông qua việc sử dụng PP dạy viết dựa trên tiến trình, GV tổ chức hoạt động để HS chủ động tham gia vào từng bước trong quy trình viết; qua đó phát triển NL *viết bài văn kể lại một truyền thuyết*.

2.2.7. Phương pháp dạy học theo mẫu

2.2.7.1. Khái niệm

PP dạy học theo mẫu là cách thức GV cung cấp một ngữ liệu để làm mẫu, tổ chức cho HS phân tích ngữ liệu để hình thành một kiến thức mới hoặc để minh họa cho một kiến thức đã

biết.¹⁹ Ở mức độ cao hơn, GV có thể yêu cầu HS mô phỏng mẫu để tạo ra một sản phẩm ngôn ngữ tương tự như mẫu.

Đây là PP thường được dùng trong dạy tiếng Việt, viết, nói và nghe. Trong dạy học đọc hiểu, GV cũng có thể sử dụng PP này để dạy kỹ thuật, chiến thuật đọc cho HS.

2.2.7.2. Cách tiến hành

Để sử dụng PP này, GV tiến hành như sau:

- Bước 1: Xác định mục đích sử dụng PP dạy học theo mẫu.

- Bước 2: Lựa chọn mẫu và cách trình bày mẫu/ cách cung cấp mẫu cho HS

+ Về lựa chọn mẫu: Mẫu trong dạy tiếng Việt rất đa dạng, có thể là âm tiết, từ, cụm từ, câu, đoạn,... Mẫu trong dạy viết cần được hiểu một cách linh hoạt, không chỉ là đoạn văn, bài văn, mà còn có thể là một dàn ý. Mẫu dùng để dạy nói và nghe có thể ở dạng VB, audio hay video. Nếu mẫu ở dạng audio hoặc video thì cần được đảm bảo về chất lượng hình ảnh, âm thanh.

+ Về lựa chọn cách trình bày mẫu/ cách cung cấp mẫu cho HS: Việc lựa chọn này tùy thuộc vào mục đích dạy học, phương tiện dạy học, độ dài của mẫu. Trong dạy tiếng Việt và dạy viết, GV có thể trình bày mẫu bằng cách trình chiếu, có thể in và phát mẫu đến từng nhóm hoặc từng cá nhân HS. Nếu mẫu là VB có trong SGK thì yêu cầu HS đọc trực tiếp trong sách. Trong dạy nói và nghe, GV có thể trình bày mẫu bằng cách trình chiếu cho HS nghe và quan sát, mở và phát audio hoặc video cho HS nghe, có thể in và phát phần lời trong audio hoặc video cho từng nhóm hoặc từng cá nhân HS.

- Bước 3: Xây dựng hệ thống câu hỏi/ phiếu học tập hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học

- Bước 4: Hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học

+ Tổ chức cho HS đọc và trả lời các câu hỏi/ hoàn thành phiếu học tập để phân tích mẫu.

+ Hướng dẫn HS rút ra những kết luận quan trọng từ việc phân tích mẫu.

- Bước 5: Hướng dẫn HS mô phỏng mẫu, tạo ra một sản phẩm mới tương tự như mẫu.

- Bước 6: Trình bày và nhận xét, đánh giá sản phẩm ngôn ngữ mới.

2.2.7.3. Định hướng sử dụng

Việc vận dụng PP dạy học theo mẫu thường được thể hiện ở hai mức độ:

- Mức độ 1: Phân tích mẫu

Phân tích mẫu thường được vận dụng để hình thành một kiến thức mới hoặc minh họa cho một kiến thức đã học. Ở mức độ phân tích mẫu, GV thực hiện các thao tác từ bước 1 đến bước 4 (đã trình bày ở trên). Có thể gọi tên mức độ này một cách ngắn gọn là PP phân tích mẫu.

¹⁹ Theo Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán. (2010). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*. (Tái bản lần thứ 13). NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 205-208.

Trong dạy tiếng Việt, việc phân tích mẫu được sử dụng để hình thành cho HS một kiến thức ngôn ngữ mới.

Trong dạy viết GV sử dụng PP phân tích mẫu nhằm hình thành cho HS kiến thức về đặc điểm của một kiểu VB, hoặc để minh họa cho việc tạo lập một kiểu VB nào đó.

Trong dạy nói và nghe PP này được sử dụng nhằm minh họa cho HS về một hình thức trình bày nào đó, từ đó hướng dẫn HS rút ra quy trình thực hiện.

PP này nên được sử dụng kết hợp với PP đàm thoại gợi mở để đạt hiệu quả cao nhất.

- *Mức độ 2: Thực hành theo mẫu*

Với mức độ này, GV cần hướng dẫn HS mô phỏng mẫu để tạo ra một sản phẩm ngôn ngữ có những đặc điểm, cấu trúc tương tự như mẫu. GV thực hiện đầy đủ các thao tác từ bước 1 đến bước 6 (đã trình bày ở trên), trọng tâm là bước 5 và bước 6.

Có thể gọi đây là PP thực hành theo mẫu. PP này được dùng chủ yếu trong hoạt động thực hành của dạy tiếng Việt, viết, nói và nghe.

2.2.7.4. Điều kiện sử dụng

- Việc lựa chọn mẫu cần bảo đảm một số tiêu chí như: có nội dung phù hợp với kiến thức HS cần tìm hiểu; phù hợp với độ tuổi HS; có dung lượng phù hợp với thời gian dạy học; đảm bảo tính tư tưởng, thẩm mỹ; đảm bảo tính điển hình.

- Mẫu phải được cung cấp cụ thể. HS phải được trực tiếp đọc/ nghe/ quan sát mẫu.

- Cần có thời gian phù hợp để hướng dẫn HS phân tích mẫu bằng cách nêu các câu hỏi.

2.2.7.5. Ví dụ minh họa

* Ví dụ 1:

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Viết

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng PP phân tích mẫu: Hoạt động khám phá kiến thức.

- Mục tiêu: Hướng đến YCCĐ: *Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết.*

- Lí do lựa chọn sử dụng PP dạy học theo mẫu (mức độ phân tích mẫu).

+ Nhiệm vụ học tập phù hợp: Trong hoạt động này, HS tìm hiểu đặc điểm cấu trúc của kiểu VB tự sự, cụ thể là truyện truyền thuyết. Như vậy, truyện truyền thuyết *Thánh Gióng* (HS đã đọc) được xem như VB mẫu mà từ đó, cùng với các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu của GV, HS tự khái quát lên đặc điểm cơ bản của một VB tự sự và những đặc điểm riêng cần chú ý về cấu trúc của một truyền thuyết.

+ Thời gian học tập phù hợp: Thời gian dành cho hoạt động này là 15 phút, phù hợp để HS xem lại VB, trả lời các câu hỏi phân tích mẫu và khái quát được kiến thức về đặc điểm cấu trúc kiểu VB cần viết.

- Tổ chức hoạt động:

+ GV sử dụng PP phân tích mẫu kết hợp với dạy học hợp tác.

+ **Chuẩn bị:** (*Bước 1: Xác định mục đích sử dụng PP dạy học theo mẫu + Bước 2: Lựa chọn mẫu và cách trình bày mẫu/ cách cung cấp mẫu cho HS + Bước 3: Xây dựng hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*)

. Mẫu được chọn ở đây là truyền thuyết *Thánh Gióng*. VB này có thể được in để phát cho HS hoặc được trình bày sẵn trong SGK.

. GV chuẩn bị câu hỏi/ phiếu học tập để hướng dẫn HS phân tích mẫu:

Truyền thuyết thường được kể theo ngôi kể nào?

Phần mở đầu của truyền thuyết thường giới thiệu những điều gì? Cách giới thiệu như thế nào?

Khi kể truyền thuyết, người kể thường chú ý những điều gì về nhân vật?

Phần kết thúc của truyền thuyết thường kể những điều gì?

Bên cạnh những chi tiết liên quan đến sự kiện lịch sử có thật, người kể còn lồng ghép vào truyện những yếu tố có tính chất như thế nào để làm cho truyện hấp dẫn hơn?

Thái độ của nhân dân về đối tượng được kể trong truyền thuyết có được thể hiện một cách trực tiếp bằng lời kể trong truyện không? Nếu có thì những lời kể đó thường xuất hiện ở phần nào của truyện?

Em hãy khái quát về bố cục của một truyện truyền thuyết.

+ **Giao nhiệm vụ:** (*Bước 4: Hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*) GV chia nhóm, yêu cầu HS đọc lại VB *Thánh Gióng* và thảo luận, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu.

+ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm, ghi chép lại kết quả thảo luận của nhóm.

+ **Trình bày kết quả:** GV mời 1-2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp; các nhóm còn lại lắng nghe.

+ **Đánh giá:**

. GV mời một số nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

. GV nhận xét chung.

. GV hướng dẫn HS rút ra những kiến thức về đặc điểm cấu trúc kiểu VB tự sự - truyện truyền thuyết. Cụ thể như sau:

Đặc điểm cấu trúc kiểu VB tự sự - truyện truyền thuyết:

✓ *Ngôi kể:* Thường là ngôi thứ ba.

✓ *Phần mở đầu:* Thường giới thiệu không gian, thời gian, tên gọi hoặc nguồn gốc xuất thân của nhân vật.

✓ *Phần diễn biến:* Thường kể một chuỗi các sự việc xoay quanh nhân vật chính, được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Nhân vật chính thường được tập trung thể hiện qua: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ.

✓ *Phần kết thúc: Thường kể về kết quả từ hành động của nhân vật chính; những dấu tích còn lưu lại đến ngày nay. Có thêm câu văn kể về thái độ của nhân dân đối với nhân vật.*

✓ *Có các chi tiết liên quan đến sự kiện lịch sử có thật; đồng thời cũng chứa đựng yếu tố thần kì.*

Như vậy, với việc dùng PP phân tích mẫu, GV đã tổ chức để HS rút ra được những đặc điểm cơ bản về cấu trúc của kiểu VB tự sự, cụ thể là truyện truyền thuyết; kiến thức này giúp HS định hướng rõ ràng về hình thức của bài văn sẽ viết; góp phần hướng đến YCCĐ: *Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết.*

* Ví dụ 2:

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Tiếng Việt

- Ngữ liệu chọn: Truyện thuyết *Thánh Gióng* (sử dụng ngữ liệu dạy đọc để dạy tiếng Việt)

- Hoạt động sử dụng PP: Khám phá kiến thức

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ *Nhận biết được những thành ngữ trong VB; Tạo lập được câu có chứa thành ngữ thông dụng.* (Đơn vị kiến thức Tiếng Việt cần dạy thông qua bài học này là: *Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.*)

- Lí do chọn sử dụng PP dạy học theo mẫu (mức độ phân tích mẫu):

+ Nhiệm vụ học tập phù hợp: đây là hoạt động hướng dẫn HS khám phá một đơn vị kiến thức tiếng Việt hoàn toàn mới với HS, việc hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu mẫu giúp HS tự nhận diện và bước đầu nêu được những đặc điểm ban đầu về cấu trúc, chức năng,... của đơn vị kiến thức mới (thành ngữ).

+ Thời gian phù hợp: PP này do GV dẫn dắt nên chủ động được thời gian, không tốn quá nhiều thời gian.

- Cách thức tổ chức:

+ **Chuẩn bị:** (*Bước 1: Xác định mục đích sử dụng PP dạy học theo mẫu + Bước 2: Lựa chọn mẫu và cách trình bày mẫu/ cách cung cấp mẫu cho HS + Bước 3: Xây dựng hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*)

. Mẫu được chọn ở đây là 2 câu văn trong các VB truyền thuyết (tương tự *Thánh Gióng*) có chứa thành ngữ để làm ngữ liệu phân tích:

✓ Ngữ liệu 1: “*Đến ngày lễ Tiên Vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì*” (*Bánh chưng, bánh giầy*)

✓ Ngữ liệu 2: “*Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta – con cháu Vua Hùng - khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên*” (*Con Rồng cháu Tiên*)

. Mẫu có thể được viết trên bảng hoặc trình chiếu trước lớp.

. GV chuẩn bị phiếu học tập để phân tích 2 ngữ liệu này:

Thành ngữ có trong 2 ngữ liệu	• Thành ngữ 1:... • Thành ngữ 2:...
Nghĩa đen của từng thành ngữ	• Thành ngữ 1:... • Thành ngữ 2:...
Ý nghĩa thành ngữ	• Thành ngữ 1:... • Thành ngữ 2:...

+ **Giao nhiệm vụ:** (*Bước 4: Hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*) HS đọc 2 ngữ liệu mẫu và hoàn thành phiếu học tập trên để phân tích mẫu, rút ra tri thức mới về nghĩa của các thành ngữ.

+ **Thực hiện nhiệm vụ:** (*Bước 4: Hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*) HS thực hiện phiếu học tập theo hướng dẫn của GV.

+ **Trình bày kết quả:** (*Bước 4: Hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*) HS trình bày kết quả, rút ra được ý nghĩa của thành ngữ

+ **Đánh giá:** (*Bước 4: Hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng của bài học*) GV đánh giá, nhận xét cách hiểu của HS về thành ngữ đã cho; điều chỉnh những cách hiểu chưa chính xác.

Như vậy, với việc sử dụng PP dạy học theo mẫu (mức độ phân tích mẫu), GV đã tổ chức hoạt động để HS chủ động tham gia vào quá trình nhận diện và khám phá các đặc điểm của kiến thức mới trong một mẫu cụ thể. Qua việc thực hiện thành công hoạt động này, HS sẽ phát triển NL ngôn ngữ, cụ thể là nhận diện được thành ngữ.

* Ví dụ 3:

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Tiếng Việt

- Ngữ liệu chọn: Truyền thuyết Thánh Gióng (sử dụng ngữ liệu dạy đọc để dạy tiếng Việt).

- Hoạt động sử dụng PP: Luyện tập.

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ *Nhận biết được những thành ngữ trong VB; Tạo lập được câu có chứa thành ngữ thông dụng.* (Đơn vị kiến thức Tiếng Việt cần dạy thông qua bài học này là: *Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng*).

- Lí do lựa chọn sử dụng PP dạy học theo mẫu (mức độ thực hành theo mẫu):

+ **Nhiệm vụ học tập phù hợp:** đây là hoạt động nối tiếp hoạt động hướng dẫn HS khám phá một đơn vị kiến thức tiếng Việt (đã được trình bày ở ví dụ 2). Từ việc hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu mẫu giúp HS tự nhận diện và bước đầu nêu được những đặc điểm về cấu trúc, chức năng,... của đơn vị kiến thức mới (thành ngữ), GV tổ chức cho HS vận dụng vào việc tạo lập câu có sử dụng thành ngữ phù hợp, tăng cường khả năng sử dụng tiếng Việt của HS.

+ Thời gian phù hợp: PP này do GV dẫn dắt nên chủ động được thời gian, không tốn quá nhiều thời gian.

- Cách thức tổ chức: GV sử dụng PP thực hành theo mẫu ngay sau khi đã sử dụng PP phân tích mẫu theo cách trình bày ở ví dụ trên, để HS nhận diện được đặc điểm, chức năng của thành ngữ. GV có thể kết hợp với dạy học hợp tác để tăng tính hiệu quả của PP. Do đó, các bước từ 1 đến 4 đã được thực hiện ở ví dụ trên, đến đây chúng tôi chỉ mô tả phần hướng dẫn tổ chức hoạt động bắt đầu từ phần thực hành theo mẫu, tức là từ bước 5 đến 6.

+ **Chuẩn bị:** các thành ngữ đơn giản có thể liên hệ đến nội dung truyền thuyết Thánh Gióng

+ **Giao nhiệm vụ:** *(Bước 5: Hướng dẫn HS mô phỏng mẫu, tạo ra một sản phẩm mới tương tự như mẫu)* Nếu thuật lại truyện Thánh Gióng, để miêu tả giặc Ân và sức mạnh của Thánh Gióng, em có thể dùng những thành ngữ nào trong những thành ngữ dưới đây:

+ *Khỏe như trâu*

+ *Nhanh như cắt*

+ *Cao như núi*

+ *Đông như kiến*

+ *Chết như rạ*

+ *Cứng như đá*

Từ những thành ngữ đã chọn, hãy giải thích nghĩa của thành ngữ và đặt một câu có liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.

+ **Thực hiện nhiệm vụ:** *(Bước 5: Hướng dẫn HS mô phỏng mẫu, tạo ra một sản phẩm mới tương tự như mẫu)* HS làm việc theo cặp, thảo luận với nhau trong 10 phút,

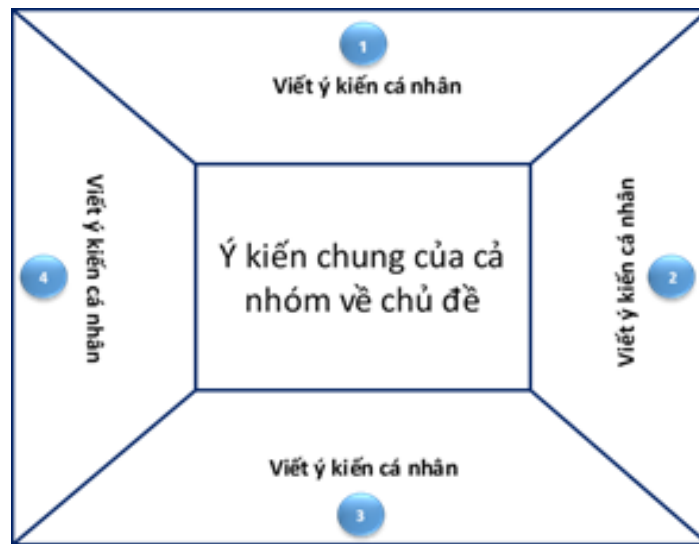
+ **Trình bày kết quả:** *(Bước 6: Trình bày và nhận xét, đánh giá sản phẩm ngôn ngữ mới)* GV tổ chức cho 3-4 cặp HS lên bảng đặt câu và giải thích trước lớp.

+ **Đánh giá:** *(Bước 6: Trình bày và nhận xét, đánh giá sản phẩm ngôn ngữ mới)* GV nhận xét và đánh giá các thành ngữ được chọn và các câu HS vừa đặt.

Như vậy, với việc sử dụng PP dạy học theo mẫu (mức độ thực hành theo mẫu), GV đã tổ chức hoạt động để HS chủ động tham gia vào quá trình vận dụng các tri thức mới vào việc tạo lập sản phẩm ngôn ngữ cụ thể. Qua việc thực hiện thành công hoạt động này, HS sẽ phát triển NL ngôn ngữ, cụ thể là tạo lập được câu có chứa thành ngữ phù hợp.

2.2.8. Kỹ thuật khăn trải bàn

Kỹ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.



Hình 2.1. “Khăn trải bàn” dành cho nhóm 4 người

Trong dạy học Ngữ văn, kĩ thuật khăn trải bàn có thể được sử dụng kết hợp với DH hợp tác nhằm tạo sự tương tác giữa các HS với nhau. Khi thực hiện kĩ thuật này, HS có thể hợp tác giải quyết những vấn đề trong quá trình đọc hiểu văn bản; phân tích đặc trưng kiểu bài viết, thảo luận các bước của quy trình viết; tìm kiếm, trao đổi về các ý tưởng trước khi trình bày, nói về một vấn đề cụ thể;...

2.2.8.1. Cách tiến hành

- HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy khổ lớn.
- HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.
- Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh.
- Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định.
- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của “khăn trải bàn”.

Lưu ý: Trong trường hợp không có giấy khổ lớn, GV có thể yêu cầu HS làm phần của cá nhân vào vở của mình và thống nhất phần thảo luận chung ghi vào 1 trang vở hay 1 tờ giấy A4. Như vậy, quan trọng là HS được làm việc cá nhân và sau đó có phần trao đổi, thảo luận thống nhất ý kiến chung. Việc ghi chép trên giấy khổ lớn hay trong vở do GV quyết định tùy tình hình lớp học.

2.2.8.2. Ưu điểm và hạn chế

a. Ưu điểm

- Thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm.
- Huy động được trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.
- Có công cụ để ghi nhận kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm.

b. Hạn chế

- Đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút lông...) khi tổ chức hoạt động.

- Đòi hỏi thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

2.2.8.3. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Đọc

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: Truyền thuyết *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn: Hoạt động khám phá kiến thức

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật*

- Lí do chọn sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn:

+ Như đã trình bày trong phần định hướng lựa chọn và sử dụng PP, KTDH ở mục 2.1.3 ở trên, Kỹ thuật khăn trải bàn thường được sử dụng kết hợp với một số PP, trong đó có dạy học hợp tác để dạy đọc.

+ Nội dung dạy học: Vấn đề đặc điểm cốt truyện *Thánh Gióng* là một nội dung dạy học khó và cần sự hợp tác làm việc của các HS. Hơn nữa, đây cũng là nội dung dạy học có thể tạo ra nhiều ý kiến khác nhau giữa các HS. Vì vậy, việc sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn kết hợp với DH hợp tác ở nội dung dạy học này là phù hợp khi HS được vừa làm việc cá nhân, vừa làm việc nhóm để trao đổi, thảo luận đưa ra những ý kiến thống nhất về đặc điểm của cốt truyện *Thánh Gióng*.

- Tổ chức hoạt động:

+ GV chuẩn bị câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu cốt truyện.

+ GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 4 – 6 HS.

+ GV nêu câu hỏi cho các nhóm: *Cốt truyện Thánh Gióng có đặc điểm như thế nào?*

+ Trên giấy do GV phát, HS vẽ hình khăn trải bàn, trình bày ý kiến cá nhân, thảo luận và trình bày ý kiến nhóm.

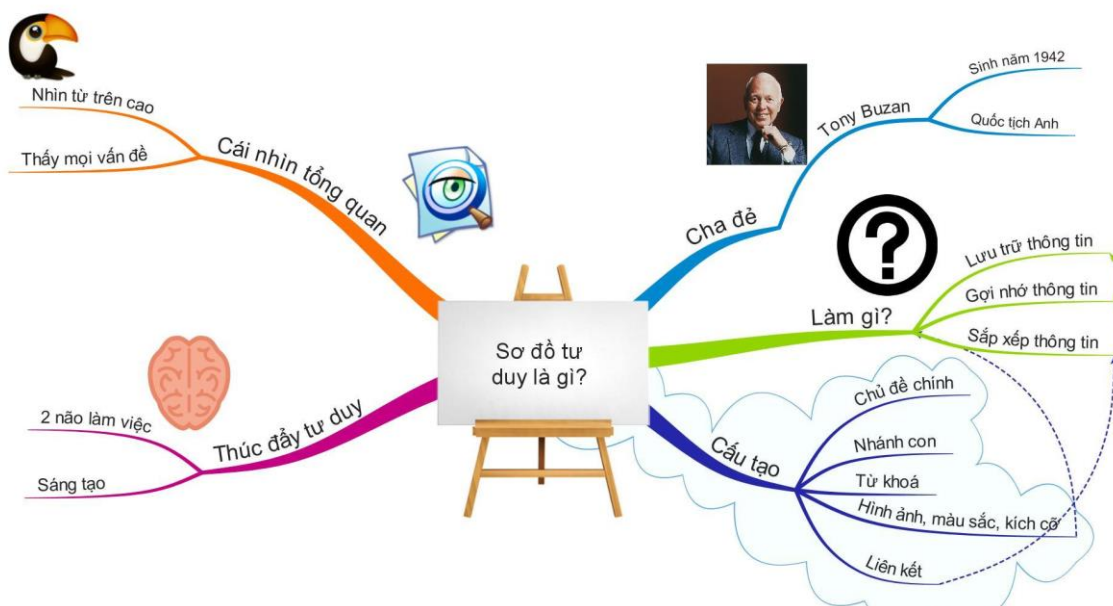
+ HS thuyết trình kết quả làm việc của nhóm mình trước lớp, các nhóm khác nêu câu hỏi (nếu có).

+ GV nhận xét chốt ý về nội dung thuyết trình của các nhóm.

Như vậy, qua việc sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, HS có cơ hội được trình bày những hiểu biết về đặc điểm cốt truyện của truyện thuyết *Thánh Gióng* và cùng nhau trao đổi, thảo luận để đi đến những kết luận cuối cùng về vấn đề học tập; từ đó đạt được YCCĐ.

2.2.9. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm hay giản đồ ý) là một hình thức trình bày thông tin trực quan. Thông tin được sắp theo thứ tự ưu tiên và biểu diễn bằng các từ khoá, hình ảnh... Thông thường, chủ đề hoặc ý tưởng chính được đặt ở giữa, các nội dung hoặc ý triển khai được sắp xếp vào các nhánh chính và nhánh phụ xung quanh. Có thể vẽ sơ đồ tư duy trên giấy, bảng hoặc thực hiện trên máy tính²⁰



Hình 2.2. Một ví dụ về sơ đồ tư duy

Trong dạy học Ngữ văn, kỹ thuật sơ đồ tư duy thường sử dụng kết hợp với DH hợp tác, PP đàm thoại gợi mở, DH giải quyết vấn đề, DH dựa trên dự án để HS trình bày tóm tắt kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

2.2.9.1. Cách tiến hành

- Chuẩn bị phương tiện và các nội dung liên quan:

+ Đối với sơ đồ tư duy trên giấy: bút lông (nếu có 5 màu là tốt nhất), giấy khổ lớn, keo dính... Tuy nhiên, nếu không có bút lông và giấy khổ lớn, GV cũng có thể cho HS vẽ bằng bút bi thường trong trang vở. Sau đó, GV có thể chụp để chiếu lên cho cả lớp xem. Nếu không có máy chiếu thì GV có thể linh hoạt truyền tay và thuyết minh, mô tả về sản phẩm của nhóm hoặc khi nhóm trình bày, GV sẽ vẽ lại trên bảng để các HS khác cùng thấy.

+ Đối với sơ đồ tư duy trên máy tính: có thể sử dụng một số phần mềm chuyên dụng như iMindMap, Edraw Mind Map, Xmind... Ngoài ra, có thể sử dụng một số ứng dụng trực tuyến như Mindmup (mindmup.com), Coggle (coggle.it)...

+ Ngoài ra, cần chuẩn bị trước tên chủ đề, từ khoá và các biểu tượng (icon) để có thể khai thác chủ động và hiệu quả.

²⁰ Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier. (2010). *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học*. Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông (Loan no1979-VIE).

- Vẽ sơ đồ tư duy:

+ Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.

+ Vẽ các nhánh chính từ chủ đề trung tâm. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề. Nên sử dụng từ khoá và viết bằng chữ in hoa. Có thể dùng các biểu tượng để mô tả thuật ngữ, từ khoá để gây hiệu ứng chú ý và ghi nhớ.

+ Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ, viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.

+ Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo cho đến hết.

- Trong dạy học Ngữ văn, có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong nhiều tình huống khác nhau.

+ GV chuẩn bị sơ đồ tư duy và tổ chức cho HS tìm hiểu bài giảng theo trình tự các nhánh nội dung trong sơ đồ tư duy do GV thiết kế. GV cũng có thể yêu cầu HS hoàn thành các nội dung còn khuyết hoặc triển khai thêm dựa trên sơ đồ tư duy do GV cung cấp.

+ GV yêu cầu HS thiết kế sơ đồ tư duy để tóm tắt nội dung, ôn tập bài học; trình bày kết quả thảo luận, nghiên cứu của nhóm hoặc cá nhân; trình bày tổng quan một vấn đề; thu thập sắp xếp ý tưởng; ghi chú bài học,...

2.2.9.2. Ưu điểm và hạn chế

a. Ưu điểm

- Kích thích sự sáng tạo và tăng hiệu quả tư duy vì sơ đồ tư duy là một công cụ ghi nhận, và sắp xếp các ý tưởng, nội dung một cách nhanh chóng, đa chiều và logic.

- Dễ dàng bổ sung, phát triển, sắp xếp lại, cấu trúc lại các nội dung.

- Tăng khả năng ghi nhớ thông tin khi nội dung được trình bày dưới dạng từ khoá và hình ảnh.

- HS có cơ hội luyện tập phát triển, sắp xếp các ý tưởng; nâng cao khả năng khái quát, tóm tắt, ghi nhớ tiêu điểm.

b. Hạn chế

Kỹ thuật này cần nhiều thời gian để thực hiện. Đồng thời, GV cũng thường phải chuẩn bị một số phương tiện dạy học phù hợp như giấy khổ lớn, bút nhiều màu,... Nếu dùng phương tiện công nghệ thông tin để thực hiện thì phải đảm bảo GV hiểu rõ cách dùng các phương tiện công nghệ thông tin đó. Do vậy, không phải GV nào, lúc nào cũng có thể sử dụng được kỹ thuật này.

2.2.9.3. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phần: Đọc

- Thể loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy: Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nhận biết được chủ đề của VB và Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật*

- Lí do chọn sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy:

+ Kỹ thuật sơ đồ tư duy được sử dụng kết hợp với dạy học hợp tác là phù hợp vì như đã nêu trong phần định hướng lựa chọn và sử dụng PP, KTDH ở mục 2.1.3, kỹ thuật sơ đồ tư duy có thể dùng kết hợp với một số PP trong đó có dạy học hợp tác để dạy đọc cho HS. Ở đây, sơ đồ tư duy được xem là sản phẩm học tập để đánh giá kết quả hợp tác giữa các thành viên trong nhóm.

+ Nội dung dạy học: Đây là nội dung dạy học ở hoạt động luyện tập nên đòi hỏi HS phải biết hệ thống hóa và tóm tắt các kiến thức từ những hoạt động học trước đó. Trong trường hợp này, HS phải hệ thống hóa và tóm tắt được những đặc điểm của truyền thuyết thông qua một ngữ liệu cụ thể (truyện thuyết *Thánh Gióng*). Vì vậy, việc sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy ở nội dung dạy học này là phù hợp. Dựa trên sản phẩm sơ đồ tư duy của HS, GV có thể đánh giá được mức độ đạt các YCCĐ đã đặt ra.

+ Thời gian: 15 phút, đủ để HS thực hiện hoạt động.

- Tổ chức hoạt động:

+ GV yêu cầu nhóm HS dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt những vấn đề nổi bật về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm và ghi vào giấy A0 hoặc A1.

+ HS tổng hợp phần tìm hiểu về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua ngữ liệu **Thánh Gióng** bằng sơ đồ tư duy.

+ GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách sử dụng hình ảnh, từ khóa, biểu tượng,...).

+ GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả và tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau.

+ GV bổ sung, GV lưu ý HS về cách trình bày sơ đồ tư duy.

Như vậy, có thể thấy với việc tổ chức dạy học bằng kỹ thuật sơ đồ tư duy, HS có cơ hội để thể hiện được NL *Nhận biết được chủ đề của VB và Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật* thông qua việc tạo lập sơ đồ tư duy để tóm tắt những vấn đề nổi bật về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua ngữ liệu *Thánh Gióng*.

2.2.10. Kỹ thuật phòng tranh

Kỹ thuật phòng tranh là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS được trưng bày như một phòng triển lãm tranh. Khái niệm "tranh" ở đây có thể được hiểu là sản phẩm học tập trực quan của HS. Trong giờ học Ngữ văn, tùy nội dung học tập, điều kiện học tập, sản phẩm "tranh" có thể được thực hiện bằng hình thức tranh vẽ thể hiện sự hình dung/ tưởng tượng của HS về một nội dung học tập hoặc sơ đồ, bảng biểu để tóm tắt kết quả học tập,... thậm chí có thể là các câu, cụm từ ngắn, đoạn viết ngắn, dàn ý. HS di chuyển, quan sát các sản phẩm của HS khác, đặt câu hỏi và nêu nhận xét hoặc ý kiến góp ý. Sau đó, GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

2.2.10.1. Cách tiến hành

- GV giao nhiệm vụ học tập cho cá nhân hoặc nhóm. Có thể thiết kế nhiều nhiệm vụ khác nhau đủ cho các nhóm hoặc có thể lặp lại các nhiệm vụ ở các nhóm khác nhau.
- HS thực hiện nhiệm vụ và trưng bày các sản phẩm học tập như một phòng triển lãm tranh.
- HS di chuyển xung quanh lớp học tham quan phòng tranh. Trong quá trình “xem triển lãm”, HS đưa ra các ý kiến phản hồi hoặc bổ sung cho các sản phẩm.
- HS quay trở lại vị trí ban đầu, tổng hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.
- Lưu ý: Nếu thời gian của tiết học cho phép và sản phẩm học tập cần phải được trưng bày, nhận xét, đánh giá ngay trong các hoạt động của tiết học thì GV tùy thuộc vào thời gian của tiết học để tổ chức các hoạt động xem tranh và nhận xét, đánh giá tranh của các nhóm. Tuy nhiên với một số hoạt động có thể thực hiện sau thời gian của tiết học như hoạt động *Mở rộng*, GV có thể tổ chức cho HS triển lãm tranh ở một không gian cụ thể nào đó của góc lớp chẳng hạn như góc học tập, bàn tin học tập của lớp và vẫn có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ nhận xét, đánh giá về tranh của các nhóm theo các rubric do GV thiết kế. Để tăng hiệu quả, GV có thể sử dụng kết hợp kỹ thuật phòng tranh với kỹ thuật 3x3 hoặc 3-2-1 để yêu cầu HS khi đi xem tranh thì phải ghi lại ý kiến, nhận xét, câu hỏi của mình, chuẩn bị cho phần thảo luận sau đó.

2.2.10.2. Ưu điểm và hạn chế

a. Ưu điểm

- HS có cơ hội học hỏi lẫn nhau và ghi nhớ sâu kiến thức bài học.
- HS được phát triển kỹ năng quan sát và phân tích, giải quyết vấn đề.
- HS có cơ hội rèn luyện năng lực sáng tạo trong việc trình bày sản phẩm học tập.

b. Hạn chế

- Phòng học cần có không gian phù hợp để HS trưng bày sản phẩm học tập và di chuyển theo mô hình mong muốn.
- Tốn nhiều thời gian để HS hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2.2.10.3. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6
- Phần: Đọc
- Thể loại: Truyền thuyết
- Ngữ liệu chọn: *Thánh Gióng*
- Hoạt động sử dụng kỹ thuật phòng tranh: Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nhận biết được chủ đề của VB và Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật.*

- Lí do chọn sử dụng *kỹ thuật phòng tranh*:

+ Kỹ thuật phòng tranh được sử dụng kết hợp với kỹ thuật sơ đồ tư duy và dạy học hợp tác là phù hợp vì như đã nêu trong phần định hướng lựa chọn và sử dụng PP, KTDH ở trên, kỹ thuật phòng tranh có thể dùng kết hợp với một số PP, KTDH trong đó có dạy học hợp tác, kỹ thuật sơ đồ tư duy để dạy đọc cho HS. Ở đây, “tranh” được xem là sản phẩm học tập để đánh giá kết quả hợp tác giữa các thành viên trong nhóm.

+ Cơ sở vật chất: Kỹ thuật này được lựa chọn sử dụng nếu phòng học có không gian phù hợp để HS trưng bày sản phẩm học tập và thuận lợi cho HS trong việc di chuyển để xem tranh.

+ Thời gian: Nếu dùng thêm kỹ thuật phòng tranh, GV cần thêm thời gian để sau khi HS thực hiện “tranh”, tức là sơ đồ tư duy thì HS có đủ thời gian triển lãm tranh và tham quan, nhận xét tranh của các nhóm.

- Tổ chức hoạt động:

+ GV yêu cầu nhóm HS dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt những vấn đề nổi bật về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm và ghi vào giấy A0 hoặc A1.

+ HS tổng hợp phần tìm hiểu về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm bằng sơ đồ tư duy.

+ GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách sử dụng hình ảnh, từ khóa, biểu tượng,...).

+ HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian quy định và trưng bày sơ đồ tư duy của nhóm như là những sản phẩm “tranh”.

+ Các nhóm HS lần lượt tham quan sản phẩm của nhau trong thời gian quy định, trao đổi với nhóm thực hiện (đưa ra các ý kiến phản hồi hoặc bổ sung cho các sản phẩm), ghi chú lại những ý tưởng học được (cả những thắc mắc chưa được giải đáp). Trong trường hợp lớp học chật, không phù hợp để HS di chuyển tham quan tranh nhưng tranh là các sơ đồ tư duy vẽ lớn, HS có thể quan sát từ xa thì có thể không cần tổ chức cho HS di chuyển xem tranh mà chỉ quan sát từ xa.

+ Các nhóm về vị trí học tập, tổng hợp ý kiến đánh giá sau khi tham quan phòng tranh.

+ GV đánh giá hoạt động: GV có thể tổ chức cho HS nhận xét từng tranh hoặc nếu không có thời gian thì chỉ nhận xét chung trên một tranh, từ đó yêu cầu các nhóm còn lại tự nhận xét, rút kinh nghiệm về sản phẩm tranh của mình.

Như vậy, với việc sử dụng kỹ thuật phòng tranh, sau quá trình tham gia quan sát, nhận xét, đánh giá về các tranh được triển lãm, HS không chỉ có cơ hội làm việc với nhau để tạo ra sản phẩm mà còn được tham quan, nhận xét lẫn nhau dưới sự tổ chức của GV. Từ đó, HS đạt được các YCCĐ của hoạt động.

2.2.11. Kỹ thuật KWL

Kỹ thuật KWL (Know - Want - Learn) là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó bắt

đầu bằng việc HS sử dụng bảng KWL để viết tất cả những điều đã biết và muốn biết liên quan đến vấn đề, chủ đề học tập. Trong và sau quá trình học tập, HS sẽ tự trả lời về những câu hỏi muốn biết và ghi nhận lại những điều đã học vào bảng.

Bảng KWL

K	W	L
Liệt kê những điều em đã biết về...	Liệt kê những điều em muốn biết thêm về...	Liệt kê những điều em đã học được về...

Trong môn Ngữ văn, kỹ thuật KWL đặc biệt phù hợp để khơi gợi, kích hoạt kiến thức nền. Vì vậy, GV có thể sử dụng kỹ thuật này ở giai đoạn trước khi đọc ở giờ học đọc, hoặc ở những giờ học sinh tìm hiểu về đặc điểm của các kiểu văn bản khi học viết hoặc cách thức trình bày một vấn đề cụ thể khi học nói và nghe.

2.2.11.1. Cách tiến hành

- Sau khi giới thiệu tổng quan và mục tiêu của vấn đề, chủ đề, GV yêu cầu HS điền những điều đã biết về vấn đề, chủ đề đó vào cột K của bảng. Ví dụ trong dạy đọc, GV có thể định hướng HS điền những thông tin đã biết như: tác giả, nhân vật, thể loại, bối cảnh lịch sử, đề tài, chủ đề,... Trong dạy viết, GV có thể gợi ý HS điền những điều em đã biết về kiểu loại văn bản, cách thức viết, chủ đề,...

- GV khuyến khích HS suy nghĩ và viết vào cột W những điều các em muốn tìm hiểu thêm về vấn đề, chủ đề, thể loại,... ấy.

- Trong và sau quá trình học tập, HS điền vào cột L những điều vừa học được.

- Cuối cùng, HS sẽ so sánh với những điều đã ghi tại cột K và cột W để kiểm chứng tính chính xác của những điều đã biết (cột K), mức độ đáp ứng nhu cầu của những điều muốn biết (cột W) ban đầu.

- Để HS tiện lưu giữ bài ghi, GV có thể thay việc kẻ bảng KWL trên giấy bằng việc cho HS ghi vào vở theo hàng ngang. HS sẽ ghi phần K trước, rồi đến phần W. Phần cuối là phần L sẽ được HS ghi chép trong và sau quá trình học tập.

2.2.11.2. Ưu điểm và hạn chế

a. Ưu điểm

- Tạo điều kiện cho HS phát triển NL tự chủ và tự học.

- Giúp HS kích hoạt kiến thức nền liên quan đến nội dung sẽ học.

- Với việc ghi vào phần W, HS cũng bước đầu xác định được mục tiêu học tập. Từ đó, tạo hứng thú học tập cho HS khi những điều HS cần học liên quan trực tiếp đến nhu cầu nhận thức của các em.

- Giúp GV đánh giá và HS tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho các hoạt động học tập kế tiếp.

b. Hạn chế

HS có thể gặp khó khăn khi diễn đạt điều các em đã biết, muốn biết một cách rõ ràng và chính xác.

Kĩ thuật này cũng có thể gây tốn thời gian. Vì vậy, GV cũng nên cân nhắc cho HS làm trước cột K, W ở nhà hay làm trên lớp.

* Một số lưu ý khi sử dụng

- Cần lưu trữ cẩn thận bảng KWL vì sau khi hoàn thành cột K và cột W, có thể phải mất thêm một khoảng thời gian mới có thể thực hiện tiếp các cột còn lại (cột L và cột H). Có thể khắc phục bằng cách không kẻ phiếu mà ghi vào vở như đã nói ở trên.

- GV có thể thêm cột H vào bảng nhằm khuyến khích HS ghi lại những dự định tiếp tục tìm hiểu các nội dung liên quan đến vấn đề, chủ đề vừa học.

Bảng KWLH

K	W	L	H
Liệt kê những điều em đã biết về...	Liệt kê những điều em muốn biết thêm về...	Liệt kê những điều em đã học được về...	Các em sẽ tiếp tục tìm hiểu như thế nào?

2.2.11.3. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: Lớp 6

- Phân: Đọc

- Thẻ loại: Truyền thuyết

- Ngữ liệu chọn: *Thánh Gióng*

- Hoạt động sử dụng kĩ thuật KWL: Hoạt động Khởi động

- Mục tiêu hoạt động: Hướng đến YCCĐ: *Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật trong tính chính thể tác phẩm.*

- Lí do chọn sử dụng kĩ thuật KWL:

+ Kĩ thuật KWL được sử dụng trong dạy đọc là phù hợp vì như đã nêu trong phần định hướng lựa chọn và sử dụng PP, KTDH ở mục 2.1.3, kĩ thuật này có thể dùng kết hợp với một số PP, KTDH để dạy đọc cho HS. Kĩ thuật KWL được thực hiện theo hình thức cá nhân nhằm kích hoạt kiến thức nền tảng là những gì HS đã biết liên quan đến nội dung sắp học, đồng thời xây dựng mục đích đọc, tạo hứng thú đọc cho HS. Vì vậy, kĩ thuật này phù hợp với mục tiêu của hoạt động khởi động.

+ Nội dung dạy học: *Thánh Gióng* là một câu chuyện truyền thuyết cũng khá quen thuộc với HS nên HS có thể đã biết ít nhiều, thuận lợi cho việc thực hiện phần K và W trong bảng KWL.

+ Thời gian thực hiện hoạt động: Nếu không có thời gian trên lớp, GV cho HS chuẩn bị phần K và W tại nhà, vì vậy thời gian cũng phù hợp để HS trao đổi, thảo luận các ý của cột K và W tại lớp.

- Tổ chức hoạt động:

+ Ở buổi học trước, GV phát phiếu KWL cho HS và hướng dẫn các em thực hiện phần L và W tại nhà. Trong phiếu GV đã có sẵn một số câu hỏi gợi ý cho phần K và W.

K (Những điều em đã biết liên quan đến VB)	W (Những điều em muốn biết thêm về VB)	L (Những điều em đã học được về VB)
Gợi ý: - Em đã biết gì về truyền thuyết Thánh Gióng và thể loại truyền thuyết?	Gợi ý: - Em muốn biết thêm gì về truyền thuyết này cũng như thể loại truyền thuyết nói chung?	

+ Trong hoạt động khởi động đầu giờ học, GV tổ chức cho HS trao đổi về nội dung của cột K và W trên phiếu KWL đã chuẩn bị ở nhà.

+ GV có thể sử dụng thêm câu hỏi gợi mở để dẫn dắt và hướng HS nêu các điều em đã biết, muốn biết về tác phẩm và các kiến thức nền cần kích hoạt, ghi nhận các ý kiến một cách hệ thống trên bảng phụ để làm cơ sở đánh giá sự hiểu biết cũng như nhu cầu của HS trước khi vào phần khám phá kiến thức mới.

Như vậy, với việc sử dụng kỹ thuật KWL như trên, GV đã đạt được 2 mục tiêu của hoạt động khởi động là kích hoạt kiến thức nền liên quan đến nội dung học của HS và tạo sự hứng thú, xây dựng mục đích học cho HS (qua việc giúp các em xác định các em muốn biết gì về tác phẩm và thể loại truyền thuyết).

2.2.12. Kỹ thuật bảng bốn ô vuông

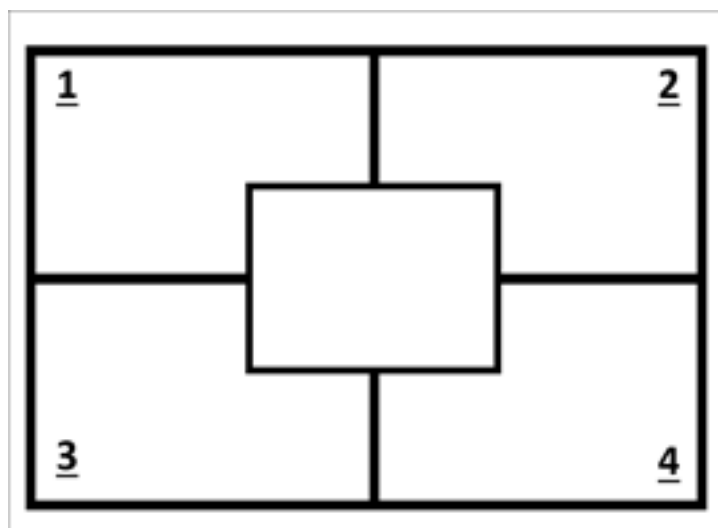
Kỹ thuật này thường được dùng trọng dạy viết, để hướng dẫn HS lập dàn ý cho đoạn văn hoặc bài văn. HS có thể làm việc cá nhân hoặc theo nhóm²¹.

2.2.12.1. Cách tiến hành

- GV giao đề bài.

- GV chuẩn bị sẵn phiếu học tập dạng bốn ô vuông như hình vẽ hoặc yêu cầu HS tự vẽ các ô vào trong vở.

²¹ Theo Bartholomae, M., Sekyra, S., & Sibigtroth, K. (2011). *Bringing 4-Square Writing to Life*. Teaching and Learning Company.



Hình 2.3. Bảng bốn ô vuông

- HS viết ngắn gọn nội dung chính của VB vào ô hình chữ nhật ở giữa.
- HS viết mỗi ý chính vào một ô vuông xung quanh; viết các ý phụ bên dưới ý chính; các ý phụ và ý chính được phân biệt bằng màu sắc hoặc kiểu chữ.

2.2.12.2. Ưu điểm và hạn chế

a. Ưu điểm

- HS xác định được các phần trong bố cục của VB sẽ viết; có ý thức phân biệt ý chính và ý phụ trong từng phần.
- HS trình bày được dàn ý một cách ngắn gọn.
- So với kĩ thuật sơ đồ tư duy, kĩ thuật bảng 4 ô vuông có cách sử dụng đơn giản hơn, phù hợp với đối tượng HS chưa quen vẽ sơ đồ tư duy. Bảng bốn ô vuông có hình thức đơn giản, HS có thể tự vẽ nhanh trên các khổ giấy, viết bằng các loại bút bi, bút chì thông dụng. Vì thế, sử dụng kĩ thuật này cũng giúp tiết kiệm học liệu.

b. Hạn chế:

Nội dung viết trong từng ô phải ngắn gọn đòi hỏi HS phải biết cách tóm lược ý, chọn được từ ngữ quan trọng để viết.

2.2.12.3. Ví dụ minh họa

- Lớp dạy: lớp 6
- Phần: Viết
- Thẻ loại: Truyền thuyết
- Ngữ liệu chọn: *Thánh Gióng*
- Hoạt động: Thực hành viết theo quy trình, bước tìm ý và lập dàn ý.
- Mục tiêu: Hướng đến YCCĐ: *Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết.*
- Lí do sử dụng kĩ thuật bảng bốn ô vuông:

Như đã nêu trong phần định hướng lựa chọn và sử dụng PP, KTDH ở mục 2.1.3, kỹ thuật bảng bốn ô vuông có thể dùng kết hợp với một số PP, KTDH để dạy viết cho HS. Trong trường hợp cụ thể này thì đây là nhiệm vụ đòi hỏi HS phải xác định rõ các sự kiện, chi tiết trong một VB tự sự. Bảng bốn ô vuông, với các ô vuông được sắp xếp liên tiếp, bao quanh ô chứa chủ đề bài viết; giúp HS xây dựng được một hệ thống các sự kiện, chi tiết một cách logic; tránh bị trùng lặp.

.- Tổ chức hoạt động: GV sử dụng kỹ thuật bảng bốn ô vuông.

+ GV ra đề viết: *Hãy viết một bài văn kể lại một truyền thuyết mà em biết (ngoài truyền thuyết “Thánh Gióng” em đã được đọc).*

+ GV hướng dẫn sử dụng bảng bốn ô vuông ở bước tìm ý và lập dàn ý:

. Phát phiếu học tập có bốn ô vuông hoặc yêu cầu HS tự vẽ vào vở.

. Hướng dẫn HS viết tên truyền thuyết sẽ kể vào ô vuông ở giữa; dùng bút màu đỏ viết các nội dung sau vào các ô: ô 1: mở đầu; ô 2: diễn biến; ô 3: kết thúc; ô 4: thái độ/ quan điểm của nhân dân; dùng bút màu xanh lần lượt viết một cách ngắn gọn (viết cụm từ/ câu ngắn) các sự kiện, chi tiết của từng phần vào các ô tương ứng; có thể dùng bút highlight để tô màu các yếu tố kì ảo.

. Nhận xét sản phẩm của HS hoặc hướng dẫn HS kiểm tra, nhận xét sản phẩm của nhau.

. Hướng dẫn HS điều chỉnh, hoàn thành dàn ý với hình thức bảng bốn ô vuông.

Như vậy, với việc dùng kỹ thuật bảng bốn ô vuông, GV đã tổ chức để HS tự thực hiện sản phẩm và góp ý, nhận xét sản phẩm của nhau từ đó hoàn thành bước tìm ý và lập dàn ý để hướng đến YCCĐ: *Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết.*

Trên đây là một số PP, KTDH thường được sử dụng trong dạy học Ngữ văn nhằm hình thành, phát triển PC, NL cho HS. Ngoài những PP, KTDH nêu trên, trong quá trình dạy học Ngữ văn, nhằm hình thành và phát triển NL cho người học, GV có thể lựa chọn và sử dụng thêm một số PP, KTDH quen thuộc khác như PP thực hành, PP thuyết trình, PP trực quan, PP trò chơi, dạy học theo trạm,... và nhiều KTDH khác như KT công não, KT 3-2-1...

CÂU HỎI, BÀI TẬP

1. Đọc CT GDPT môn Ngữ văn, lựa chọn một nội dung cụ thể trong một lớp ở cấp THCS, phân tích mối quan hệ giữa nội dung đó với YCCĐ và PP, KTDH; trình bày dưới dạng bảng ma trận.

2. Trình bày tóm tắt những định hướng về việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn.

3. Nêu những PP, KTDH có thể dùng trong dạy đọc. Thiết kế một hoạt động dạy học cụ thể trong dạy đọc có sử dụng PP, KTDH để phát triển PC, NL HS.

4. Nêu những PP, KTDH có thể dùng trong dạy Viết. Thiết kế một hoạt động dạy học cụ thể trong dạy viết có sử dụng PP, KTDH để phát triển PC, NL HS.

5. Nêu những PP, KTDH có thể dùng trong dạy Nói và Nghe. Thiết kế một hoạt động dạy học cụ thể trong dạy nói và nghe có sử dụng PP, KTDH để phát triển PC, NL HS.

6. Nêu những PP, KTDH có thể dùng trong dạy tiếng Việt. Thiết kế một hoạt động dạy học cụ thể trong dạy học tiếng Việt có sử dụng PP, KTDH để phát triển PC, NL HS.

NỘI DUNG 3. LỰA CHỌN, SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TRONG MÔN NGỮ VĂN

3.1. Chiến lược dạy học/ giáo dục bài học

Theo Từ điển Tiếng Việt ²², “Chiến lược: Phương châm và kế hoạch có tính chất toàn cục, xác định mục tiêu chủ yếu và sự sắp xếp lực lượng trong suốt cả một thời kì của cuộc đấu tranh xã hội ...”.

Trong giáo dục, trên bình diện chung có thể hiểu chiến lược dạy học, giáo dục của GV bao gồm quan điểm về dạy học, giáo dục và kế hoạch tổng quát về phối hợp, vận dụng phù hợp các biện pháp, phương tiện, điều kiện... nhằm định hướng thực hiện, hoàn thành các mục tiêu dạy học, giáo dục cụ thể phù hợp với bối cảnh. Chiến lược dạy học không chỉ phụ thuộc vào quan điểm giáo dục mà còn tùy theo đối tượng, mục tiêu, kế hoạch của hoạt động dạy học, sở trường của bản thân ... Dựa trên những cơ sở nhất định, GV cần xây dựng chiến lược dạy học, giáo dục chung bao hàm các chiến lược dạy học, giáo dục phù hợp với từng giai đoạn, thích ứng với bối cảnh.

Đơn cử như “Chiến lược dạy học của GV nhằm phát triển tư duy cho HS phổ thông” ²³, các tác giả đã xây dựng theo đó các chiến lược cho từng giai đoạn cụ thể để phát triển NL tư duy cho HS phổ thông, bao gồm:

- Chiến lược 1. Nhấn mạnh nhiệm vụ học tập của HS;
- Chiến lược 2. Sử dụng các câu hỏi mở;
- Chiến lược 3. Chờ đợi sự trả lời của HS và chấp nhận sự đa dạng trong trả lời;
- Chiến lược 4. Khuyến khích sự phản hồi từ HS;
- Chiến lược 5. Không đưa ra những ý kiến hay đánh giá, đồng thời không nhắc lại câu trả lời của HS;
- Chiến lược 6. Yêu cầu HS suy nghĩ/tư duy về quá trình tư duy của chính bản thân”.

Từ đây, có thể nhận thấy chiến lược dạy học, giáo dục mang ý nghĩa khái quát nhưng lại đảm bảo tính cụ thể để có thể thực hiện, hoàn thành các mục tiêu dạy học, giáo dục một cách hiệu quả nhất. Trong chiến lược dạy học, giáo dục, bao gồm mục tiêu kỳ vọng, hành động cần thực hiện dựa trên sự phân tích các đặc điểm và điều kiện có liên quan được thực thi bởi GV nhằm phát triển HS.

Như vậy, chiến lược dạy học, giáo dục là kế hoạch tổng quát thể hiện sự cân nhắc, lựa chọn và sắp xếp các biện pháp để đạt được mục tiêu dạy học, giáo dục một cách hiệu quả dựa trên sự đánh giá về bối cảnh, giai đoạn định hướng thực hiện cùng sự chủ động, NL của GV.

²² Hoàng Phê. (2016). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Hồng Đức, tr, 98.

²³ Đỗ Ngọc Miên, (2012). *Chiến lược dạy học của giáo viên nhằm phát triển tư duy cho học sinh phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 281 (kì 1-3/2012).

CT GDPT 2018 được triển khai căn cứ trên hệ thống các quan điểm đổi mới về GDPT nhất là quan điểm phát triển PC, NL HS. Vì vậy, GV phải có những chiến lược dạy học, giáo dục phù hợp với quan điểm, các yêu cầu của sự đổi mới trong giáo dục phổ thông hướng đến phát triển PC, NL của từng HS, nhóm HS một cách tích cực và chủ động nhất. Trong đó, khi tiếp cận CT GDPT 2018, GV cần xác định và xây dựng chiến lược khái quát và các chiến lược cụ thể về dạy học, giáo dục phát triển PC, NL thông qua các chủ đề so với các chiến lược dạy học tiếp cận nội dung trước đây. Hơn thế nữa, GV lựa chọn và sắp xếp các biện pháp để đạt được mục tiêu dạy học, giáo dục trong chiến lược dạy học, giáo dục của mình để không chỉ tập thể HS, nhóm HS mà từng HS đều có cơ hội tốt nhất có thể để hình thành, phát triển các PC, NL đã được quy định trong chương trình. Đây chính là ý nghĩa đặc biệt của việc xây dựng chiến lược dạy học, giáo dục của người GV khi triển khai CT GDPT 2018.

Tài liệu này tập trung vào vấn đề xây dựng chiến lược dạy học, giáo dục của GV trong việc triển khai dạy học, giáo dục theo chủ đề như một trọng điểm của dạy học, giáo dục phát triển PC, NL trong CT GDPT 2018. Theo đó, chiến lược dạy học, giáo dục chủ đề có thể hiểu là xuất phát trên cơ sở nhận thức đầy đủ về dạy học, giáo dục lấy người học làm trung tâm cùng với lý thuyết, nguyên tắc chung của dạy học phát triển PC, NL, GV sẽ có kế hoạch định hướng được cách thức vận dụng triển khai việc lựa chọn các PP, KTDH, giáo dục chủ đề nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt cụ thể với định hướng mở của CT GDPT 2018. Kế hoạch đó cũng phải xét đến sự phù hợp với bối cảnh giáo dục bao gồm điều kiện nhà trường, đội ngũ GV, đối tượng HS, đặc điểm vùng miền và những điều kiện cơ sở vật chất có liên quan nhằm bảo đảm cho sự tiến bộ cả về PC, NL của HS, đáp ứng yêu cầu dạy học phân hoá.

Với chiến lược dạy học, giáo dục, một trong những vấn đề quan trọng được xem là tiêu điểm để kế hoạch tổng quát được thực thi nhằm đạt được mục tiêu dạy học, giáo dục đó chính là PP, KTDH cần được người GV sử dụng. Bởi đây chính là yếu tố được xem là kết quả của sự phân tích, cân nhắc, lựa chọn khoa học dựa trên sự đánh giá xác thực về bối cảnh. Vì thế, lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS/THPT thực chất không thể tách rời với việc lựa chọn, sử dụng các PP, KTDH hiệu quả.

Để lựa chọn và triển khai các chiến lược dạy học, giáo dục phù hợp, GV cần căn cứ trên các cơ sở chủ yếu sau đây:

- (1) Quan điểm xây dựng CT tổng thể và CT môn học;
- (2) Mục tiêu của CT môn học, Hoạt động giáo dục;
- (3) Đặc điểm của các PP, KTDH;
- (4) Tiềm năng, triển vọng của HS và khả năng thực thiết kế, thực thi của GV;
- (5) Bối cảnh giáo dục, các yếu tố tác động đến hoạt động dạy học, giáo dục...

Việc xây dựng chiến lược dạy học, giáo dục đòi hỏi GV phải nắm vững các cơ sở lý thuyết và thực tiễn như trên, đồng thời có NL vận dụng linh hoạt và phù hợp các PP, KTDH. Trong đó, khởi đầu quan trọng nhất là khả năng đánh giá bối cảnh, phân tích các điều kiện, thách thức và dự báo được các diễn tiến của hoạt động dạy học, giáo dục, từ đó phác thảo được các kịch

bản sự phạm hiệu quả dựa trên triển vọng phát triển PC, NL của từng HS cũng như sự tương tác giữa các HS với nhau trong hoạt động dạy học, giáo dục.

Tóm lại, để lựa chọn, xây dựng được các chiến lược dạy học, giáo dục hiệu quả phù hợp với đối tượng HS THCS/THPT, mỗi GV phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đánh giá được khả năng, tiềm lực và phác thảo được triển vọng phát triển của mỗi HS.
- Đánh giá được bối cảnh, phân tích các điều kiện, thách thức ảnh hưởng, tác động đến hoạt động dạy học, giáo dục HS.
- Định hướng, thiết kế và dự báo được các diễn tiến của hoạt động dạy học, giáo dục HS.
- Xây dựng được các kịch bản sự phạm hiệu quả dựa trên triển vọng phát triển PC, NL của từng HS, nhóm HS, tập thể HS với chuỗi hoạt động học phù hợp.
- Lựa chọn được các biện pháp, phương tiện, điều kiện... nhằm định hướng thực hiện, hoàn thành các mục tiêu dạy học, giáo dục cụ thể phù hợp với bối cảnh trong đó quan trọng nhất là lựa chọn, sử dụng các PP, KTDH tích cực có ưu thế trong việc phát triển PC, NL của HS.
- Đánh giá được sự phát triển PC, NL của HS, từ đó đánh giá được tính phù hợp, hiệu quả của chiến lược dạy học, giáo dục đã xây dựng và đề xuất cải tiến.

Như vậy, việc xây dựng chiến lược dạy học, giáo dục về thực chất không thể tách rời các cơ sở khoa học của việc phân tích bối cảnh, đánh giá các biểu hiện về NL cũng như tiềm lực phát triển của HS, tự đánh giá NL thực thi chiến lược dạy học, giáo dục của người GV, trên cơ sở đó tiến hành lựa chọn các PPDH, KTDH phù hợp, hiệu quả hướng đến mục tiêu phát triển HS một cách tối ưu.

Việc lựa chọn PPDH, KTDH phù hợp là hoạt động quan trọng để cụ thể hóa chiến lược dạy học, giáo dục của người GV, góp phần xác nhận tính đúng đắn, sự hợp lý của chiến lược dạy học mà GV đã xác định. Các mục từ 3.2 đến 3.4 dưới đây sẽ tập trung định hướng để GV nghiên cứu nhằm tiến hành lựa chọn các PP, KTDH phù hợp.

3.2. Cơ sở lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Ngữ văn

CT GDPT 2018 được xây dựng nhằm bảo đảm phát triển PC, NL người học. Theo đó, CT phổ thông giúp HS làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

CT GDPT 2018 được xây dựng theo hướng mở. Theo đó, CT chỉ bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với HS toàn quốc còn lại thì “trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường

với gia đình, chính quyền và xã hội.”²⁴. Cụ thể là CT “chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về YCCĐ về PC, NL của HS, nội dung giáo dục, PP giáo dục và việc đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả SGK và GV phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện CT”²⁵.

Như vậy, GV cần nắm rõ các quan điểm xây dựng CT như trên để hiểu được vai trò, quyền hạn, cũng như nhiệm vụ của mình trong việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH nhằm phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn. Ngoài ra, việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH để phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn cũng cần được thực hiện dựa trên những cơ sở sau:

- Mục tiêu dạy học:

Lí luận dạy học đã chỉ rõ việc lựa chọn PP, KTDH phải bám sát mục tiêu giáo dục đã xác định cho HS. Nếu PP, KTDH không giúp HS đạt được những yêu cầu này thì không thể coi đó là PP, KTDH phù hợp.

Đặc biệt đối với CT GDPT môn Ngữ văn 2018, mục tiêu cuối cùng không phải là trang bị kiến thức mà là phát triển PC, NL cho HS. Các mục tiêu này đã được cụ thể hóa thành các YCCĐ trong CT. Vì vậy, việc lựa chọn và sử dụng PP, KTDH cần hướng đến việc tăng cường các yêu cầu giải quyết vấn đề, vận dụng tổng hợp, yêu cầu thực hành, sáng tạo gắn với các tình huống thực tiễn...

Ví dụ, mục tiêu dạy viết của bậc THCS có yêu cầu ***Viết được đoạn và bài văn tự sự***. Theo đó, để dạy học, PP, KTDH phải hướng đến việc giúp HS phân tích bài mẫu, phác thảo về nhân vật, lựa chọn ngôi kể, dự kiến bối cảnh, dự kiến cốt truyện, lập dàn ý – những vấn đề phục vụ trực tiếp cho mục tiêu trên. Như vậy, GV có thể sử dụng những PP, KTDH như ***dạy học hợp tác*** (sử dụng phiếu học tập nhóm cho các yêu cầu phân tích bài mẫu, dự kiến cốt truyện, lập dàn ý...), ***đàm thoại – gợi mở*** (sử dụng hệ thống bài tập/ câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu bài mẫu, phác thảo về nhân vật, lựa chọn ngôi kể, dự kiến bối cảnh...) và ***thuyết trình*** (HS thuyết minh bằng sơ đồ tư duy về dàn ý bài văn tự sự đã thực hiện theo nhóm) để dạy học.

- Đặc điểm nội dung dạy học:

Cũng như mối quan hệ giữa mục tiêu, YCCĐ với PP, KTDH, sự thống nhất giữa PP, KTDH với nội dung dạy học cũng chi phối việc lựa chọn, phối hợp và sử dụng PP, KTDH. Trong môn Ngữ văn có nhiều dạng nội dung dạy học rất phong phú, đa dạng, phức tạp. Do vậy, GV cần lưu ý để lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho phù hợp.

Chẳng hạn, để phát triển NL đọc hiểu VB, cụ thể là nhận biết cốt truyện cho HS, GV có thể ***giao bài tập/ câu hỏi soạn bài/ phiếu học tập*** cá nhân để HS về nhà hoặc làm tại lớp với yêu cầu hướng đến nhận diện các sự kiện và trình tự, mối liên quan của các sự kiện trong VB. GV cũng có thể ***sử dụng câu hỏi*** trong quá trình dạy học tại lớp để HS trao đổi về những vấn đề trên. Nhưng với nội dung về từ đa nghĩa, từ đồng âm thì GV lại nên dùng PP ***dạy học theo mẫu*** (cụ thể là phân tích mẫu) để HS hiểu được khái niệm từ loại này.

²⁴ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể*. Hà Nội, tr.5-6.

²⁵ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể*. Hà Nội, tr. 6.

- Đặc điểm của PP, KTDH:

Mỗi PP, KTDH đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định trong việc phát triển PC, NL cho HS. Vì vậy, trước khi lựa chọn, GV cần phải hiểu rõ các đặc điểm của từng PP, KTDH xem PP, KTDH đó có phù hợp để phát triển các PC, NL theo YCCĐ cho HS hay không. Đôi khi việc lựa chọn PP, KTDH không phát huy tác dụng như mong muốn là vì GV sử dụng chưa đúng cách. Do đó, GV cũng cần hiểu thật kỹ về từng PP, KTDH mình muốn sử dụng để đảm bảo sử dụng đúng cách. Ngoài ra, như ở Nội dung 2 đã trình bày, mỗi PP, KTDH cần có những điều kiện cụ thể thì mới có thể áp dụng hiệu quả. Do đó, GV cũng cần cân nhắc xem giờ dạy của mình có hội đủ các điều kiện để cho phép mình sử dụng được PP, KTDH đó hay không. Bên cạnh đó, vì mỗi PP, KTDH đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định nên GV cần biết chọn lựa phối hợp linh hoạt các PP, KTDH để đạt được mục tiêu dạy học đã đề ra.

- Một số cơ sở khác:

+ **Cơ sở vật chất của nhà trường:** Việc lựa chọn PP, KTDH phù hợp với cơ sở vật chất của nhà trường là điều vô cùng quan trọng. Nhất là với những PP, KTDH có yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất.

+ **Đặc điểm đối tượng HS:** Việc sử dụng PP, KTDH của GV ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp nhận của HS. Do vậy, việc lựa chọn PP, KTDH buộc phải cân nhắc đến đặc điểm của đối tượng HS. Với những HS có khả năng tự học, thích học và biết chọn lọc những nội dung học tập, năng động, sáng tạo, tích cực hợp tác với GV trong các hoạt động học ...thì GV có thể lựa chọn các PP, KTDH chú trọng cho HS tự nghiên cứu, phát hiện và tự giải quyết vấn đề. Với những HS thiếu sự tập trung cho việc học tập, thường học tập một cách thụ động, hoặc một bộ phận HS có thể có biểu hiện tự ái, tự ti, mặc cảm vì tiếp thu chậm, khả năng nhận thức hạn chế... thì trong quá trình dạy học GV cần chú ý sử dụng PP đàm thoại gợi mở và nên có những trợ giúp riêng để các em tăng dần sự tự tin. Trong quá trình dạy học, để HS cảm thấy gần gũi, hứng thú khi học tập, GV nên khai thác các vấn đề thực tiễn của địa phương, những vấn đề xã hội đang quan tâm ở trong nước hoặc trên thế giới. Điều này sẽ góp phần tạo hứng thú cho HS, giúp các em thấy được ý nghĩa của các vấn đề mình được học ở nhà trường phổ thông.

+ **NL của GV:** Thực tế cho thấy việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học chính là một hoạt động nhằm tạo cơ hội cho GV nâng cao NL chuyên môn, kỹ năng sư phạm và phát huy khả năng sáng tạo trong việc áp dụng các PP, KTDH thông qua việc dự giờ, trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp... Tuy nhiên, khi lựa chọn và sử dụng PP, KTDH thì GV nên bắt đầu bằng những PP, KTDH mình đã hiểu rõ, biết cách sử dụng. Trước khi lựa chọn một PP, KTDH mới, GV nên đầu tư tìm hiểu để đảm bảo mình hiểu đúng cách thực hiện. GV không nên cố gắng dùng những PP, KTDH mình chưa rõ hay không cảm thấy tự tin, phù hợp vì đôi khi việc sử dụng PP, KTDH không hiệu quả không phải do bản thân PP, KTDH đó có vấn đề mà chỉ là do cách sử dụng chưa đúng.

Chẳng hạn DH dựa trên dự án hiện nay đang được GV sử dụng khá phổ biến. Đây là cách dạy học thông qua việc tạo điều kiện cho HS đóng một hay nhiều vai trò để giải quyết một số vấn đề trong một hoạt động (mà ta gọi là dự án) mô phỏng những hoạt động có thật của xã hội.

Những hoạt động này giúp HS thấy kiến thức cần học có ý nghĩa thực tế. Ngoài việc thực hành ngay kiến thức đã học, các em còn có điều kiện rèn nhiều kỹ năng: Hoạt động nhóm, giao tiếp, biết đặt mục tiêu, ra quyết định, giải quyết vấn đề... Tuy vậy hạn chế của DH dựa trên dự án là nội dung dạy học phải gắn với thực tiễn (mà không phải nội dung nào trong CT học cũng có thể gắn với thực tiễn), mất nhiều thời gian, đòi hỏi tính chủ động cao của HS, đòi hỏi GV phải là người nắm chắc vấn đề, biết cách tổ chức hoạt động và linh hoạt theo tình huống thực tế,... Vì vậy, GV cần phải rất cân nhắc khi muốn sử dụng DH dựa trên dự án trong lớp học của mình.

3.3. Quy trình lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học bài học

3.3.1. Xác định mục tiêu dạy học

Khi dạy học thì GV cần phải xác định được mục tiêu dạy học. Mục tiêu dạy học được xác định như sau:

- Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn, cụ thể là phân mô tả chi tiết các YCCĐ của cấp lớp mà GV đang dạy, GV sẽ xác định các YCCĐ tương ứng với bài học sẽ dạy. Ví dụ GV định dạy bài về truyền thuyết ở lớp 6 thì sẽ chọn các YCCĐ liên quan đến truyền thuyết.

- GV xác định ngữ liệu phù hợp để có thể khai thác, dạy các YCCĐ ở trên. Ví dụ như để dạy các YCCĐ về truyền thuyết ở lớp 6 thì GV có thể chọn ngữ liệu là truyền thuyết Thánh Gióng.

- Dựa trên các YCCĐ đã xác định và ngữ liệu đã chọn, GV sẽ xác định các NL chung và PC chủ yếu có liên quan, có thể khai thác trên ngữ liệu đã chọn.

- Những đánh giá của GV về PC, NL của HS cũng như các kiến thức nền liên quan đến bài học mà các em đã có sẵn cũng rất quan trọng vì dựa trên các đánh giá này mà GV có thể điều chỉnh tăng mức độ các YCCĐ của bài học. Lưu ý là các YCCĐ của CT quy định là mức tối thiểu theo mặt bằng chung nhưng đối với từng lớp cụ thể GV có thể xác định ở mức cao hơn (thường là vậy) hoặc cũng có thể thấp hơn (nếu HS trong lớp của GV đang dạy chưa đạt trình độ như quy định trong CT). Với những trường hợp thấp hơn thì GV cần có chiến lược dạy học để đến cuối năm các HS có thể đạt mức theo quy định.

- Thời lượng cho bài học cũng có thể là một căn cứ để GV tính toán chọn những YCCĐ nào cho bài học, nhất là với những YCCĐ có thể được dạy lặp đi lặp lại ở nhiều bài thì GV cần tính toán thời lượng để sắp xếp bài nào sẽ dạy chính còn bài nào sẽ là hỗ trợ luyện tập, bổ sung.

Sau các bước trên, GV sẽ xác định được mục tiêu dạy học cho bài học cụ thể.

3.3.2. Lựa chọn và xây dựng nội dung dạy học

Sau khi đã xác định được mục tiêu dạy học thì GV cần lựa chọn nội dung dạy học để đáp ứng mục tiêu đã xác định. Tài liệu CTGDPT môn Ngữ văn cũng đã có quy định những nội dung dạy học tương ứng với các YCCĐ. Ví dụ, tương ứng với các YCCĐ về truyền thuyết thì cũng có các nội dung dạy học về truyền thuyết quy định trong CT lớp 6. Tuy nhiên, CT được xây dựng theo hướng mở nên các nội dung dạy học được quy định trong CT mang tính khái quát, không chi tiết. Vì thế, GV sẽ cần chủ động vừa căn cứ vào các nội dung khái quát đó vừa

căn cứ vào các YCCĐ liên quan để xây dựng nội dung dạy học cụ thể, chi tiết. Ngữ liệu được chọn cần đảm bảo phù hợp để khai thác được đầy đủ các nội dung này.

Ví dụ với việc dạy bài truyền thuyết ở lớp 6, GV có thể dựa trên các YCCĐ về hình thức thể loại truyền thuyết đã quy định trong CT như Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật; Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật. Dựa vào một số YCCĐ về đọc hiểu nội dung, liên hệ, so sánh mở rộng phù hợp với thể loại truyền thuyết như Nêu được ấn tượng chung về VB; Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm; Nhận biết được chủ đề của VB; Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn; Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra. Đồng thời dựa vào các nội dung dạy học thể loại truyền thuyết cũng đã quy định trong CT gồm: Chủ đề của VB, tình cảm cảm xúc của người viết, các yếu tố cốt truyện, nhân vật trong truyền thuyết. Từ đó, GV sẽ có thể xây dựng được các nội dung dạy học chi tiết như:

1. *Tìm hiểu cốt truyện*

2. *Tìm hiểu nhân vật*

3. *Tìm hiểu chủ đề*

4. *Luyện tập những vấn đề trọng tâm của tác phẩm*

5. *Liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp dân gian gửi gắm trong tác phẩm.*

6. *Liên hệ mở rộng với các tác phẩm khác để củng cố, hệ thống hóa kiến thức*

Phần xác định mục tiêu cũng như lựa chọn và xây dựng nội dung dạy học sẽ được trình bày chi tiết thêm ở mô đun 4.

3.3.3. Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật và phương tiện dạy học

Sau khi GV đã xác định mục tiêu cũng như lựa chọn và xây dựng được nội dung dạy học, GV sẽ cần lựa chọn PP, KTDH phù hợp để có thể tổ chức dạy học đạt các yêu cầu trên. Việc lựa chọn các PP, KTDH phụ thuộc vào các cơ sở lựa chọn như đã trình bày ở mục 3.2 ở trên. GV có thể tham khảo thêm nội dung 2 để lựa chọn được các PP, KTDH phù hợp cho việc dạy đọc, dạy viết, dạy nói và nghe hay dạy tiếng Việt.

Ứng với các PP, KTDH đã được lựa chọn, GV sẽ xác định được các thiết bị, phương tiện dạy học cần dùng. GV có thể sử dụng bảng sau để thể hiện mối liên hệ giữa mục tiêu – nội dung – PP, KTDH – phương tiện dạy học trong một bài dạy cụ thể.

Mục tiêu	Nội dung	PP, KTDH	Phương tiện dạy học

Ví dụ, dưới đây là bảng thể hiện mối liên hệ giữa mục tiêu – nội dung – PP, KTDH – phương tiện dạy học ứng với một nội dung dạy học của bài dạy về truyền thuyết ở lớp 6.

Mục tiêu	Nội dung	PP, KTDH	Phương tiện dạy học
Nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật.	Yếu tố của truyền thuyết: Nhân vật. - Tìm hiểu nhân vật: + Hình dáng + Cử chỉ, hành động + Ngôn ngữ	Dạy học hợp tác Kỹ thuật khăn trải bàn	Phiếu học tập

3.3.4. Thiết kế chuỗi hoạt động học

Tiến trình dạy học bài học được tổ chức thành các hoạt động học của HS để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà. Mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình dạy học. Thông thường, việc dạy học một bài học bao gồm các hoạt động chính như sau:

- Hoạt động khởi động, khơi gợi, bổ sung kiến thức nền
- Hoạt động khám phá kiến thức mới
- Hoạt động luyện tập
- Hoạt động vận dụng
- Hoạt động mở rộng

Trong đó, một vài hoạt động cũng có thể được gộp lại cho gọn. Ví dụ hoạt động vận dụng có thể gộp chung vào hoạt động luyện tập hoặc cũng có thể gộp chung với hoạt động mở rộng.

- Hoạt động 1: Khởi động, khơi gợi kiến thức nền

Mục đích của hoạt động này là giúp cho HS có hứng thú tham gia học tập và kích hoạt các tri thức nền sẵn có, giúp HS chuẩn bị tốt cho việc học tiếp theo. Ở hoạt động này, GV khởi động bài học bằng nhiệm vụ, tình huống nhận thức thực tiễn, các KTDH phù hợp để HS huy động kiến thức, kinh nghiệm đã có để xác định vấn đề chính cần giải quyết, thiết lập được quan hệ giữa kiến thức đã có với kiến thức, kỹ năng mới, chưa biết để định hướng tìm tòi, khám phá. Với môn Ngữ văn, GV có thể cho HS xem tranh, xem phim, nghe truyện hay dùng các tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ gắn gũi với kinh nghiệm sống của các em. Ví dụ, với bài học về truyện đồng thoại khai thác trên ngữ liệu trích từ *Đế Mèn phiêu lưu kí*, GV có thể khởi động bằng việc cho HS trao đổi về những điều các em đã biết và muốn biết về tác phẩm này. Qua đó, GV nêu thêm các câu hỏi hỗ trợ dựa trên quy luật vùng phát triển gần nhất của Vygotsky để hướng các em xác định mục tiêu của bài học.

- Hoạt động 2: Khám phá kiến thức mới

Tùy theo mức độ phức tạp của kiến thức và thời gian phân bổ cho hoạt động này mà GV có thể tổ chức thành một chuỗi các hoạt động nhỏ sử dụng những PP, KTDH khác nhau với sự hỗ trợ của các kênh thông tin khác nhau (kênh chữ, kênh hình, kênh âm thanh). Cần lưu ý là

trong hoạt động này, GV luôn phải căn cứ vào YCCĐ về PC, NL đã xác định ở trên để tổ chức chuỗi các hoạt động phù hợp. Không có hoạt động nào mà không hướng đến việc giúp HS hình thành, phát triển các PC, NL đã xác định. GV cũng lưu ý việc đánh giá quá trình trong quá trình tổ chức hoạt động để đảm bảo thu thập được các thông tin phản hồi từ HS và có những bổ sung, điều chỉnh phù hợp.

Ví dụ, khi dạy về truyền thuyết ở lớp 6 qua ngữ liệu đọc truyền thuyết *Thánh Gióng*, với mục tiêu giúp HS *nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, hành động, ngôn ngữ của nhân vật*, GV có thể dùng hình thức dạy học hợp tác để cho HS thảo luận trong nhóm nhỏ hoàn thành phiếu học tập sau:

Phiếu học tập theo nhóm LIỆT KÊ NHỮNG YẾU TỐ VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG			
Yếu tố	Dẫn chứng		
	Ấu thơ – Trưởng thành	Trong cuộc chiến	Sau cuộc chiến
Hình dáng			
Lời nói			
Hành động			
1. Những chi tiết tiêu biểu nào đã khiến nhân vật Gióng thêm ấn tượng với em? Vì sao? 2. Khi nói đến nhân vật truyền thuyết, theo em, chúng ta cần phải quan tâm đến những yếu tố nào?			

Việc chọn hình thức Dạy học hợp tác để HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập như trên sẽ tạo điều kiện cho HS tự đọc VB và khám phá kiến thức, chọn lọc được những dẫn chứng tiêu biểu để từ đó biết cách phân tích nhân vật.

- Hoạt động 3: Luyện tập

Trong hoạt động này, GV tổ chức luyện tập bằng cách cho HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các bài tập, trò chơi... Qua đó, HS luyện tập để giải quyết các vấn đề yêu cầu kết nối, sắp xếp, khái quát lại các kiến thức, kỹ năng đã học, giúp các em hiểu và nhớ sâu hơn.

Ví dụ, khi dạy về truyền thuyết qua ngữ liệu đọc truyền thuyết *Thánh Gióng*, với mục tiêu tổng kết những vấn đề trọng tâm của tác phẩm, hướng đến khắc sâu YCCĐ là *Nhận biết được chủ đề của VB và Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật*, GV có thể sử dụng dạy học hợp tác và kỹ thuật sơ đồ tư duy. Lựa chọn này phù hợp với HS lớp 6, tạo điều kiện cho các em hợp tác trao đổi tổng kết lại những điều đã được khám phá về bài học trước đó, chốt lại một cách ngắn gọn và hình ảnh để cô đọng, dễ nhớ, dễ hiểu. Nội dung cần chốt cũng gọn, phù hợp với việc sử dụng Sơ đồ tư duy.

- Hoạt động 4: Vận dụng

Trong hoạt động này, GV tổ chức cho HS vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đòi hỏi vận dụng cao. HS có thể thực hiện hoạt động này trên

lớp, ngoài lớp, ở nhà hoặc cộng đồng. Tùy theo tính chất, GV cũng có thể lồng ghép hoạt động vận dụng vào hoạt động luyện tập ở trên hay hoạt động mở rộng. Ví dụ với bài dạy truyền thuyết qua ngữ liệu đọc *Thánh Gióng*, GV có thể liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp dân gian gửi gắm trong tác phẩm, làm cho HS cảm thấy gần gũi hơn và thấy rõ ý nghĩa của tác phẩm vẫn ảnh hưởng đến đời sống hiện đại bằng cách tạo tình huống có vấn đề qua một video clip và câu hỏi nêu vấn đề *Theo em, vì sao hội thi thể dục thể thao trong nhà trường phổ thông lại có tên gọi là Hội khỏe Phù Đổng?* Hệ thống câu hỏi gợi mở giải quyết vấn đề có thể bao gồm:

(1) Chữ “*Phù Đổng*” gợi cho em đến điều gì đã được ghi lại trong truyện truyền thuyết *Thánh Gióng* vừa học?

(2) Nhân vật *Thánh Gióng* có đặc điểm gì liên quan đến tên gọi cuộc thi trên?

(3) Qua nhân vật *Thánh Gióng*, nhân dân đã thể hiện quan niệm và ước mơ gì về người anh hùng?

(4) Em rút ra bài học gì từ truyện truyền thuyết *Thánh Gióng* vừa học?

(5) Từ bài học ấy, em hiểu ý nghĩa của tên gọi *Hội khỏe Phù Đổng* của hội thi thể dục thể thao trong nhà trường phổ thông như thế nào?

Dạy học giải quyết vấn đề được chọn sử dụng trong trường hợp này là phù hợp, đáp ứng mục tiêu vừa giúp HS có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương và nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.

- Hoạt động 5: Mở rộng

Trong hoạt động này, GV khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức về VB đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá. Để thực hiện hoạt động này, GV có thể giao cho HS những nhiệm vụ nhằm mở rộng kiến thức và cung cấp cho HS nguồn sách và tài liệu tham khảo để HS tìm đọc thêm hoặc hướng dẫn các em cách tìm đọc những nguồn tài liệu khác.

Ví dụ với bài dạy truyền thuyết qua ngữ liệu đọc *Thánh Gióng*, GV có thể cho HS chơi trò chơi “Nhanh hơn – nhiều hơn”: Liệt kê những truyền thuyết tương tự với truyện *Thánh Gióng*. Điều này không những làm cho giờ học sinh động, HS hứng thú mà còn đạt mục tiêu giúp HS đọc mở rộng 1 – 3 truyền thuyết với dung lượng tương đương VB học chính thức. Sau khi chơi trò chơi trên lớp, GV có thể khuyến khích các em về tìm đọc những truyền thuyết đã được nhắc đến trong trò chơi nếu các em chưa đọc.

Như vậy, tiến trình tổ chức hoạt động dạy học phải được thiết kế khoa học theo hướng tiếp cận, hình thành và phát triển PC, NL HS. Các PP, KTDH được sử dụng cần phải đúng cách, hướng đến giúp HS đạt YCCĐ đặt ra. Để đạt được điều này, mỗi hoạt động dạy học cần phải được thiết kế đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có mục tiêu rõ ràng. Mục tiêu này là các YCCĐ của bài học đã xác định ở phần trên.
- Có dự kiến thời gian thực hiện đảm bảo tính khả thi của hoạt động.

- Có mô tả rõ các hướng dẫn của GV và các hoạt động học của HS, đảm bảo có sự tương tác giữa GV - HS, HS - HS.

- Có nguồn học liệu, thiết bị, phương tiện mà GV, HS sử dụng để thực hiện hoạt động.

- Có sản phẩm cụ thể.

- Có cách thức/công cụ đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của hoạt động.

Cách trình bày tiến trình hoạt động có thể linh hoạt theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo thể hiện rõ các yêu cầu trên. Ví dụ, có thể trình bày các hoạt động học như dưới đây:

Hoạt động 1: [Tên hoạt động] (Thời gian dự kiến)

1. Mục tiêu:

Liệt kê các mục tiêu của hoạt động học. Trong đó, các mục tiêu của hoạt động học này phải thuộc các mục tiêu đã đặt ra cho bài học.

2. Tổ chức hoạt động

Liệt kê rõ các hướng dẫn, câu lệnh GV đặt ra cho HS. Nêu rõ nguồn học liệu, phương tiện dạy học sẽ sử dụng. Thường bao gồm các bước:

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS và GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Trong đó: GV cần dự kiến sản phẩm học tập của HS và cách đánh giá. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (thông qua các sản phẩm học tập) chính là đánh giá mức độ HS đáp ứng mục tiêu của hoạt động học.

Ví dụ

Khi dạy về truyền thuyết ở lớp 6 qua ngữ liệu đọc truyền thuyết *Thánh Gióng*, với mục tiêu tổng kết những vấn đề trọng tâm của tác phẩm, hướng đến khắc sâu YCCĐ là *Nhận biết được chủ đề của VB và Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật*, GV có thể thiết kế hoạt động Luyện tập như sau:

Hoạt động luyện tập: Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của truyện truyền thuyết (20p).

1. *Mục tiêu:* Hướng đến YCCĐ Nhận biết được chủ đề của VB; Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật.

2. *Tổ chức hoạt động:*

- *Chuẩn bị*

+ GV tổ chức lớp theo nhóm nhỏ 5-6HS/ nhóm.

+ GV chuẩn bị giấy A1

+ GV chuẩn bị rubric đánh giá kết quả

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: GV yêu cầu nhóm HS dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm và ghi vào giấy A1.

- *Thực hiện nhiệm vụ học tập*:

+ HS tổng hợp phần tìm hiểu về đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm bằng sơ đồ tư duy

+ GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách dùng từ khóa, hình ảnh...)

- *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*:

+ GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả.

+ GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và tự nhận xét về nhóm mình.

+ GV hướng dẫn để HS bổ sung, chốt các ý như sau:

* Chủ đề: Ngợi ca, tôn vinh những người anh hùng.

. Yêu nước

. Dũng cảm

. Không màng danh lợi

* Cốt truyện:

. Liên quan đến sự kiện lịch sử có thật: thời Hùng Vương thứ 6 và cuộc chiến chống giặc Ân xâm lược.

. Chứa đựng yếu tố thần kì và tái hiện cuộc đời của người anh hùng (đặc biệt là quá trình làm nên thành quả/ chiến công): ra đời kì lạ – chiến công lẫy lừng – về trời.

* Nhân vật:

. Ngôn ngữ, lời nói: rất ấn tượng, lạ.

. Ngoại hình: có sự phát triển thần kì, đặc biệt.

. Hành động: dũng cảm phi thường.

-> Gây ấn tượng với những chi tiết thần kì: vươn vai thành khổng lồ, ngựa sắt phun lửa, cưỡi ngựa bay về trời.

- *Đánh giá kết quả học tập*

Dựa trên rubric 1, GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của nhóm.

3.4. Đánh giá việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học cho một bài học trong môn Ngữ văn

Có thể đánh giá hoạt động dạy học phát triển PC, NL HS dựa trên tiêu chí đánh giá bài học được đề cập trong công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH (về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng). Các tiêu chí này được dùng để đánh giá bài học khi triển khai sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, từ khâu xây dựng kế hoạch và tài liệu dạy học, thực hiện – dự giờ, đến khâu cuối là đánh giá bài học sau dự giờ và cải tiến bài học.

Nội dung	Tiêu chí
1. Kế hoạch và tài liệu dạy học	Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với <i>mục tiêu, nội dung và PPDH</i> được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của <i>mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt</i> được của mỗi nhiệm vụ học tập .
	Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS.
	Mức độ hợp lí của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.
2. Tổ chức hoạt động học cho HS	Mức độ sinh động, hấp dẫn HS của PP và hình thức <i>chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> .
	Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của HS.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS.
3. Hoạt động của HS	Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp.
	Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>tham gia tích cực</i> của HS trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Trong đó, để đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH được trình bày trong một KHBD cụ thể, cần tập trung vào 4 tiêu chí trong nội dung 1.

(1) Tiêu chí 1: Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng

Chuỗi hoạt động học của HS bao gồm nhiều hoạt động học cụ thể được xây dựng một cách tuần tự nhằm đạt được mục tiêu dạy học đã được xác định trong KHBD, bao gồm cả mục tiêu về NL đặc thù cũng như PC chủ yếu và NL chung. Thông thường, hoạt động học được thiết kế dựa trên nền tảng về PPDH và cần đảm bảo các đặc trưng của PP đó. Điều quan trọng là các PP phải có sự đáp ứng tốt đối với mục tiêu dạy học và nội dung dạy học bài học.

Để đánh giá sự lựa chọn các PP, KTDH trong chuỗi hoạt động học, có thể đặt ra một số câu hỏi để xem xét sự phù hợp của PP, KTDH trong chuỗi hoạt động học như sau:

☒ Mục tiêu dạy học bài học có được mô tả rõ ràng không?

☒ Các hoạt động học có mục tiêu cụ thể không? Các mục tiêu của hoạt động học có phải là thành phần của các mục tiêu dạy học bài học không?

☒ Các hoạt động học đáp ứng nội dung dạy học không?

☒ Các PP và KTDH có được lựa chọn phù hợp với nội dung dạy học và mục tiêu của từng hoạt động học và mục tiêu dạy học bài học không?

Ví dụ

Theo tiêu chí này thì chuỗi hoạt động học mà GV thiết kế cho HS tham gia cần bao gồm những hoạt động học cụ thể được xây dựng một cách trình tự và phù hợp với mục tiêu, nội dung và PPDH. Như vậy, có thể thấy từ góc độ PP, KTDH thì các PP, KTDH phải phù hợp với mục tiêu, nội dung dạy học, tạo thành chuỗi hoạt động học dưới hình thức các nhiệm vụ học tập theo tiến trình: chuẩn bị → chuyển giao nhiệm vụ → thực hiện nhiệm vụ → báo cáo kết quả → Đánh giá kết quả. Ví dụ ở bài dạy về thể loại truyền thuyết qua ngữ liệu đọc Thánh Gióng ở lớp 6, khi GV dạy nội dung *tìm hiểu nhân vật Thánh Gióng trên các phương diện: ngôn ngữ, ngoại hình và hành động* nhằm mục tiêu giúp HS *Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật* nếu GV dùng PP thuyết trình (thuyết giảng) thì có thể phù hợp với nội dung nhưng sẽ không phù hợp mục tiêu vì HS chỉ nghe GV thuyết giảng sẽ khó phát triển NL *Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật*. Trong trường hợp này, nếu GV dùng Dạy học hợp tác để HS tìm các dẫn chứng về *ngôn ngữ, ngoại hình và hành động* của nhân vật và thảo luận trao đổi, phân tích để rút ra các đặc điểm của nhân vật truyền thuyết thì sẽ phù hợp hơn.

Tiêu chí 2: Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập

Tiêu chí này nhấn mạnh về việc vận dụng các KTDH, là những phương thức để tổ chức hiệu quả mỗi hoạt động học, trong đó HS thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể. Cần lưu ý mỗi hoạt động học cần có mục tiêu dạy học cụ thể, rõ ràng. Thông qua các KTDH GV áp dụng, HS chủ động, tích cực tham gia hoạt động để hoàn thành sản phẩm học tập, là minh chứng về kết quả của NL và PC HS. Các sản phẩm học tập này có thể là câu trả lời, bài kiểm tra, nhật kí

học tập, phiếu học tập, bảng kết quả thảo luận nhóm, ... Sản phẩm học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng đúng mục tiêu dạy học kết hợp chặt chẽ với nội dung, PP, KTDH.

Có thể đặt ra một số câu hỏi để xác định sự phù hợp của PP, KTDH cho mỗi hoạt động học như sau:

- ☒ Mục tiêu hoạt động học có được mô tả rõ ràng không?
- ☒ Yêu cầu về sản phẩm học tập có được mô tả rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của hoạt động học không?
- ☒ Phương thức hoàn thành sản phẩm trong nhiệm vụ học tập có được mô tả rõ ràng, phù hợp và hiệu quả đối với sản phẩm học tập không?
- ☒ Phương thức hoàn thành sản phẩm trong nhiệm vụ học tập có được mô tả rõ ràng, phù hợp với các đối tượng HS không?

Ví dụ

Khi GV sử dụng dạy học hợp tác thì GV sẽ phải mô tả tường minh, rõ ràng cách thức sử dụng và sản phẩm học tập. Chẳng hạn GV có thể xác định sẽ sử dụng Dạy học hợp tác kết hợp với Kỹ thuật sơ đồ tư duy nhằm giúp HS thảo luận và tạo được sản phẩm là *một sơ đồ tư duy khái quát được các đặc điểm về chủ đề, cốt truyện và nhân vật của truyền thuyết*. Cách thức tổ chức cần chi tiết, chẳng hạn:

- **Chuẩn bị:** GV chia mỗi nhóm có khoảng từ 4-6 HS, phân công công việc cho các thành viên nhóm để đảm bảo mọi HS đều có cơ hội tham gia; chuẩn bị giấy A1, rubric đánh giá kết quả.

- **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu các nhóm HS từ truyền thuyết Thánh Gióng khái quát lên những đặc điểm của thể loại truyền thuyết và thể hiện dưới dạng sơ đồ tư duy trên giấy A1.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hợp tác làm việc theo nhóm. Trong khi các nhóm làm việc, GV quan sát, hướng dẫn HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (cách dùng nhánh, nét thể hiện ý chính, ý phụ, cách chọn từ khóa, hình ảnh,...), hỗ trợ khuyến khích các HS chưa chủ động tham gia.

- **Trình bày kết quả:** GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả; tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau; bổ sung, chốt các ý.

- **Đánh giá:** Dựa trên các góp ý, GV hướng dẫn các nhóm còn lại tự nhận xét sản phẩm của nhóm mình và tự rút ra những gì cần điều chỉnh, bổ sung cho tốt hơn.

Tiêu chí 3: Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS

Tiêu chí này nhấn mạnh việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và học liệu trong hoạt động học. Cần áp dụng các KTDH tích cực để HS sử dụng phương tiện, học liệu một cách hiệu quả để hoàn thành sản phẩm học tập.

Có thể đặt ra một số câu hỏi sau để xem xét sự phù hợp của thiết bị dạy học phù hợp với PP, KTDH đã lựa chọn như sau:

- ☒ Thiết bị dạy học và học liệu có phù hợp với sản phẩm học tập không?
- ☒ Thiết bị dạy học và học liệu có phù hợp với cách thức HS hoạt động không?
- ☒ Việc sử dụng thiết bị dạy học và học liệu có được mô tả cụ thể, rõ ràng và phù hợp với kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng không?

Ví dụ

Khi dạy nội dung *tìm hiểu nhân vật Thánh Gióng trên các phương diện: ngôn ngữ, ngoại hình và hành động* nhằm mục tiêu giúp HS *Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật* như đã nêu ở trên, việc GV thiết kế nhiệm vụ học tập trên phiếu học tập cho HS hợp tác thảo luận thực hiện như trên có thể đánh giá là phù hợp vì nhiệm vụ học tập này có nhiều chi tiết khiến HS không thể nhớ nếu GV chỉ giao nhiệm vụ bằng lời. Tuy nhiên, nếu lớp học có máy chiếu, thì nếu GV không in phiếu học tập mà chỉ chiếu nội dung phiếu học tập lên bảng (vì các nhóm thực hiện nhiệm vụ như nhau) sẽ được coi là phù hợp hơn. Trong trường hợp không có máy chiếu, sau khi giao nhiệm vụ bằng lời, GV cũng có thể ghi lại trên bảng để HS tiện theo dõi. Việc này sẽ là phù hợp nếu nội dung nhiệm vụ không quá dài và GV có thể ghi nhanh xong để còn đủ thời gian cho HS thực hiện nhiệm vụ.

Tiêu chí 4: Mức độ hợp lý của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.

Tiêu chí này nhấn mạnh về phương án kiểm tra đánh giá trong mỗi hoạt động học của tiến trình dạy học. Các công cụ đánh giá cần phù hợp với PP, KTDH đã lựa chọn, không chỉ là các công cụ đánh giá sản phẩm học tập ở cuối hoạt động học, mà còn các tiêu chí đánh giá sự tham gia hoạt động của HS, bao gồm cả đánh giá về mức độ đạt được về phẩm chất và năng lực đã đặt ra trong mục tiêu.

Có thể đặt ra một số câu hỏi để xác định sự phù hợp của phương án kiểm tra đánh giá như sau:

- ☒ Phương thức đánh giá sản phẩm học tập có được mô tả không?
- ☒ Phương án kiểm tra đánh giá hoạt động học tập và sản phẩm học tập có được mô tả rõ, bao gồm các tiêu chí cần đạt không?
- ☒ Phương án kiểm tra đánh giá có phù hợp với sản phẩm học tập thông qua các hoạt động học có vận dụng PP và KTDH đã lựa chọn không?

Ví dụ

Với hoạt động hợp tác để thực hiện sản phẩm sơ đồ tư duy nhằm mục tiêu giúp HS *Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật* như đã nêu ở trên, nếu GV không có phương án đánh giá nêu trong KHBD thì chưa đạt. Nếu phương án đánh giá chỉ là đánh giá hoạt động của HS thì cũng chưa hợp lý. Nếu chỉ nói chung chung là đánh giá sản phẩm HS thì cũng chưa hợp lý. Trong trường hợp cụ thể

này, GV cần xây dựng rubric đánh giá sản phẩm của HS mà cụ thể ở đây là sơ đồ tư duy HS tạo ra. Trong rubric cần có các mức độ cụ thể. Ví dụ như sau:

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Phần thông tin	HS chỉ nêu 1/3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.	HS chỉ nêu 2/3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.	HS nêu được 3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.
Phần hình thức	Sơ đồ của HS chưa có sự thể hiện ý lớn, nhỏ, chưa biết dùng từ khóa, hình ảnh phù hợp.	Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Vài từ khóa, hình ảnh chưa phù hợp.	Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Từ khóa, hình ảnh phù hợp.
HS tự nhận xét được những ưu và nhược điểm của sản phẩm nhóm.			

Ngoài việc đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH thể hiện trong KHBD, GV cũng cần lưu ý đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH thể hiện trong quá trình *tổ chức dạy học trên lớp*. GV có thể vận dụng 8 tiêu chí còn lại trong bảng tiêu chí được giới thiệu trong *Công văn 5555/BGDDT-GDTrH*, trong đó nhấn mạnh sự tích cực, chủ động sáng tạo và hiệu quả của HS, việc sử dụng phù hợp các PP và KTDH chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hỗ trợ, đánh giá HS phù hợp. Có thể sử dụng một số câu hỏi cần đặt ra khi đánh giá về tính hiệu quả của việc sử dụng PP, KTDH trong hoạt động học như sau:

Hoạt động học của HS	Hoạt động của GV
☒ Có phải tất cả HS đều tiếp nhận đầy đủ và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập? ☒ HS có tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập? ☒ HS có tích cực trình bày, trao đổi, thảo luận ☒ Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS có chính xác và phù hợp?	☒ Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập có hấp dẫn không? ☒ GV có theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của HS? ☒ GV có phương án hỗ trợ và khuyến khích HS trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ không? ☒ GV có tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS hiệu quả không?

Như vậy, có thể đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học cụ thể thông qua 12 tiêu chí của *Công văn 5555/BGDDT-GDTrH*. Việc đảm bảo đánh giá đầy đủ theo các tiêu chí sẽ giúp GV nhận thức phù hợp trong việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH, từ đó có những sự lựa chọn chính xác, sử dụng hiệu quả hơn các PP, KTDH nhằm phát triển PC, NL HS.

CÂU HỎI, BÀI TẬP

1. Trình bày các cơ sở để lựa chọn, sử dụng PP, KTDH phát triển PC, NL HS trong môn Ngữ văn.
2. Trình bày quy trình lựa chọn, sử dụng PP, KTDH phát triển PC, NL HS trong một bài học của môn Ngữ văn.
3. Nêu và giải thích các tiêu chí đánh giá việc lựa chọn, sử dụng PP, KTDH cho một bài học cụ thể trong môn Ngữ văn.
4. Phân tích cách lựa chọn, sử dụng PP, KTDH để đáp ứng các YCCĐ cụ thể trong KHBD minh họa.
5. Thực hành lựa chọn, sử dụng PP, KTDH để thiết kế một hoạt động dạy học đáp ứng một (hoặc một số) YCCĐ trong một bài học cụ thể.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ
KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI HỌC: TRUYỀN THUYẾT
 (Ngữ liệu: *Thánh Gióng*)
Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	STT của YCCĐ
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ (ĐỌC)		
NĂNG LỰC ĐỌC	Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm.	(1)
	Nhận biết được chủ đề của văn bản.	(2)
	Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.	(3)
	Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật	(4)
	Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật.	(5)
	Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	(6)
	Đọc mở rộng 1 – 3 truyện truyền thuyết với dung lượng tương đương VB học chính thức.	(7)
NĂNG LỰC CHUNG		
TỰ CHỦ VÀ TỰ HỌC	Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý.	(8)
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU		
YÊU NƯỚC	Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương.	(9)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học:** máy chiếu, micro, bảng, phấn, giấy A0, giấy A4, bút lông.
- Học liệu:** ngữ liệu đọc, hình ảnh về truyền thuyết Thánh Gióng và Hội khoả Phù Đồng, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (thời gian)	Mục tiêu (Số thứ tự YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/ KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
Hoạt động 1 Khởi động (5p)	(1) Kích hoạt kiến thức nền; nêu được ấn tượng chung về văn bản.	Giới thiệu hình ảnh về truyền thuyết Thánh Gióng	Trực quan Đàm thoại gợi mở Kỹ thuật KWL	GV sử dụng rubric đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.
Hoạt động 2 Khám phá kiến thức (45p)	- (1) Nêu được ấn tượng chung về văn bản (<i>truyện truyền thuyết về anh hùng chống giặc ngoại xâm</i>); nhận biết được các chi tiết tiêu biểu (<i>Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc, bay về trời sau chiến thắng</i>) trong tính chỉnh thể tác phẩm. - (2) Nhận biết được chủ đề của văn bản (<i>ngợi ca người anh hùng chống giặc ngoại xâm</i>). - (3) Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. (4) Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện <i>liên quan đến lịch sử</i>, nhân vật <i>anh hùng chống giặc ngoại xâm</i>. - (5) Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng <i>kì lạ</i>, cử chỉ, hành động <i>phi thường</i> (<i>một mình đánh tan quân giặc</i>), lời nói <i>đặc biệt</i> (<i>phát ngôn đầu tiên là câu nói đòi giết giặc</i>) của nhân vật.	1.Tìm hiểu cốt truyện 2.Tìm hiểu nhân vật Thánh Gióng 3.Tìm hiểu chủ đề	Dạy học hợp tác Đàm thoại gợi mở	GV sử dụng rubric đánh giá trực tiếp phần phát biểu và phiếu học tập của HS.

Hoạt động 3 Luyện tập (20p)	- (2) Nhận biết được chủ đề (<i>ngợi ca người anh hùng chống giặc ngoại xâm</i>) của văn bản. - (4) Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện <i>liên quan đến lịch sử</i>, nhân vật <i>có hành động, phi thường, hình dáng, ngôn ngữ kì lạ, có yếu tố kì ảo</i>. - (8) Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý.	Khái quát những vấn đề trọng tâm của tác phẩm	Dạy học hợp tác Kĩ thuật sơ đồ tư duy	HS tự đánh giá sơ đồ tư duy dưới sự hướng dẫn của GV
Hoạt động 4 Vận dụng (15p)	- (6) Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra (<i>phải biết trân trọng những thế hệ trước đã hi sinh cho đất nước, cần cống hiến vô tư với cho đất nước bằng những việc làm cụ thể</i>). - (9) Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương (<i>truyền thống yêu nước, khỏe vì nước của dân tộc</i>).	Liên hệ với thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp dân gian gửi gắm trong tác phẩm.	Dạy học giải quyết vấn đề	GV sử dụng rubric đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.
Hoạt động 5 Mở rộng (10p)	(7) Đọc mở rộng 1- 3 truyện thuyết <i>anh hùng chống giặc ngoại xâm</i> với dung lượng tương đương VB học chính thức.	Liên hệ mở rộng với các tác phẩm khác để củng cố, hệ thống hóa kiến thức trong CT.	Trò chơi	GV sử dụng rubric đánh giá trực tiếp phiếu học tập của HS.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG (5p)

Hoạt động 2. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC (45p)

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP (20p)

1. Mục tiêu: (2), (4), (8)

2. Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu các nhóm HS (4-5 HS) dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt những **đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm** và ghi vào giấy A0.

Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- HS tổng hợp phần tìm hiểu về **đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm** bằng sơ đồ tư duy
- GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách dùng từ khóa, biểu tượng, ...)

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

- GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả
- GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và tự nhận xét
- GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý như sau:

❖ Chủ đề: Ngợi ca, tôn vinh những người anh hùng

- Yêu nước
- Dũng cảm
- Không màng danh lợi

❖ Cốt truyện:

- **Liên quan đến sự kiện lịch sử có thật:** thời Hùng Vương thứ 6 và cuộc chiến chống giặc Ân xâm lược

- **Chứa đựng yếu tố thần kì và tái hiện cuộc đời của người anh hùng (đặc biệt là quá trình làm nên thành quả/ chiến công):** ra đời kì lạ – chiến công lẫy lừng – về trời

❖ Nhân vật:

- **Ngôn ngữ, lời nói:** rất ấn tượng, lạ
- **Ngoại hình:** có sự phát triển thần kì, đặc biệt
- **Hành động:** dũng cảm phi thường

→ **Gây ấn tượng với những chi tiết thần kì:** vươn vai thành khổng lồ, ngựa sắt phun lửa, cưỡi ngựa bay về trời

- Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV lưu ý HS về cách vẽ sơ đồ tư duy.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của nhóm dựa trên rubric 1

3. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy

4. Phương án đánh giá: HS tự đánh giá sơ đồ tư duy dưới sự hướng dẫn của GV.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG (15p)

1. Mục tiêu: (6), (9)

2. Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV trình chiếu một số hình ảnh về Hội khỏe Phù Đổng và nêu câu hỏi đặt vấn đề:

Theo em, vì sao hội thi thể dục thể thao trong nhà trường lại có tên gọi là Hội khỏe Phù Đổng?

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS giải quyết vấn đề.

(1) Chữ “Phù Đổng” gợi cho em đến điều gì đã được ghi lại trong truyện truyền thuyết Thánh Gióng vừa học?

(2) Nhân vật Thánh Gióng có đặc điểm gì liên quan đến tên gọi cuộc thi trên?

(3) Qua nhân vật Thánh Gióng, nhân dân đã thể hiện quan niệm và ước mơ gì về người anh hùng?

(4) Em rút ra bài học gì từ truyện truyền thuyết Thánh Gióng vừa học?

(5) Từ bài học ấy, em hiểu ý nghĩa của tên gọi **Hội khỏe Phù Đổng** của hội thi thể dục thể thao trong nhà trường như thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS giơ tay phát biểu trả lời các câu hỏi gợi ý, từ đó rút ra được ý nghĩa của hội thi

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt ý: Lí do **hội thi thể thao trong nhà trường lại mang tên là Hội khỏe Phù Đổng** là:

- Gợi nhắc đến nhân vật anh hùng Thánh Gióng trong truyền thuyết.
- Lấy sức mạnh phi thường và chiến công lừng lẫy của Thánh Gióng như một tấm gương để thế hệ sau nỗ lực phấn đấu.
- Thể hiện sự mong mỏi thế hệ trẻ tiếp nối và phát huy sức mạnh của truyền thống đoàn kết, yêu nước của dân tộc

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV tổng kết và đánh giá kết quả làm việc của HS dựa vào rubric 2.

3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

4. Phương án đánh giá: GV sử dụng rubric đánh giá trực tiếp phần phát biểu của HS.

Hoạt động 5. MỞ RỘNG (10p)

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI

TRUYỀN THUYẾT

Ngữ liệu đọc: *Thánh Gióng*

1. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT

1.1. Chủ đề: Ngợi ca, tôn vinh những người anh hùng

1.2. Cốt truyện:

- Liên quan đến sự kiện lịch sử có thật
- Chứa đựng yếu tố thần kì và tái hiện cuộc đời của người anh hùng (đặc biệt là quá trình làm nên thành quả/ chiến công)

1.3. Nhân vật:

- Ngôn ngữ, lời nói: rất ấn tượng
- Ngoại hình: đặc biệt
- Hành động: lạ, phi thường.

2. VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

Lí do **hội thi thể thao trong nhà trường lại mang tên là Hội khỏe Phù Đổng:**

- Gợi nhắc đến nhân vật anh hùng Thánh Gióng trong truyền thuyết.
- Lấy sức mạnh phi thường và chiến công lừng lẫy của Thánh Gióng như một tấm gương để thế hệ sau nỗ lực phấn đấu.
- Thể hiện sự mong mỏi thế hệ trẻ tiếp nối và phát huy sức mạnh của truyền thống của dân tộc

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

1. Rubric đánh giá kết quả

Rubric 1:

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Phần thông tin	HS chỉ nêu 1/3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.	HS chỉ nêu 2/3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.	HS nêu được 3 đặc điểm của truyền thuyết thể hiện qua tác phẩm.
Phần hình thức	Sơ đồ của HS chưa có sự thể hiện ý lớn, nhỏ.	Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn, nhỏ. Vài từ khóa,	Sơ đồ của HS có sự thể hiện ý lớn,

	chưa biết dùng từ khóa, hình ảnh	hình ảnh chưa phù hợp.	nhỏ. Từ khóa, hình ảnh phù hợp.
HS tự nhận xét được những ưu và nhược điểm của sản phẩm nhóm.			

Rubric 2:

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Yêu cầu chung	HS thể hiện những hiểu biết của bản thân về hoạt động mang tính truyền thống (hoạt động khơi gợi ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống) này và nêu nguyên nhân để thể hiện tác động của VB đối với suy nghĩ, nhận thức của bản thân (như 1 đại diện của thế hệ trẻ).		
Câu hỏi	HS nêu được một trong ba ý nghĩa.	HS nêu được hai trong ba ý nghĩa.	HS nêu được ba ý nghĩa. Khuyến khích HS sáng tạo, chấp nhận các ý nghĩa mới hợp lí.

Ngữ liệu: Văn bản truyền thuyết **Thánh Gióng**.

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP
KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP TRONG VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN
PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ - MÔN NGỮ VĂN

Họ và tên GVPTCC.....

Chức vụ/ môn học phụ trách:.....

Cơ sở giáo dục đang công tác

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Thời gian thực hiện (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn)
1	Chuẩn bị học tập			
1.1	Tiếp nhận danh sách GVPTĐT được phân công phụ trách <i>*Cách thức thực hiện:</i>	... GVPTĐT (số lượng do Sở GDĐT phân công)		
1.2	Hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng kí tự học mô-đun 2 trên hệ thống LMS	100% (...) GVPTĐT được cấp quyền tham gia học tập trên LMS của Viettel hoàn thành thông tin đăng kí tự học trên Hệ thống LMS, truy cập học liệu mô-đun 2 thành công hoặc/và nhận được tài liệu bản in (đối với GVPTĐT ở vùng khó tiếp cận CNTT).		
2.	Triển khai học tập: Hỗ trợ đồng nghiệp tự học mô-đun 2			
2.1.	Hỗ trợ trên hệ thống LMS của Viettel <i>*Cách thức thực hiện:</i>	- 100% (...) GVPTĐT được tham gia các lớp học ảo, tham gia thảo luận trực tuyến trên hệ thống LMS của Viettel với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao. - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần		

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Thời gian thực hiện (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn)
2.2	Hỗ trợ trực tuyến, giải đáp các thắc mắc về chuyên môn <i>*Cách thức thực hiện:</i>	- 100% (...) GVPTĐT được tham gia các hoạt động trực tuyến khác, được giải đáp các thắc mắc về chuyên môn trong các diễn đàn trực tuyến, các nhóm group chat, zalo, trao đổi qua email, các lớp học ảo..., với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao. - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần.		
2.3.	Hỗ trợ trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn/cụm trường <i>*Cách thức thực hiện:</i>	- 100% (...) GVPTĐT được tham gia các hoạt động chuyên môn trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn, giải đáp thắc mắc trực tiếp, dự giờ - sinh hoạt chuyên môn, trao đổi chuyên môn khác, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao. - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần		
3.	Đánh giá kết quả học tập mô-đun bồi dưỡng			
3.1.	Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 2 <i>*Cách thức thực hiện:</i>	100% (...) GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 2;		
3.2	Chấm bài tập hoàn thành mô-đun 2	100% bài tập hoàn thành mô-đun 2 được chấm Nhận xét cách chấm 3 bài hoàn thành mô-đun 2 của mỗi GVPTCC chịu trách nhiệm hướng dẫn.		

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Thời gian thực hiện (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn)
2.	Đôn đốc GVPT trả lời phiếu khảo sát về mô-đun bồi dưỡng			
4.1	Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành phiếu khảo sát cuối mô-đun 2 <i>*Cách thức thực hiện:.....</i>	100% (...) GVPTĐT hoàn thành khảo sát cuối mô-đun 2		
5	Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun bồi dưỡng trên hệ thống LMS			
5.1.	Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun 2 trên hệ thống LMS	80% (...) GVPTĐT tham gia bồi dưỡng trên hệ thống LMS của Viettel hoàn thành mô-đun 2 (Đạt)		

....., ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT²⁶

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Kí tên, đóng dấu/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS

(Kí và ghi rõ họ tên/nộp trên hệ thống LMS)

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA GVSP CHỦ CHỐT

(đánh dấu X): Đạt ...; Chưa đạt:

(Kí tên/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS)

²⁶Kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của GVPTCC trình Hiệu trưởng phê duyệt.

**MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP
CỦA GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỐT CÁN CHO GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG ĐẠI TRÀ HỌC TẬP NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số 410 /CV-ETEP ngày 24 tháng 9 của Ban Quản lý Chương trình)

GVPTCC điền vào bảng sau và đưa lên hệ thống học trực tuyến LMS:

Họ và tên GVPTCC

Chức vụ/ môn học phụ trách:.....

Cơ sở giáo dục đang công tác

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Kết quả hoàn thành	Thời gian hoàn thành (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn)
1	Chuẩn bị học tập				
1.1	Tiếp nhận danh sách GVPTĐT được phân công phụ trách	... GVPTĐT (điền số lượng do Sở GDĐT phân công)	Số lượng GVPTĐT		
1.2	Hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng kí tự học mô-đun 4 trên hệ thống LMS	100% (...) GVPTĐT được cấp quyền tham gia học tập trên LMS của Viettel hoàn thành thông tin đăng kí tự học trên Hệ thống LMS, truy cập học liệu mô-đun 2 thành công hoặc/và nhận được tài liệu bản in (đối với GVPTĐT ở vùng khó tiếp cận công nghệ thông tin);	Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng do Sở GDĐT phân công)		
2.	Triển khai học tập: Hỗ trợ đồng nghiệp tự học mô-đun 2				

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Kết quả hoàn thành	Thời gian hoàn thành (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn)
2.1.	Hỗ trợ trên hệ thống LMS của Viettel: Thảo luận, góp ý, bài tập, nhắc hoàn thành BT quá trình, cuối khóa, khảo sát, trao đổi với giảng viên sư phạm, các trao đổi, hỗ trợ khác ngoài việc hoàn thành mô-đun trên hệ thống học tập	- 100% (...) GVPTĐT được tham gia các lớp học ảo, tham gia thảo luận trực tuyến trên hệ thống LMS của Viettel với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao. - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần	- Số lượng và tỉ lệ % GVPTĐT đã tham gia (so với số lượng GV được cấp quyền tham gia học tập trực tuyến) - Số lượng và tỉ lệ % các thắc mắc được GVPTCC giải đáp - Số lượng và tỉ lệ % các thắc mắc được giải đáp GVSPCC giải đáp		
2.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tuyến khác, giải đáp các thắc mắc về chuyên môn trong các diễn đàn trực tuyến, các nhóm group chat, zalo, trao đổi qua email, các lớp học ảo..., với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;	- 100% (...) GVPTĐT được tham gia các hoạt động trực tuyến khác, được giải đáp các thắc mắc về chuyên môn trong các diễn đàn trực tuyến, các nhóm group chat, zalo, trao đổi qua email, các lớp học ảo..., với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao. - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần	Số lượng và tỉ lệ %		

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Kết quả hoàn thành	Thời gian hoàn thành (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn)
2.3.	Hỗ trợ trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn/cụm trường	- 100% (...) GVPTĐT được tham gia các hoạt động chuyên môn trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn, giải đáp thắc mắc trực tiếp, dự giờ - sinh hoạt chuyên môn, trao đổi chuyên môn khác, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao. - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần	Số lượng và tỉ lệ %		
3.	Đánh giá kết quả học tập mô-đun bồi dưỡng				
3.1.	Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 2	100% (...) GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun;	Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng học viên học tập trên hệ thống LMS)		
3.2	Chấm bài tập hoàn thành mô-đun 2	- 100% bài tập hoàn thành mô-đun được chấm - Có 2 bài tập hoàn thành mô-đun 2/ 01 GVPTDT được GVSPCC góp ý về đánh giá chấm bài	Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng học viên học tập trên hệ thống LMS) Số lượng bài tập được GVSPCC góp ý về đánh giá chấm bài		
3.3	Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 2	100% (...) GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun;	Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng học viên học tập trên hệ thống LMS)		

TT	Hoạt động	Kết quả cần đạt	Kết quả hoàn thành	Thời gian hoàn thành (Từ... đến...)	Người phối hợp (Giảng viên sư phạm, Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn)
4.	Đôn đốc GVPT trả lời phiếu khảo sát về mô-đun bồi dưỡng				
4.1	Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành phiếu khảo sát cuối mô-đun 2	100% (...) (điền số lượng hoàn thành mô-đun bồi dưỡng) GVPTĐT hoàn thành khảo sát cuối mô-đun 2;	Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng học viên hoàn thành bài tập trên hệ thống LMS)		
5	Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun bồi dưỡng trên hệ thống LMS				
5.1.	Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun 2 trên hệ thống LMS	80% (...) (điền số lượng) GVPTĐT tham gia bồi dưỡng trên hệ thống LMS của Viettel) hoàn thành mô-đun 2 (Đạt)	Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng học viên tham gia BD MĐ 1)		

..... Ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT²⁷

NGƯỜI BÁO CÁO

(Kí tên, đóng dấu/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS)

(Kí và ghi rõ họ tên/nộp trên hệ thống LMS)

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA GVSP CHỦ CHỐT

(đánh dấu X): Đạt ...; Chưa đạt:.....

(Kí tên/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS)

²⁷Báo cáo hoàn thành kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của GVPTCC trình Hiệu trưởng phê duyệt.

PHỤ LỤC 3. KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY
KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TÊN BÀI HỌC: ...

Thời lượng: ... tiết

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	(STT của YCCĐ)
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ		
NĂNG LỰC ĐỌC	...	(1)
	...	(2)
NĂNG LỰC VIẾT	...	...
	...	...
NĂNG LỰC NÓI VÀ NGHE	...	...
	...	...
NĂNG LỰC CHUNG		
NĂNG LỰC A	...	
NĂNG LỰC B	...	
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU		
PHẨM CHẤT X	...	
PHẨM CHẤT Y	...	

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (thời gian)	Mục tiêu (Số thứ tự YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
Hoạt động [STT]. [Tên hoạt động] (Thời gian)	- - -			
Hoạt động [STT]. [Tên hoạt động] (Thời gian)	-			

	-			
Hoạt động [STT]. [Tên hoạt động] (Thời gian)	-			
	-			
Hoạt động [STT]. [Tên hoạt động] (Thời gian)	-			

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

Dưới đây là cấu trúc một hoạt động học

Hoạt động [STT]. [Tên hoạt động] (Thời gian dự kiến) 1. Mục tiêu: (ghi số thứ tự của YCCĐ) <i>Liệt kê các mục tiêu của hoạt động học này. Trong đó, các mục tiêu của hoạt động học này phải thuộc các mục tiêu đã đặt ra cho dạy học chủ đề ở mục I.</i> 2. Tổ chức hoạt động <i>Liệt kê rõ các hướng dẫn, câu lệnh GV đặt ra cho HS. Nêu rõ nguồn học, phương tiện dạy học sẽ sử dụng. Thường bao gồm các bước</i> - GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập 3. Sản phẩm học tập <i>Ghi rõ sản phẩm học tập dự kiến của HS trong hoạt động học. Tùy theo mục tiêu, nội dung hoạt động mà sản phẩm học tập có thể ở nhiều dạng khác nhau, ví dụ câu trả lời cụ thể, kết quả thực hiện bài tập, đề xuất hoặc giải pháp, sản phẩm thật...</i> 4. Phương án đánh giá <i>Mô tả hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá trong hoạt động (chỉ rõ đánh giá qua quan sát, viết hay hỏi đáp với công cụ là rubric, câu hỏi, bài tập, do GV đánh giá hay HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng ...). Trong đó: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (thông qua các sản phẩm học tập) chính là đánh giá mức độ HS đáp ứng mục tiêu của hoạt động học).</i>
--

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

Các phiếu học tập, rubric đánh giá ...

ĐÁNH GIÁ KHOÁ HỌC

1. Nhiệm vụ và yêu cầu bài thu hoạch học viên thực hiện sau khóa tập huấn

Bài tập 1. Lựa chọn và xây dựng nội dung, PP, KTDH cho một bài học trong môn Ngữ văn. Thể hiện thông qua một KHBD cụ thể.

Bài tập 2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp là GV đại trà dạy môn Ngữ văn ở trường THCS về học tập mô đun "Sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất học sinh trung học cơ sở môn Ngữ văn".

2. Phương pháp đánh giá bài thu hoạch sau khóa tập huấn

- HV nộp sản phẩm là KHBD và kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trên hệ thống học tập trực tuyến.

- BCV đánh giá cho điểm và nhận xét về KHBD và kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp mà HV đã nộp.

3. Đánh giá kết quả tập huấn

- *Đánh giá quá trình* thông qua các sản phẩm hoạt động của HV trong quá trình tập huấn.

- *Đánh giá kết quả* thông qua bài thu hoạch mà HV cần hoàn thiện sau khóa tập huấn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán. (2010). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*. (Tái bản lần thứ 13). NXB Giáo dục Việt Nam.

Bartholomae, M., Sekyra, S., & Sibigtroth, K. (2011). *Bringing 4-Square Writing to Life*. Teaching and Learning Company.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng*. Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông- Chương trình tổng thể*, Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội.

Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier. (2010). *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học*. Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông (Loan no1979- VIE).

Trần Thị Hương (Chủ biên). (2017). *Giáo dục học đại cương*. (Tái bản lần 3, có sửa chữa, bổ sung). NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Vũ Xuân Hùng. (2012). *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*, NXB Lao động xã hội.

Trần Quốc Khánh. (2012). Cơ sở của việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, *Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo*, số 290, kỳ 2, tháng 7/2012.

Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường. (2014). *Lí luận dạy học hiện đại – Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.

Đỗ Ngọc Miên. (2012). Chiến lược dạy học của giáo viên nhằm phát triển tư duy cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo*, số 281 (kì 1-3/2012).

Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu. (2017). *Giáo trình Phương pháp dạy học văn bản*. (Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung). NXB Đại học Cần Thơ.

Nguyễn Thị Hồng Nam và Trần Nguyên Hương Thảo. (2017). Dạy tạo lập văn bản dựa trên tiến trình- những bài học kinh nghiệm cho dạy tạo lập văn bản ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 14, Số 4b (2017), tr. 116-126.

Đào Thị Oanh. (2007). *Vấn đề nhân cách trong tâm lí học ngày nay*, NXB Giáo dục.

Hoàng Phê. (2016). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Hồng Đức.

Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Diễm My. (2017). *Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỳnh Văn Sơn, Lê Thị Hân, Trần Thị Thu Mai, Nguyễn Thị Uyên Thy. (2018). *Giáo trình Tâm lí học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Hồng Vân. (Chủ biên) (2018). *Dạy học môn Ngữ văn cấp trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực học sinh*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.